

I THÁNG I NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

NGUYỄN tổng thống Nixon và phong trào phản chiến ở Hoa-kỳ * VŨ BẢO bà Thủ-tướng Do-thái Golda Meir * CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn: đi tìm một thứ Toán có giá trị phổ quát * HOÀNG SỸ QUÝ một cái nhìn Đông-phương về văn đề lính dục * TRẦN ĐẠI phương thức đào tạo kỹ giả tại những nước kém mở mang * TRẦN THỂ SỰ Tiếp-khắc sau một năm bị chiếm * BẢO CHÂU Tarzan, người hùng 20 năm trước * DOÃN DÂN tiếng gọi thăm * Ý YÊN lời nguyện giờ trưa * LÊ VĂN TRUNG làng tôi * LÊ PHƯƠNG CHI Nguyễn Mạnh Côn và Hòa bình * SINH HOẠT TỬ DIỆP thời sự khoa học * TRÀNG THIÊN, BÙI KIM ĐÌNH, THU THỦY, thời sự văn nghệ *

308





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- ▶ *associe :*
- L-LYSINE
 - VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
 - PANTOTHENATE DE CALCIUM
 - GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

THỜI-ĐẠI

Số 308 ngày

1-11-1969

NGUYỄN tổng thống Nixon và phong trào phản chiến ở Hoa-kỳ	5
VŨ BẢO bà Thủ tướng Do-thái Golda Meir	11
CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn : đi tìm một thứ toán có giá trị phổ quát	21
HOÀNG SỸ QUÝ một cái nhìn Đông-phương về vấn đề Tính-dục	27
TRẦN ĐẠI đào tạo kỹ giả tại những nước kém mở mang : phương thức đào tạo	33
TRẦN THỂ SỰ Tiếp-khắc sau một năm bị chiếm	39
BẢO CHÂU Tarzan, người hùng 20 mươi năm trước	45
DOÃN DÂN tiếng gọi thăm (truyện)	49
Ý YÊN lời nguyện giờ trưa (thơ)	67
LÊ VĂN TRUNG làng tôi (thơ)	68
TỬ DIỆP thời sự khoa học	69
TRÀNG THIÊN, BÙI KIM ĐÌNH, THU THỦY thời sự văn nghệ	72
BẢO LƯƠNG khóc em (thơ)	77
VŨ HOÀNG CHƯƠNG câu đối ai điếu Mộng-Trung nữ sĩ	78

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 40 đ Công sở : giá gấp đôi 80 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Cùng quý bạn đọc thân mến

Từ hơn một năm nay, vật giá tăng lên bội phần và mọi chi phí liên quan đến việc ấn loát cũng tăng lên gấp rưỡi. Bởi vậy bó buộc chúng tôi phải tăng giá báo *Bách Khoa*, kể từ số này, mỗi số là 40đ như các tạp chí bạn.

Chúng tôi mong quý bạn đọc đã ủng hộ cho tạp chí *Bách-Khoa* đứng vững trong 13 năm nay sẽ vui lòng chấp nhận giá báo mới trên đây để tờ báo được đầu tư với những khó khăn hiện tại mà tiếp tục phục vụ bạn đọc.

Cũng bắt đầu từ số này, *Bách Khoa* thay chữ mới và chấn chỉnh lại việc ấn loát để lần lần có thể cải tiến cả phần hình thức lẫn nội dung cho hợp với các đề nghị mà quý bạn đã sốt sắng góp ý kiến với Tòa soạn từ ít lâu nay.

Tạp chí BACH KHOA

Giá báo

MỖI SỐ	:	40 đ.
SÁU THÁNG	:	430 đ.
MỘT NĂM	:	850 đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí 80đ. một năm.

Giá Công sở : Gấp đôi, mỗi số 0đ.

CÁO LỖI

Tạp chí bài «*Trăm Việt trên vùng định mệnh*» của Phạm Việt Châu, đã sang một phần mới mà vì lý do kỹ thuật nên chưa đăng tiếp trong số này được. Bạn đọc đón coi trên số tới : *Mỹ và Đông Nam Á*.

Cũng vì lý do trên, bài phỏng vấn của Lê Phương Chi «*Nguyễn Mạnh Cầm và Hòa Bình*» phải gác lại đến số 309 ra ngày 15-1-69.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và các tác giả trên đây.

Tổng thống Nixon

và phong trào Phản chiến

• NGUYỄN

Chín tháng bình yên

Liệu Việt-Nam có thể trở thành « một vấn đề rắc rối bi thảm mang nặng lời nguyền độc địa, làm tiêu ma sự nghiệp bất cứ vị Tổng Thống nào đứng tới nó » như Henry Kissinger có lần đã phải nghi ngại hay không ? Johnson đã phải rũ áo về « vui thú điền viên » ít nhiều cũng vì trận giặc Việt Nam. Không ai nghi rằng Tổng-Thống Nixon sẽ phải đi theo con đường đó, nhưng ai cũng phải công-nhận rằng con đường trước mặt T.T. Nixon gai góc cũng nhiều. Chính Tổng Thống Nixon là người ý thức được điều đó rõ hơn ai hết. Chính vì hứa hẹn có kế hoạch chấm dứt mau chóng cuộc chiến Việt-Nam mà T.T. Nixon đã thắng đối thủ năm trước đây. Nên khi ông nói rằng không có gì làm ông bận tâm hơn là việc giải quyết chiến-tranh Việt-Nam, ông đã rất thành thực với chính ông cũng như với tất cả mọi người. Chính dưới chánh quyền của ông, khẩu hiệu « Hãy ngưng oanh tạc và thương thuyết » của phe phản chiến đã mất hiệu lực. Cũng chính trong 9 tháng đầu tiên này, thay vì đổ thêm quân vào Việt Nam, những đơn-vị Mỹ đầu tiên đã được hồi hương. Khoảng 29.000 người sửa soạn nhập ngũ trong tháng 10 được chia đều ra cho 3 tháng cuối năm. Một dự-thảo cải-tổ luật động-viên đã được chuyển cho Quốc-hội từ tháng

Năm gồm nhiều điều-khoản công-bình hơn, nhằm xoa dịu giới trẻ (1). Trên chiến trường Việt Nam con số tổn thất của chiến-binh Hoa Kỳ đã đạt tới mức thấp nhất từ 3 năm nay (2).

Sau 9 tháng trường năm vững tình thế như vậy, đột nhiên T.T. Nixon thấy mọi vật quanh mình xụp đổ rã rời như một căn nhà gỗ bị cuốn trong xoáy nước lũ ở Missisipi. Số người ủng hộ ông sụt xuống còn 35% chỉ còn trên uy tín Johnson trong thời kỳ sa sút nhất có 8% (3). Cũng lúc đó số người nghi rằng việc Hoa-kỳ can thiệp vào Việt Nam là sai lầm đã lên tới 58%, cao hơn cả con số 51% bất tán thành cuộc chiến Triều Tiên trong tháng Tư 1952 (4).

(1) Động viên nhóm trẻ nhất trước tiên (càng lớn càng ít có triển vọng bị động viên)

— Giảm thời hạn có thể bị gọi động viên xuống 1 năm thay vì 7 năm như trước (nếu trong tuổi 19 không bị gọi, khi trên 20 coi như được miễn dịch, trừ trường hợp đặc biệt).

— Lựa chọn theo lối xổ số (có 365 thăm ghi 365 ngay trong năm; thí dụ nếu xổ trúng ngày 1 tháng 4 thì tất cả thanh niên thuộc lớp tuổi 19 sinh trong ngày đó sẽ bị gọi, nếu chưa đủ số, lại xổ tiếp số khác).

— Hoàn dịch cho sinh viên Đại-Học cho tới khi tốt nghiệp.

() Khoảng 80 mỗi tuần so với trên 200 mỗi tuần trước đây.

() Harris Poll 9/69.

(4) Gallup Poll 9/69.

Viện Harris còn ghi-nhận rằng sự bất tín nhiệm Nixon không những chỉ được biểu lộ ở miền Đông, tại các thành phố lớn, trong giới trẻ và giới trí thức—những người đã gây khó dễ cho Nixon trong kỳ tuyên-cử vừa qua—mà nó còn bành trướng nhanh chóng trong giới trung lưu Mỹ ở miền Nam và miền Trung Tây, trong những thành phố nhỏ và các vùng thôn quê, nơi mà ông Nixon đã được ủng hộ với nhiệt-tình năm trước đây. Chính cái mối bất mãn phát xuất từ những vùng trung-kiên ấy đã tạo một áp lực nghiêm-trọng hơn cả đối với chính sách của TT. Nixon trong vấn-đề Việt Nam.

Điền-hình cho tâm trạng chán chường bất mãn với Nixon của giới trung lưu, là vụ ứng-cử-viên phản-chiến trẻ tuổi Michael Harrington đánh bại ứng cử viên Cộng Hòa khả-kinh William L. Saltonstall đoạt ghế đại diện Hạ viện miền Massachusetts về cho Đảng Dân-Chủ lần đầu tiên sau 92 năm. «Hòa bình đã trở thành một đề tài tranh-cử hốt phiêu. Vùng ngoại ô đã xoay ra chống chiến tranh». Các quan-sát-viên chính-trị phần lớn đều đồng ý nhận xét như vậy.

Lơ mơ kiểu

Micawber «chủ nghĩa»

Sở dĩ luồng dư-luận bất mãn với Nixon bành trướng sâu rộng như vậy một phần là vì Nixon quá lưu tâm đến việc tránh những lỗi lầm của Johnson, mà trở trêu thay, chính vì vậy lại loay hoay dẫm vào vết chân của kẻ tiền nhiệm. Johnson không được lòng dân. Nixon muốn được lòng tất cả mọi người. Muốn vậy phải đi nước đôi, để làm vừa lòng cả kẻ muốn mình nhảy vọt lẫn kẻ muốn mình đứng sững lại một chỗ, Nixon rút rè tiến nửa bước: kết quả chẳng một ai được vừa

ý. Không muốn mất lòng ai thì phải tránh cam kết, phải nói lơ mơ «lạc quan tếu» kiểu «Micawber chủ nghĩa» (1), rút cục cũng chẳng ai vừa lòng. Nixon thường nhắc đi nhắc lại rằng ông có một kế hoạch và ông muốn quần chúng Mỹ tín nhiệm nơi ông tin tưởng vào ý định «chấm dứt chiến tranh» của ông. Nhưng ông cho biết rằng không thể giải thích được kế hoạch đó và sẽ không giải thích nó, như vậy ông dễ đối phó với địch hơn. Ông chỉ cho biết là kế hoạch của ông có thể vẫn hồi hòa bình nhanh chóng hơn các đề-nghị khác nếu ông được sự ủng hộ của quần chúng và được phép thực hiện. Cách tốt nhất là mọi người im lặng, ngưng mọi chỉ trích, xiết chặt hàng ngũ sau lưng ông, kết quả đạt được sẽ rất tốt đẹp. Nghị sĩ Fullbright không chịu như vậy, nhiều người đã đồng ý với ông khi ông phản đối chính sách há miệng chờ sung kiểu đó. Sau 9 tháng trời chờ đợi không thấy ngõ thoát, sự kiên nhẫn của một dân tộc xốc nổi đã đến mức tận cùng. Lời hứa hẹn áp dụng một kế hoạch giải quyết chóng vánh cuộc chiến Việt-Nam đã trở thành một thứ âm-binh nổi dậy quật lại thầy phù-thủy, đúng lúc thời của thầy từ thịnh chuyển sang suy.

Mùa Thu thử thách

Bắt mạch được tâm-trạng quần chúng, lại thêm kỳ tuyên-cử Quốc-hội đã sắp tới, các chính-trị-gia của lưỡng đảng đã nương theo chiều gió thời bùng ngọn lửa phản chiến, mở một chiến-dịch tấn công rộng lớn nhằm vào chính sách của Tổng-Thống Nixon.

(1) *Micawberism*, trích trong lời phê bình Nixon của nghị sĩ Fred Harris. Micawber là một nhân vật trong truyện David Copperfield một kẻ rất ít tiền nhưng lại rất lạc quan luôn luôn tin chắc rằng «thề nào cũ g có chuyện gì đó xảy tới».

Trong khi vì lý do này hay lý do khác TT. Nixon không thể giải-thích rành mạch kế-hoạch cũng như không thể ấn-định rõ rệt được kỳ hạn giải quyết chiến tranh, các kế-hoạch và giải-pháp «hữu hiệu nhất, chóng vánh nhất» của các nghị-sĩ, dân-biểu, chính-trị-gia tung ra như bươm bướm.

Frank Church và Mark Hatfield ra quyết nghị đòi rút nhanh chóng và an toàn đại quân Mỹ ra khỏi Việt-Nam, tuy nhiên kỳ hạn không thấy ấn định. Cựu Bộ-trưởng Clifford đưa ra kế hoạch rút hết các bộ phận chiến đấu Mỹ ra khỏi Việt Nam vào tháng Giêng 1971, chỉ để lại một số lực lượng phi pháo yểm trợ. Nghị sĩ Edward Kennedy, tuy chưa hoàn toàn hồi phục sau thảm kịch Chappaquiddick, cũng nương vào thời cơ này góp tiếng đưa ra giải pháp rút các bộ phận chiến đấu ra khỏi Việt-Nam trước tháng 10 năm 1970. Đặc sắc nhất là 2 kế hoạch Goodell và Vance Kế hoạch đầu của Nghị sĩ Goodell muốn Hạ viện thông qua một đạo luật ấn định rõ thời-khóa-biểu rút toàn bộ quân Mỹ ra khỏi Việt-Nam trong năm 1970 (1). Kế-hoạch Cyrus Vance, thường được gọi là kế hoạch ngưng bắn «da beo», đề-nghị một cuộc ngưng bắn tại chỗ nhằm làm ngưng động hiện-trạng trên cơ sở thực-tại chính-trị và quân sự, đặt các phe đối chiến vào thế thủ, tạo điều kiện sơ khởi cho cuộc đấu tranh chính-trị sau này (2)

Phong-trào chống đối đã lên đến tột đỉnh với cuộc vận-động rộng rãi tại Quốc Hội nhằm hạn-chế quyền của Tổng-Thống. Nghị sĩ Cộng-hòa Donal Riegle Jr và Paul Mc. Closkey đưa ra đề nghị rút lại Quyết nghị Vịnh Bắc Việt 1964 đã trao toàn quyền hành động ở Việt Nam cho

Tổng Thống Mỹ. Tổng Thống Truman cũng đã vấp phải trường hợp này trong hai năm 1946 và 1951. Điểm khác biệt là cuộc vận động chống Truman thời đó do phe hữu chủ-xương, cuộc vận động hiện nay do nhóm có khuynh hướng tự do (liberals) chủ động.

Trước cả một chiến dịch phê-bình chỉ-trích chánh phủ rầm rộ như vậy, lãnh tụ Cộng-hòa Thượng-viện phải lên tiếng kêu gọi các bạn đồng-viện hãy chấp-thuận một «diên-kỳ» (3) chỉ trích chánh sách chánh quyền trong 60 ngày. Đáp lại, nghị-sĩ Fullbright cho biết nên có «diên kỳ» chém giết cho bớt chết chóc ở Việt-Nam hơn là hoãn chỉ-trích chánh quyền. Danh từ lạ tai «diên kỳ» tung đi ném lại một hồi lọt vào tay một nhóm thanh niên phản chiến và trở thành danh-hiệu của Chiến-dịch Vận động ngưng hoạt động để phản đối chiến tranh Việt Nam : Moratorium Day chào đời báo hiệu một Mùa Thu thử thách cho chính quyền Nixon.

Tạo đối thay trong khuôn khổ chế độ

Một năm trước đây Tổng Thống Nixon đã gọi lớp người trẻ ở đất Mỹ

(1) Theo Gallup Poll 57% dân Mỹ ủng hộ kế hoạch này, 31% chống lại và 12% không ý kiến. Harrington là 1 trong số những người tán thành kế hoạch này.

(2) Kế hoạch này được ủng-hộ rất rộng rãi trong các giới trí-thức phản-chiến Mỹ. đặc biệt Báo Christian Science Monitor ngày 3.10 đã đề-nghị chánh quyền Nixon cứu xét việc áp dụng kế hoạch này.

(3) Moratorium = Diên kỳ : ước-khoản do luật-định theo đó vì những lý do công ích đặc biệt, một hạng người nào đó (quân nhân chẳng hạn...) được hoãn trả nợ trả lãi, hoãn thi hành một số nghĩa vụ.

là « Thế hệ vĩ đại », lúc đó ông còn nói rằng người ta có thể học hỏi được rất nhiều qua sự tìm hiểu tâm tư giới trẻ. Một năm đã qua, nay là dịp để ông tìm hiểu tâm tư lớp người mới và chắc rằng ông có thể rút ra được một đôi điều đáng suy ngẫm. « Thế hệ vĩ đại », *The Great Generation*, đang muốn tạo một cuộc đổi thay trong khuôn khổ chế độ. Lớp đàn em cũ của Robert Kennedy và Bugene Mc Carthy sau những ngày im lặng đã « tái xuất giang hồ » để làm một cái gì mà họ chờ đợi ròng rã 9 tháng trường không thấy tới. Ý kiến làm hồi-sinh phong trào phản chiến, ấn định kỳ hạn chấm dứt chiến tranh VN, đã do thủ lĩnh nhóm chủ-hòa Mass, Pax tại Massachusetts khởi xướng. Anh này muốn vận động một cuộc tổng-đình-công trên toàn quốc nhưng ý kiến này bị Sam Brown (1) gạt bỏ vì không thực tế, vả lại theo anh cần phải có « chiến thuật mới ». Hợp tác cùng David Hawk, một cựu cõ-động-viên cho Mc. Carthy thuộc Tổng hội Sinh viên Quốc gia, Sam Brown mở một trụ sở nhỏ âm thầm chuẩn bị kế hoạch từ giữa tháng Sáu 1969; Anh đã kiên nhẫn chờ đợi cho hoàn-cảnh chín mùi và cho phát khởi chiến dịch đúng vào lúc các sinh-viên tựu trường, nhằm dựa vào lực lượng phản-chiến chủ lực đó mà phát-triển. Phụ lực với anh ở Hoa-Thịnh Đốn là một bộ tham mưu 31 người (2), nhóm này điều động và phối hợp với 7.500 đoàn viên trên toàn quốc Đa số các đoàn viên này đều thuộc nhóm cõ-động viên cho Robert Kennedy và Mc. Carthy, họ đều là những người rất lý tưởng và ôn hòa, tin tưởng rằng có thể tạo được sự đổi thay trong khuôn khổ chế-độ. Họ chưa thành công trong kỳ tuyên cử vừa qua, nhưng họ đã học được nhiều kinh nghiệm vận-động quần-chúng và

ý thức được sức mạnh nội tại của thế-hệ trẻ, một sức mạnh mà họ thấy rằng có thể dòi dòi được hiện trạng bằng phương pháp ôn hòa. Chính trong ý thức và niềm tin tưởng đó họ đã bắt tay vào cuộc vận-động mới. Họ làm việc bất kể ngày đêm, liên lạc với tất cả các tổ chức, các nhân vật quan trọng, mời họ tham gia, in và phân phát tài liệu bích chương vận động sâu rộng trong các Đại-học và trong quần chúng. Thành tâm thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh của họ đã được đền bù bằng sự ủng hộ nồng nhiệt, bằng tinh thần và vật chất, của đủ các giới. Trung bình mỗi ngày họ nhận được 1000 đô la và 1500 thư ủng hộ, Lãnh tụ Đa số Thượng viện, Chủ tịch Ủy-ban Quốc gia Dân chủ và cả 5 nghị sĩ Dân Chủ có thể ứng cử Tổng Thống, 17 nghị sĩ và 47 dân biểu đã ủng hộ Ủy ban; nhiều vị lãnh đạo tinh thần có uy tín cũng hưởng ứng, trong số đó có Đức Hồng Y Cushing địa phận Boston, hai vị lãnh đạo tối cao của Do-Thái-giáo cải cách Hoa-kỳ, vị Tổng Thư-ký Hội đồng Tôn giáo Thế giới, bà quả-phụ mục sư Martin Luther King, Mục sư Abernathyn, gười kế vị mục sư King, và đặc biệt là sự hưởng ứng của nhà lãnh tụ bất bạo động gốc Mê-Tây-cơ Cesar Chavez Các nhân vật cấp tiến chủ hòa thời danh đã nhận lời diễn thuyết trong ngày 15-10 với một số lượng lớn lao nhất trong lịch sử phản chiến Mỹ quốc.

Ký giả Marx Lerner đã tóm lược hiện tượng tham gia đông đảo của mọi giới

(1) Sam Brown là một sinh viên 26 tuổi cõ-động viên cho Mc. Carthy trong kỳ tranh cử vừa qua

(2) Trong số này có 2 phụ tá cũ của Mc Carthy và R.F. Kennedy là Adam Walinsky và dân biểu Lowenstein.

vào phong trào phản chiến 15-10 trong mấy hàng sau đây :

« Các vị Viện-trưởng, các viện Đại-học, các vị Đô-trưởng, Thống đốc Tiểu bang, Dân biểu và Nghị sĩ, tu sĩ, các nhà ngoại-giao không nắm chức vụ — tất cả đã tham gia vào triều sóng dậy, đẩy nó vượt qua giới hạn các Trường Đại-học lúc ban đầu. Tại chưa được chứng kiến một biến cố nào trong lịch sử chiến tranh Hoa-kỳ tương đương với hiện-tượng này »

Chính cái tinh chất nghiêm chỉnh và xây dựng của Ủy ban Vận động 15-10 và nhất là sự ủng hộ nồng nhiệt và rộng lớn của quần chúng Hoa-kỳ đã khiến nhóm cực tả « Student For a Democratic Society » ghen tức vì tẩy chay không cộng tác và cũng không tham gia vào ngày 15-10, với lý do là Ủy ban Vận động 15-10 chỉ lên án chiến tranh mà không lên án cái chế-độ đã gây ra cuộc chiến đó.

Cái ảnh hưởng lớn mạnh của Phong trào Vận động 15-10-1969 quả đã biểu hiện rõ rệt ngay từ bước chuẩn bị. Ký giả Victor Zorza, chuyên viên về vấn đề Cộng sản của báo The Guardian của Anh, đã phải thú nhận, khi tới Hoa Thịnh Đốn trước ngày 15-10-1969, là đã nhận định lầm về phong trào này. Đến quan sát tận nơi, ông thấy « ảnh hưởng của phong trào này quá to lớn không thể nào không coi nó là một yếu tố chính trị tối quan trọng đối với quan điểm của chính quyền ».

Rõ ràng có Tổng-Thống Nixon và một số Bộ trưởng, vì lý do này hay lý do khác, đã có những nhận-định khác hẳn về phong trào này. Ông Nixon đã cho rằng « dù dưới bất cứ hoàn-cảnh nào ông cũng sẽ không bị ảnh hưởng bởi ngày

15-10 ». Nhưng trên thực tế ông đã có phần nào bị ảnh hưởng điển hình là vụ cắt chức Tướng Hershey—đối tượng căm thù của giới trẻ—khỏi Nha Động-viên; vụ trả lời thơ chỉ trích của một sinh viên; và vụ cho công bố trước ngày 15-10-69 là ông sửa soạn đọc một bài diễn văn về Việt-Nam vào đầu tháng 11 này.

Phạm-Văn-Đồng cũng đã lầm lẫn khi định khai thác phong-trào phản-chiến bằng lá thư ngỏ gửi cho « các bạn Hoa-kỳ » chúc cho « cuộc tiến-công mùa Thu thắng lợi vẻ vang »; cùng lúc đó đa số dư-luận Hoa kỳ cũng cho là đề-nghị của Phó Tổng Thống Agnew yêu cầu các nhà lãnh-đạo cuộc phản-chiến ngày 15-10 lên án bức thư của Đồng cũng là một lỗi lầm không hơn không kém. Những người yêu chuộng hòa-bình ở Hoa-kỳ không muốn một ai chụp bắt cứ một thứ mũ nào lên đầu lên cổ họ.

oOo

Nhóm Vietniks () thiếu-số hôm qua đã trở thành nhóm Phản chiến đa số hôm nay.

Năm vạn ánh nến tạo thành con suối lửa trườn từ Đài kỷ-niệm Washington xuống, cuộn quanh Tòa Bạch-ốc vắng vẻ. Một người tuổi trạc trung tuần trong đoàn diễu-hành chỉ vào khung cửa sổ phòng ông Nixon nói : « Ông ấy đang ngồi bên khung cửa tối Ông ấy bắt đầu phân vân nghi ngại. Ông ấy đâu có ngờ là đông đến thế này ». Lúc đó là 7 giờ tối ngày 15-10-69 tại Hoa-Thịnh Đốn. (2)

(1) Danh từ chỉ những người phản đối chiến tranh Việt-Nam, nhất là đám sinh viên trẻ.

(2) Newsweek

Không phải chỉ Tổng-Thống Nixon bị ngỡ ngàng vì sự tham-gia đồng-đạo của quần chúng vào cuộc biểu dương hòa bình, mà ngay cả nhóm tổ-chức cũng phải sửng sờ vì thành-quả đạt được quá mức mong muốn.

«Chưa từng bao giờ có một hiện-tượng tương tự như vậy xảy ra tại Hoa kỳ» « cuộc biểu-dương đã len lỏi vào tới từng hang cùng ngõ hẻm của đất nước» (1). Trên một triệu người tham dự tích cực vào ngày 15-10, đó là ước lượng của Tuần báo Time. Báo này còn vạch rõ là tuy con số đó chưa tới 1% dân số, nhưng ngày 15-10 quả là một cuộc phản kháng ôn hòa không tiền khoáng hậu trong lịch sử Hoa-kỳ, vì sự liên-kết rộng rãi mọi thành phần, mọi giới, vì cách thể biểu-dương ý-chí một cách nghiêm chỉnh và ôn hòa. Nếu giới trẻ là lực lượng tiên phong thì trong hàng ngũ cũng còn có muôn vàn các bà nội trợ, các thương gia, chính trị gia... Ngay cả tại khu vực đầu rẻo miền Trung-Tây là Chicago mà người ta cũng phải công nhận là đa số thành phần tham dự đều là «những người trưởng thành, trong sạch và thẳng thắn của giới trung lưu Hoa-kỳ». Giám đốc văn phòng báo Time đã phải kết luận là : « Có lẽ phần lớn đất nước đã bị ảnh hưởng phần nào vì làn sóng biểu dương. Chính những biến cố nhỏ nhỏ diễn ra trong các thánh đường, trường học, tòa thị-sảnh, trên các vỉa hè đã làm ngày 15-10 thêm ý nghĩa ».

Từ 100.000 người tập hợp trùng trùng quanh Boston Common tới 20.000 chủ ngân hàng, kỹ nghệ gia chen chúc tại Wall Street nghe cựu cố vấn Bill Moyers lên án chiến tranh, từ 300 bà nội trợ, chưa hề tham dự một cuộc biểu

tình nào, lặn lội đi cả dặm đường tới nhà Bưu điện ở River Forrest bỏ thư yêu cầu T.T. Nixon chấm dứt chiến tranh đến vị đồng Chủ tịch Phong trào Công dân ủng hộ Nixon Agnew trong năm 1968, lên tiếng trước 15.000 người ở New Haren yêu cầu Tổng Thống xúc tiến việc ngưng chiến, từ cuộc dễn hành rước 158 ngọn nến cho 158 linh hồn thanh niên El Paso đã tử trận ở Việt-nam tới cuộc dễn hành trong ánh nến của 15.000 người dưới mưa, trên suốt 2 dặm đường, để nghe đọc danh sách những người tử trận tại Wisconsin ; từ gần 4 vạn tiếng chuông chiêu hồn thể lương thỉnh lên tại Bethel College, Kansas cho từng linh hồn tử sĩ Mỹ tại Việt-Nam tới tiếng òa khóc nức nở của một sinh-viên Trường Đại-học St. Thomas tại Boston bắt chợt bắt gặp tên người bạn cũ trong khi đang lớn tiếng đọc bản danh-sách tử sĩ; từ lễ châm « ngọn lửa sinh-khí » tại trường học cũ của T. T. Nixon nhằm « nhắc nhở mọi người và ám ảnh Tổng Thống cho đến khi sự đau thương và chết chóc chấm dứt » tới cặp tình-nhân 17 tuổi tại Glassboro phải dùng đến cái chết để chống đối chiến tranh và cảnh-tình người sống... tâm tư người dân Mỹ đối với cuộc chiến Việt-Nam đã được biểu lộ một cách thật sôi nổi đã thiết tha.

Tâm-trạng này còn được một số người Mỹ ở hải-ngoại chia sẻ. Tại trên mười thủ-phủ trên thế giới (1) các cuộc biểu dương ý-chí đã được thực-hiện trước cửa các sứ-quán Hoa-kỳ sở tại.

(Xem tiếp trang 81)

(1) Newsweek

(2) Copenhagen, London, Tokyo, Paris, Vienna, Dublin, Roma, Geneva, Bogota (Columbia), Buenos Aires (Argentina) và Saigon.



Bà Thủ-tướng Do-thái

GOLDA MEIR

Trong lịch sử cận đại mới có ba người đàn bà làm thủ tướng : Tích Lan có bà Bandaranaike, Ấn Độ có bà Indira Gandhi và gần đây Do Thái với bà Golda Meir.

Bà Bandaranaike lên nắm quyền bính đã nhờ vào uy tín của chồng. Bà Indira Gandhi đã hưởng được cảm tình và lòng kính trọng mà dân chúng Ấn Độ dành cho cha bà là Thủ Tướng Nehru. Riêng có bà Golda Meir là đã « thân lập thân » đi từ chỗ bần hàn tới chỗ nắm trọng trách quốc gia toàn do sức phấn đấu và lòng quả cảm.

Số mệnh bà kể cũng thực lạ kỳ. Sinh ra trên đất Nga, lớn lên ăn học trên đất Mỹ rồi đứng ra tái lập được một quốc gia, định cư cho một dân tộc phiêu bạt đã có hai ngàn năm vong quốc.

Một người đàn ông dựng nên một sự nghiệp như vậy đã khiến cho chúng ta say mê theo dõi, tìm hiểu xem do đâu mà người nọ đã đi được những bước đường kia. Khi mà những bước đường đó lại do một người đàn bà phăng phăng vạch lối thì cái thân thế phi thường kia đối với chúng ta lại càng thêm quyến rũ.

Cô gái áp út

Câu chuyện bắt đầu từ căn nhà lụp xụp của anh thợ mộc Moshé Mabovitch ở tỉnh Kiev bên Nga. Người Do Thái như anh ta không có quyền muốn ở đâu thì ở, mà phải sống tập trung vào những khu vực riêng biệt để nhà cầm quyền tiện kiểm soát. Tỉnh Kiev không

phải là khu vực mà người Do Thái được phép lưu ngụ nhưng Moshé là một tay thợ mộc khéo nên được đặc cách cấp giấy cư trú.

Ở khu vực nào thì người Do Thái cũng vẫn là người Do Thái. Họ phải chịu một quy chế hết sức là khắt khe

và mỗi khi người Nga tức giận điều gì thì đã có sẵn người Do Thái làm « dê tế thần » để cho người Nga trút hết sự bực bội của mình qua những trận « pogrom » tức là những trận hành hạ hay tàn sát hàng loạt người Do Thái.

Anh thợ mộc Moshé tuy khéo tay như vậy mà cũng không kiếm đủ cho vợ con khỏi chết đói Sinh 8 con mà chỉ nuôi được có 3 con gái : Shana, cô đầu lòng, Golda cô áp út và Zipporah, cô út. Giữa cô chị Shana và cô em Golda, thì vợ chồng Moshé sinh được 5 đứa con trai nhưng cả 5 đều chết khi còn nhỏ

Chính cái cảnh cơ hàn đó và những cuộc pogrom đàn áp đã man kia đã ghi những ấn tượng hết sức sâu xa trong trí óc Golda và đã hun đúc ngay từ nhỏ ý chí phấn đấu của bà ta.

Cuộc sống mỗi ngày một thêm quẫn bách Moshé di cư sang Mỹ năm 1903.

Moshé đi trước một mình với hi vọng sẽ kiếm đủ tiền mua vé tàu cho vợ con sang sau. Nhưng Moshé đi khỏi thì gia đình cũng không được phép ở Kiev nữa phải rút về Pinsk là khu vực dành cho người Do Thái.

Cũng vào năm 1903 một pogrom đẫm máu đã làm cho 45 người Do Thái thiệt mạng oan uổng và hàng trăm người khác bị thương. Người Do Thái đã không có cách nào làm hơn là âm thầm phản kháng, lặng lẽ kéo nhau vào thánh đường tuyệt thực Golda mới có lên 5, ngày thường lại là đứa bé háu ăn, nhưng cũng nhất định ngồi nhịn ăn với người lớn. Mọi người thấy nàng nhỏ đã khuyên nàng muốn ngồi phàn

đối thì ngồi nhưng nên ăn cho khỏi mệt. Golda khẳng khẳng từ chối và người lớn tuyệt thực bao nhiêu ngày, Golda cũng nhịn ăn đúng như vậy.

Sang Hoa - kỳ

Trong khi đó Moshé đã phải bỏ ra 3 năm mới kiếm đủ tiền mua vé tàu được cho vợ và ba con. Gia đình lếch thếch đặt chân xuống bến tàu Nữ-Úc không một đồng xu nhỏ dính túi nhưng tràn trề hy vọng vì đã trút bỏ lại đất Nga đói rét và khủng bố.

Cuộc sống ở Hoa kỳ đối với Moshé cũng không có tiến bộ bao nhiêu về phương diện vật chất nhưng Hoa Kỳ đã tặng cho gia đình di cư này hai món quà vô giá : đó là sự tự do cho mọi người và sự theo đuổi học vấn cho con cái.

Golda được nhận vào trường tiểu học, làm quen rất mau với tiếng Anh và chỉ 2 năm sau đã đứng đầu lớp, rồi năm nào cũng đứng nhất cho tới khi ra trường. Nàng say mê học lịch sử Hoa-kỳ nhất là những cuộc tranh đấu chống đế quốc Anh Bản Tuyên-ngôn Độc-lập làm cho Golda xúc động một cách khó tả và Golda mơ ước một ngày nào cũng sẽ được đặt chữ ký của mình trên một bản Tuyên-ngôn tương tự.

Ngay từ nhỏ, Golda đã tỏ ra có tài tổ chức. Năm lên 10 tuổi, Golda đã sáng lập trong trường một hội lấy tên là American Young Sisters Society với mục đích cung cấp sách học cho các trẻ em nghèo Một tờ báo đã đăng hình Ban chấp-hành của hội tí hon đó với cước chú : « Chủ-tịch Golda Mabovitch đứng ở hàng sau người thứ tư kể từ bên tay mặt ».

Bạn đời, bạn đường

Năm 14 tuổi Golda bỏ nhà lên ở với chị Shana ở Denver. Tại đây nàng gặp một số sinh viên Do Thái, phôi ỉh lũng vì vi trùng lao nhưng đầu óc thì bưng bưng ngút cháy các tư tưởng chánh trị. Chiều chiều họ họp nhau tại nhà Shana để thảo luận bàn cãi, ồn ào như mổ bò và Golda say sưa theo dõi các cuộc khẩu chiến vô cùng tận đó.

Cũng tại Denver, Golda đã gặp một anh thợ vẽ quảng cáo Morris Myerson. Chàng ta không kiếm đủ ăn nhưng điều đó cũng chẳng quan hệ gì: một mối tình đã chớm nở giữa hai người và khi người ta yêu nhau người ta thấy đầy đủ quá

Gặp bạn đời rồi Golda lại gặp luôn bạn đường nữa Hồi đó Ben Gourion (sau này làm Thủ Tướng đầu tiên của quốc gia Do Thái) đang đi khắp nước Mỹ để hô hào các thanh niên Do Thái trở về Palestine sống trên đất tổ. Khởi cần phải nói người ta cũng thừa biết là các lời hô hào của Ben Gourion đã có một âm hưởng sâu xa trong đầu óc nàng Golda và từ đó nàng luôn luôn sát cánh với Ben Gourion trong cuộc tranh đấu thành lập một quốc gia để gom góp lại một dân tộc đã bị đẩy ải khỏi quê hương gần 20 thế kỷ.

Về đất tổ

Năm 1921, Golda và chồng nhất định lên đường hồi hương. Đối với Golda thế là chấm dứt 15 năm sống trên đất Mỹ. Nàng tới Hoa-kỳ năm lên 8 tuổi, run rẩy và sợ hãi, nàng rời Hoa-kỳ năm 23 tuổi, đầy tự tin và quả cảm, tràn trề hi vọng ở tương lai một tổ quốc chưa thành lập.

Con tàu định mệnh, chiếc Pocahontas

ngoài vợ chồng Golda ra, còn chở 21 người Do Thái nữa. Họ đã tưởng rằng sẽ không bao giờ tới bến. Trong một chuyến đi dài 44 ngày, thay vì 14 ngày như đã dự liệu, trên tàu đã xảy ra một vụ thủy thủ nổi loạn, một vụ phá hoại máy móc, một đám cháy do có kẻ chủ mưu đốt tàu.

Nhưng rồi họ cũng tới.

Xã viên nông trường

Ngay từ khi quyết định hồi hương Golda đã có sẵn một chủ đích: về tới nơi là Golda sẽ gia nhập ngay một nông trường kibboutz. Nơi đây các thanh niên Do Thái sẽ có dịp đổ mồ hôi nước mắt đem cánh tay và tim óc của mình xây dựng Tổ-quốc, trên từng thước đất, trên từng tấc vườn, làm chung, ăn chung trong tinh thần cộng đồng.

Golda đã chọn ở Merhavia, một kibboutz nằm giữa sinh lầy, nổi tiếng về bệnh sốt rét rừng. Nàng làm việc không biết mỏi và chỉ một năm sau đã được bầu làm đại diện cho kibboutz trong ban chấp hành Tổng hội Lao-động. Trong nhiều cuộc hội họp người ta đã bắt đầu chú ý đến tài hùng biện của Golda.

Nhưng chồng nàng không chịu nổi cuộc sống vất vả tại kibboutz. Rồi Golda lại có mang đứa con đầu lòng không làm việc nặng nhọc được như trước, nên đã chiều chồng về ở ngoại ô thành Jérusalem.

Vai trò người vợ và người mẹ hình như không đủ để cho Golda thỏa chí hoạt động của mình, nên Golda đã nhận lời giữ chức vụ Tổng Thư ký ban Chấp-hành Tổng đoàn Nữ công

nhân. Cuộc đời chính trị của Golda bắt đầu từ đó và trên báo chí hay giữa các hội nghị quốc tế, thế giới đã nhiều lần tán thưởng những luận-cứ đánh thép của Golda bên vực cho phong trào Do-Thái.

Càng ngày Golda càng được trao những chức vụ quan trọng. Năm 1934 Golda được cử vào Ban chấp-hành Tổng hội Lao động và từ đó trở nên cộng sự viên số 1 của Ben Gourion.

Muốn thì được

Hai người bạn đồng chí này luôn luôn kêu gọi người Do-Thái ở khắp nơi trên thế giới phải tự coi mình là một dân tộc và phải tự tổ chức thành một dân tộc thực sự, có tổ-quốc đất đai hẳn hoi.

Số người Do-Thái hồi hương về Palestine mỗi ngày mỗi đông. Về tới đâu, tổ chức tới đó, không còn phải là một giống người lang thang ăn đậu ở nhờ mà thực sự là những đứa con về lập nghiệp trong lòng đất mẹ.

Người Ả Rập đã thấy lo ngại trước sự thành hình của « tổ quốc » Do-Thái và bắt đầu tấn công vào các làng mà bọn dân di trú này đang bám rễ và mở mang.

Người Anh cũng hoảng hốt và đã thẳng tay ngăn chặn các phong trào hồi hương của người Do Thái.

Nhưng tất cả các âm mưu đó chỉ làm cho người Do Thái hăng hái hơn, tích cực hơn. Căn nhà Golda ở trở thành Bộ Tổng Tham-mưu. Tất cả các kế-hoạch-gia chính-trị Do Thái đều lui tới đó và trong khi Golda đun trà, rót nước vào chén từng người thì họ bàn tính những công chuyện phải làm. Nào

lập đài phát thanh bí mật : « Tiếng nói Israel » để động viên tinh thần dân tộc, nào tổ chức cho những đoàn người hồi hương khỏi bị Anh ngăn cản đường về. Có 2 vụ hồi hương được coi là xếp đặt ngoạn mục nhất. Vụ thứ nhất là vụ các người Do Thái ở Anh quốc bày ra đóng cuốn phim có một trận không chiến rồi cỡi máy bay vũ lôn. Vụ thứ hai là vụ tàu Exodus, 302 trẻ em Do Thái đã tuyệt thực và đòi tự tử trước mắt người Anh và Chính phủ Anh đã chịu thua phải để cho tàu đi Palestine.

Người Do Thái càng bành trướng việc định cư thì người Ả-Rập càng gia tăng khùng bố. Các nông trường Do Thái phải tổ chức các đội tự vệ. Vấn đề nan giải nhất là du nhập khí giới được vào Palestine vì người Anh cấm ngặt và kiểm soát biên giới chặt chẽ. Nhưng Ben Gourion và Golda tổ chức cho người Do Thái trở về được thì họ cũng tổ chức nguy trang nổi các vụ chuyên chở khí giới phát cho các đoàn tự vệ. Chỉ trong vòng mấy năm, đạo quân bí mật Do Thái (Haganah) đã có tới 10.000 khẩu súng, 1.900 liên thanh, 66 đại bác và một đội biệt kích cảm tử trên 3.000 người.

Du thuyết bên Hoa-kỳ

Đối với người Do Thái, số khí giới trên là bao nhiêu công trình gom góp, nhưng trước một khối thù nghịch trên 40 triệu người Ả Rập, thì số khí giới trên chẳng có nghĩa lý gì. Mà không có khí giới thì can đảm cũng bằng thừa. Ben Gourion bèn cử một số đồng chí sang Hoa-kỳ vận động những người Do Thái làm ăn khá giả đóng góp vào cuộc chiến đấu ở Palestine, nhưng sự

hưởng ứng dù có, cũng vẫn còn ở xa dưới mức chờ đợi. Khi nhận được báo cáo bi quan của phái đản đi vận động, Ben Gourion đã nhảy lên : « Tôi phải đi ngay Hoa-kỳ, không có tiền thì không thể tiếp tục cuộc chiến ». Giữa lúc đó, bà Golda đứng dậy và quay về phía Ben Gourion bà thủng thẳng nói : « Ở đây thì tôi không làm được việc ông đang làm, nhưng sang Hoa-kỳ thì tôi có thể thay được ông ».

Thế là bà ta chạy ngay ra phi trường không mang theo cả một bộ áo để thay đổi. Khi bà đáp chân xuống phi trường Nũu-ước, các ký giả chạy ra săn tin đã ngạc nhiên thấy bà mặc chiếc áo nhẹ giữa trời đông buốt, hai tay không một chút hành trang.

Với các cử tọa người Do-Thái, bà đã kể lại bằng một giọng nói giản dị tất cả những thử thách và đe dọa ở bên nhà, ý chí sắt đá của mọi người nhất định không đầu hàng nghịch cảnh.

Ai nấy nghe bà nói đều thấy tự hào mình là người Do-Thái và khi ra đi bà đặt mục-tiêu là sẽ thu thập được 25 triệu Mỹ-kim. lúc trở về bà đã mang lại cho quỹ đoàn quân Tự-vệ 50 triệu Mỹ-kim (trên 10 tỷ bạc Việt-Nam), Chỉ trong một bữa ăn khoản đãi Bà mà các tân khách cũng đã góp liền tại chỗ 1 triệu rưỡi Mỹ-kim.

Ra đón bà ở phi-trường Tel Aviv khi bà trở về, Ben Gourion đã phải nói : « Ngày nào người ta viết lịch sử, người ta sẽ chép rằng có một người đàn bà Do-Thái đã giúp cho quốc-gia Israël thấy ánh sáng mặt trời »

Cải trang vượt tuyến

Vấn đề Do-Thái càng ngày càng

nóng bỏng. Liên-hiệp-quốc đưa ra đề nghị cắt cho Do-Thái một khoảnh đất ở Palestine.

Bảy nước trong Liên-bang Ả-Rập chống đối kịch liệt và nước Anh thấy giản dị nhất là tuyên bố rút quân về để mặc cho hai bên giải quyết lấy với nhau.

Trước những biến chuyển đó, Ben Gourion thấy cần phải gấp bách thành lập quốc-gia Israël và đề cho khỏi phải chống đối một lúc trên nhiều mặt trận Ben Gourion phái bà Golda sang gặp Abdallah, quốc vương Transjordanie, người xưa nay vẫn có thiện cảm với sức phấn đấu của Do-Thái, đề xin Transjordanie đứng trung lập đừng can thiệp vào.

Quân Ả Rập đặt những phòng tuyến bao quanh Jerusalem rất là chặt chẽ, Golda đã phải cải trang làm một người đàn bà Ả Rập để vượt các đồn canh sang đất Transjordanie.

Quốc Vương Abdallah tỏ ý trách Do Thái đã quá vội vàng muốn thành lập ngay quốc-gia Israël, bà Golda đã trả lời : « Chúng tôi đã chờ đợi hai ngàn năm nay rồi. Như vậy đâu có phải là vội vàng ».

Abdallah không chịu đứng trung lập và cho Golda biết sẽ liên-đới với các nước Ả Rập khác. Golda đứng dậy ra về ngay : « Nếu Quốc vương từ bỏ tình thân-hữu với Do Thái và chọn con đường chiến tranh thì tôi có thể nói ngay ở đây, nói ngay phút này câu trả lời của Do Thái : mặc dầu cán cân lực lượng có chênh lệch, chúng tôi tin chắc rằng Do Thái sẽ thắng ».

Lúc bà ra về, đêm đã khuya. Anh tài xế thấy các đồn canh Ả Rập đầy

đặc quá, không dám đi, đã bỏ bà ở giữa nơi rừng núi, cách biên-giới chừng 3 cây số. Golda đã đi bộ lần bước trong đêm tối cho tới khi gặp được một anh tự vệ Do Thái dẫn đường.

Giấc mộng 42 năm.

Ngày 14 tháng 5 năm 1948, sáu giờ đồng hồ trước khi quân Anh rút hết ra khỏi Palestine. Ben Gourion triệu tập Quốc-hội rồi lên diễn đàn :

« Tôi long trọng tuyên bố thành lập một quốc-gia Do Thái ở Palestine. Quốc-gia đó lấy tên là Israël ».

Bản quốc thiều vang lên. Cùng với 36 người nữa, Bà Golda ký tên trên bản Tuyên-ngôn độc-lập. Giấc mộng mà cô học trò Do Thái, tại trường tiểu học Milwaukee, ôm ấp từ năm lên tám tuổi khi ngồi học sử-ký Hoa-kỳ, 42 năm sau đã trở thành sự thực. Trong lúc mọi người hoan hô la hét rung cả trần tòa nhà Quốc-hội, Golda đã khóc nức nở : « Ngày hôm nay, tôi đã trông thấy Thiên-đàng ».

Bà Đại-sứ

Tân quốc-gia được ngay Hoa-kỳ và Nga-sô thừa nhận. Đề đáp lễ Nga-sô, Israël cử bà làm đại-sứ tại Mạc-Tur-Khoa. Bà tới nhậm chức giữa hôm cử hành tang lễ của Jdanov, một cộng sự viên gần gũi của Staline. Đề tỏ lòng ngưỡng mộ bà, đám tang đã dừng lại vạch lối cho xe bà đi qua. Hôm trình ủy-nhiệm-thư bà mặc một áo dài đen rất tầm thường và đeo một chuỗi hạt đáng giá chừng 50 quan. Chuỗi hạt này do một người bạn thấy bà chẳng có một chút nữ trang gì hết, đã tự tay xếp vào va li của bà Đại-sứ vào phút chót khi bà sắp lên đường đi Mạc-Tur-Khoa.

Tòa Đại-sứ Israël dưới sự chỉ huy của bà đã được tổ chức như một kibboutz. Mọi nhân viên sứ quán cùng ăn cùng ở trong một trụ sở, tự tay làm lấy mọi việc và phải chia phiên nhau rửa chén đĩa sau mỗi bữa ăn. Hôm nào tới phiên bà Đại-sứ thì chén bát có vẻ lại còn sạch hơn ngày thường.

Bà Tổng-trưởng

Năm 1949 bà trở về Tel Aviv tham dự Nội các và giữ chức Tổng-trưởng Bộ Lao-động kiêm Bộ Giao-thông Công-chánh. Bà đã đưa ra một chương trình hoạt động hết sức rộng lớn : kiểm công ăn việc làm, xây cất nhà cửa cho làn sóng người hồi hương, vạch những đường lộ băng qua sa-mạc thay đổi hẳn bộ mặt địa-dư kinh-tế của các miền hoang vu.

Đối với các công nhân, bà có một lối nói chuyện rất thẳng thắn. Tới thăm một công trường xây cất nhà định-cư bà đã nói với các thợ nề : « Tôi công nhận quyền anh em đòi hỏi lương tương xứng với công việc làm là một quyền thiêng liêng. Nhưng xây dựng Israël, cất nhà cho dân hồi hương có chỗ trú ngụ lại còn thiêng liêng hơn. Tôi không chấp nhận mỗi anh em chỉ đặt được có 400 viên gạch một buổi làm ».

Morris Myerson, chồng bà, mất năm 1951. Myerson còn sống, hai vợ chồng cũng ít khi ở gần nhau. Myerson mất đi, bà càng làm việc dữ, không kể gì tới tình trạng sức khoẻ.

Bà bị sạn trong ống tiểu-tiện, bác sĩ bắt bà phải nằm bệnh viện để mổ. Chưa kịp giải phẫu bà đã ôm cơn đau, bay đi Nữ-ước đọc diễn-văn trước Đại-Hội-đồng Liên-hiệp-quốc. Ở diễn

đàn bước xuống, bà vào một bệnh viện ở Nũu-ước đề mờ, nhưng bác sĩ Mỹ vẫn còn đề sót lại một chút sạn. Bà lăm bằm :

« Bết quá ! Bệnh viện Do Thái tốt hơn nhiều. Biết thế mờ ở nhà cho xong ».

Bác sĩ buộc bà phải tĩnh dưỡng một thời gian sau cuộc giải-phẫu. Bà cũng chẳng cần đề ý, bay luôn về Tel Aviv vì bà phải thuyết-trình trước Quốc-hội về ngân-sách của Bộ Lao-động.

Con sư-tử ngoại-giao

Năm 1956 bà giữ Bộ Ngoại-giao và trở nên một trong những nhân vật được chú ý nhất trên trường chính trị quốc - tế. Bà cho người ta cái cảm tưởng bà có mặt khắp nơi từ Luân Đôn tới Đông Kinh qua Ba Lê, Mạc Tư Khoa, sang Phi Châu, xuống Nam Mỹ. Bà chú trọng đặc biệt tới các nước mới dành được độc lập và tuy Israël không giàu người, giàu của, bà đã cho gửi tới nhiều nước kém mở mang các chuyên viên Do Thái, cũng như bà đón nhận rất nhiều chuyên viên các quốc gia đó tới tu nghiệp tại Israël về canh nông, hợp-tác-xã, dẫn-thủy nhập điền v v ..

Trong thời-gian này, theo lời yêu cầu của Thủ-Tướng Ben Gourion, bà đã đổi tên Golda Myerson sang một tên Do Thái Golda Meir và cái tên ngắn này với âm thanh mới hình như lại thích hợp hơn với người đàn bà cương-ngहि đó.

Phía Ai Cập, Nasser mới lên cầm quyền ít lâu đã tỏ ra hung hăng gây hấn và cho phát động những cuộc tấn công khủng bố của các đoàn fedayeen. Golda

đã luôn luôn chủ trương phải trả đũa một cách hết sức cứng rắn khiến cho Thủ-Tướng Ben Gourion, một người cũng ưa dùng phương pháp mạnh, đã phải gọi bà Golda Meir là « người đàn ông duy nhất trong Nội-các của tôi ».

Tính cương cường của bà đã biểu lộ một cách rõ rệt nhất khi một tên khủng bố ném một trái tạc đạn vào dãy ghế nhân viên chính phủ. Bà đã lo cứu cấp các nạn nhân, dìu dắt các người bị thương ra xe (trong những người bị thương có cả Thủ-Tướng Ben Gourion và Tổng trưởng Nội-vụ Shapira). Lúc mọi người bị nạn được đưa hết vào bệnh viện rồi, bà mới nhìn ra là chính mình cũng bị thương ở chân. Vậy mà trong suốt thời gian cử động với chiếc chân bị mảnh tạc đạn, không ai nghe thấy bà suýt soa một tiếng.

Bà Ngoại-trưởng được chánh phủ cấp cho một công xá đủ tiện nghi nhưng ngoại trừ những lúc phải tiếp khách, bà chỉ ưa sống ở trong căn nhà bếp. Không những họ hàng, con cái tới thăm bà, đều đi xuống bếp mà cả tới các Tổng-trưởng khác, các sứ thần ngoại quốc thăm-giao đến gặp Ngoại trưởng cũng xuống bếp. Dân chúng đã phải truyền khẩu với nhau : « Tất cả các quyết-định chính trị quan trọng của Israël đều được đùn trong bếp của Golda ».

Bà ra bên lò lấy cà phê, nước trà tự tay rót cho khách. Mời khách ở lại dùng cơm, bà nấu thức ăn lấy rồi bày ngay ra bàn trong bếp.

Ngày thường dùng cơm, bà Ngoại-trưởng Israël cùng ăn với người u già Yehudith và anh tài xế Itzak. Tổng thư-

vẫn đưa giấy tờ đến có khi bắt gặp bà đang cọ sàn nhà. Đêm đêm bà làm việc rất khuya, nhiều khi tới gần sáng, và lúc nào đứng ra khỏi bàn uống chén trà nóng cho tỉnh táo bà cũng không quên đem ra một khay cho các người lính gác. Không phải bà làm thế để cố tỏ ra mình là người bình dị mà thực sự ra bà vẫn còn giữ nguyên các thói quen khi còn sống ở kibboutz.

Có một điều mà bà Ngoại trưởng tỏ ra rất ít ngoại giao. Đó là việc bà không bao giờ quên và tha thứ cho người Đức đã tổ chức tiêu diệt người Do Thái trong các lò sát sinh như tại Auschwitz. Bà thề không bao giờ đặt chân lên một xe hơi Đức và khi Ben Gourion thừa nhận Tây-Đức, hai người đã gần như đi đến chỗ không thăm hỏi nhau nữa.

Bà Thủ-tướng

Năm 1967, bà rút lui khỏi chính trường về sống trong một căn nhà nhỏ của Gia-cơ liêm-giá cuộc tại vùng ngoại ô để chăm nom con cháu nhưng tới tháng ba 1969, Thủ-tướng Levi Eshkol từ trần, bà lại phải trở về với lịch sử.

Sự thực tình thế lúc đó khiến người ta không thể nghĩ tới ai khác hơn bà. Ngoài biên giới mỗi đe dọa rất nặng nề, trong nhà thì Đảng Lao động lại có sự tranh dành ảnh hưởng giữa Phó Thủ tướng Yigal Allon và tướng một mắt

Moshé Dayan, người hùng của các trận tốc thắng Ai Cập.

Chỉ có Golda Meir là có thể, bên trong đủ uy tín để thống nhất đảng Lao-động, bên ngoài đủ cương quyết để đối phó với tình hình căng thẳng ở Trung Đông.

Có nhiều người lo ngại bà tuổi đã 71, làm sao đủ sức khoẻ và minh mẫn để chỉ huy Nội các. Bà đáp gọn thon lòn: « 71 đâu đã hết sài » và trở lại chính trường làm việc đều đặn mỗi ngày 14 tiếng và chỉ huy công việc như một vị tướng cầm quân nơi tiền đồn. Bà vẫn tiếp tục hút mỗi ngày ba gói thuốc lá, nhưng khi nào lên vô tuyến truyền hình hay khi tiếp khách lạ, bà cất gói thuốc đi: « Tôi không muốn nêu gương xấu cho thanh niên » nhưng bà lại nói tiếp: « Song cũng đừng ai chờ đợi tôi bỏ hút thuốc lá, tuổi tôi đâu còn lo chết non ».

Tính nết bà cứng cỏi như vậy mà vẫn có nét rất đàn bà dễ thương.

Dự đám táng một người binh nhì bà có thể oà lên khóc. Bà thấy rõ là dân số Israél chưa được 3 triệu người, mất người nào là thiệt mất một chiến sĩ bảo vệ quê hương trước sự tấn công của một khối Ả-Rập đông hơn một chục lần. Đọc báo cáo các chiến thắng bà ít để ý tới số thương vong lớn lao của Ả-Rập mà chỉ nghĩ tới số người Do Thái bị thiệt mạng. Cách đây một

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

tháng khi quân Do Thái vượt kênh đào Suez sang tấn bộ trên một dải đất dài của Ai Cập bà vui mừng nhận tin tiếp báo nhưng lại ủ rũ ngay khi được biết 3 người nhái Do Thái chết vì tai nạn rui ro. Có một phi công Do Thái lái máy bay bị hạ trên đất Ai Cập thế là bà bắt Tổng Tham mưu trưởng Haim Bar Lev phải điện thoại cho bà biết ngay tất cả những tin tức gì đã thu thập được về số phận người ngộ nạn.

Các ký giả quốc tế rất ưa thích bà.

Bà họp báo bất kể giờ giấc nào.

Bà vừa giải thích lập trường của Israel vừa rót cà phê cho ký giả và giữa lúc bà đang trình bày những vấn đề rất quan trọng bà ngưng lại quay sang một ký giả : « Ông dùng một hay hai miếng đường ? »

Bà có một lối trả lời rất giản dị như một bà lão nhà quê mà lại hóm hỉnh sâu sắc, nói chuyện chính trị mà hay dùng ngôn ngữ bấp nức :

— Rán cá tháng 5 không ai lại đi chờ dầu tháng 9.

— Việc đảng phái cũng như làm bánh ngọt. Nhiều đường, nhiều bột chưa phải đã là ngon, cần nhất là phải đúng cân lượng.

Khi bà viếng Anh-quốc các ký giả hỏi bà tại sao Israel lại không cấp chiếu khán nhập cảnh cho tứ quái Beatles. Bà hỏi lại Beatles là ai. Người ta vắn nút Ti Vi cho bà coi một chương trình của bốn quái kiệt. Vừa coi một một lúc

bà quay sang người bên cạnh : « Tại sao các ông lại có thể nghĩ rằng chánh phủ Israel phải cấp chiếu khán cho những người này mang văn-hóa của họ vào nước tôi ? »

Bà vừa sang Hoa-kỳ gặp Tổng-thống Nixon đề thương thuyết mua thêm chiến đấu-cơ phản lực cho Do Thái. Sau cuộc gặp gỡ, các ký giả hỏi bà có thu được nhiều kết quả không, bà đã trả lời :

« Tôi không dám nói với các ông là tôi mang về được một bị đầy ». Có nhà báo lại còn nói móc xin bà xác nhận tin đồn bà sắp phải vào bệnh viện chữa trị trước khi về Israel, bà phản công luôn : « Chuyện tầm phào ! Có gì nặng đâu, chỗ này một tí ung thư, chỗ kia một tí ho lao, việc gì mà phải vào bệnh viện! »

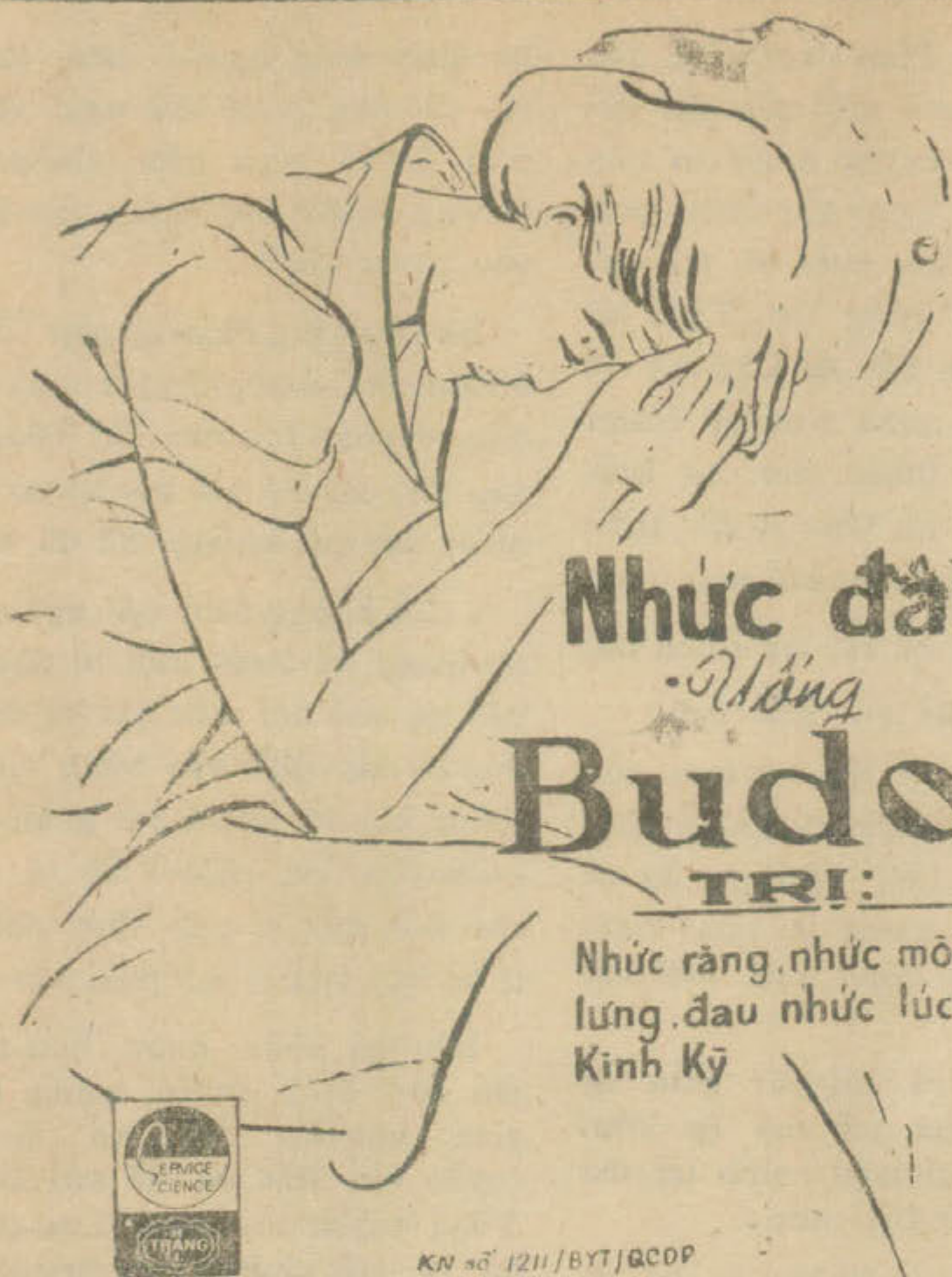
Khi bà nhận chức Thủ-tướng là bà chỉ có ý định quyền nhiếp trong thời gian chuyển tiếp tới khi có Tổng tuyển cử. Rất có thể sau kết quả cuộc Tổng tuyển cử, đảng Lao-động lại cử bà ra giữ chức Thủ-tướng cho trọn một nhiệm kỳ mới 4 năm.

Nhưng dù còn làm Thủ-tướng hay không làm Thủ-tướng, đối với lịch sử dân tộc Do Thái cũng như đối với lịch sử thế giới, tên bà không phải là Golda Mabovitch như khi bà còn nhỏ, tên bà càng không phải là Golda Myerson như khi bà lấy chồng, tên bà cũng không phải là Golda Meir như khi bà tham chính, tên bà tên thực của bà là bà ISRAEL.

VŨ BẢO

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan



Nhức đầu
· Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Toán số với càn khôn

Đi tìm một thứ toán có giá-trị phổ-quát

Năm 1619, một thanh niên Pháp mới 20 tuổi, René Descartes, có ý định suy nghĩ lại về thế-giới và từ bỏ mọi điều đã học được để tìm cho được một phương-pháp tri-thức. Lúc bấy giờ, xã-hội Âu-Châu đang bị nhiều tư-tưởng và tin-tưởng mới lay chuyển. Những người theo Luther và Calvin tuyên xưng quyền dùng lương-tri cá-nhân và chiến-đấu để bảo-vệ tín-ngưỡng. Những quốc-gia tranh giành nhau thuộc-địa ở hải-ngoại. Dân từ Anh và vài nước khác di cư qua Mỹ-Châu chiến đấu để sống còn ở Virginia. Những người hâm mộ kịch-trường đang khóc cái chết của Shakespeare. Monteverdi soạn những bản vũ-nhạc đầu tiên. Harvey diễn-thuyết để cho biết trái tim người không phải là trung-tâm cảm-xúc mà chỉ là một máy bơm máu. Kepler sắp công bố luật thứ ba và chót, miêu-tả cách hành-tinh quay mặt trời. La-mã xem là tà-thuyết ý của tu-sĩ Ba-Lan Copernic nói mặt trời là trung-tâm của hệ-thống trên và Galilée được khuyến dừng nên ủng-hộ những ý như vậy.

Trong khung cảnh ấy, Descartes định quay lưng cho mọi học-thuyết của dĩ-vãng, để cố tìm một lối hiểu biết chính mình và hiểu biết đời. Sau khi hấp thụ

một học-vấn vững chắc về toán tại trường La Flèche của các linh-mục Dòng Tên, là nơi không có cơ-sở đại-học nào thời đó có thể sánh-kip, Descartes lên Ba-lê sống vài năm. Vì thuở ấy, muốn đi đây đi đó, chỉ có cách làm lính. Descartes tình nguyện tòng quân, phò hoàng-thân Nassau ở Hòa-Lan, hai năm sau phò ông hầu ở Bavière. Hai mươi lăm tuổi, Descartes thôi đánh giặc đi du-lich, trở về Pháp. Năm 1629, trở qua Hòa-lan lúc đó là nước yên ổn và nhiều tự do tư-tưởng nhất, sống trong hieu-quạnh, soạn sách. Khi tiếng tăm lừng lẫy được trao đổi thư từ với nữ-hoàng Christine ở Thụy-điền. Descartes gửi cho nữ-hoàng những tiểu-luận về tình yêu, một bài về đam-mê của tâm-hồn đã soạn trước kia cho một công-chúa Elisabeth. Nữ-hoàng Christine, mới 19 tuổi, mến phục Descartes và nhờ đại-sứ Pháp triệu qua Stockholm cho được. Bà gửi một tàu-chiến để đón nhà học-giã. Christine thông minh, học giỏi, tánh-tình say đắm, và vì là nữ-hoàng, nghĩ rằng mình có quyền phung phí thì giờ của vi-nhân. Nữ-hoàng buộc Descartes dạy triết cho bà mỗi ngày, nhưng chỉ dạy từ 5 giờ đến 6 giờ sáng, là lúc bà có thể rảnh được. Descartes không chịu nổi cái lạnh của mùa đông ở Thụy-điền. Một buổi mai đi từ tòa đại-diện Pháp đến Hoàng-Cung, Descartes cảm lạnh và

chết tháng hai năm 1650, sau năm tháng phục-vụ nữ-hoàng.

Trong phạm-vi bài nói về toán số, không thể nói nhiều đến công - trình triết-học của Descartes. Nhưng triết-lý, theo ông ta, nối liền cả toán-học, khoa-học thiên-nhiên, siêu-hình-học. Khó mà quên triết-gia Descartes khi nói đến toán-gia Descartes, và cũng khó bỏ qua hoạt-động về toán của Descartes khi tìm-hiểu triết-lý của người.

Descartes ham thích toán. Chính ông thuật lại tại trường, ông đã học chút ít luận-lý học, toán-học theo lối xưa và đại-số của những người mới. Luận-lý không lợi ích chút nào, môn-học hình-thức ấy chỉ làm tỏ rõ kết-luận đã nằm sẵn trong tiền-đề. Luận - lý như vậy cắt nghĩa được sự hiểu-biết mà không nói rộng sự hiểu-biết. Phân-tích hình-học, phân-tích đại-số thì khác. Đại-số, khi đến tay Viète, là một toán-gia Pháp sống trước Descartes, đã được bổ khuyết nhiều. Trong những bài tính, Viète đã thay thế lượng bằng ký-hiệu mà trước kia, toán-gia chỉ tính bằng số, loại trừ những nghiệm-số và lũy-thừa. Viète nói rộng việc dùng chữ biểu-thị cho các lượng, được biết hay chưa được biết. Đại-số trở thành một dụng-cụ phân - tích nhanh chóng và có hiệu-năng hơn.

Mùa đông năm 1619, sống hiu quạnh ở Bavière, suy gẫm suốt ngày bên cạnh lò sưởi, như Descartes đã thuật lại trong cuốn Phương-pháp-luận (*Discours de la methode*), ông đã tìm ra trong một đêm ý cơ-bản để xây dựng phương-pháp tri-thức đặc biệt của mình, có thể áp-dụng cho mọi môn học. Descartes cũng là nhà văn biệt tài, xuyên

qua lối hành-văn giản-dị và lưu-loát của Phương-pháp-luận.

“ Lúc bấy giờ tôi ở bên Đức, chiến tranh chưa chấm dứt gọi tôi qua đó. Khi đi dự lễ tấn phong Hoàng-đế trở về với quân-đội, mùa đông bắt đầu đã giữ tôi lại một nơi và vì không có cuộc đàm đạo nào giải trí tôi được, và cũng may chẳng có lo âu hay đam-mê nào phá-quấy, tôi tự giam cầm suốt ngày trong (bên cạnh) một lò sưởi, nơi đó tôi có đủ thì giờ sống với tư-duy... ”

Sau khi nhắc lại hành-trình học hỏi của mình lúc thiếu - thời, chẳng dùng lời oán-hận, bất-công hay chua chát để nói lên niềm thất-vọng về cái học mình hấp-thụ và lối suy nghĩ đương-thời, Descartes tự vạch cho riêng mình con đường trí-tuệ, với bốn quy-tắc minh-bạch.

“ Điều thứ nhất là chẳng bao giờ nhận một điều là đúng, nếu tôi không nhận một cách hiển nhiên như thế, nghĩa là cần thận tránh sự hấp tấp và thành-kiến, và trong những phán-đoán của tôi đừng hiểu gì thêm ngoài điều hiện ra rõ ràng và phân minh trong trí tôi, cho tôi không còn cơ-hội nào để nghi ngờ nữa. ”

Lúc được nêu lên, quy-tắc giản-dị ấy có giá-trị như tuyên-ngôn về quyền của lý-trí con người. Để tìm sự thật người phải thoát khỏi mọi uy-quyền và áp-lực. Chân-lý có dấu-hiệu là hiển nhiên, hiển nhiên dính liền với rõ ràng và phân minh. Descartes trong bản « Luật đề hướng dẫn tinh-thần » (*Règles pour la direction de l'esprit*) được quen gọi là *Regulae*) đã vạch rằng điều rõ ràng phân minh là điều mà khái-niệm

đơn-giản đến nỗi tinh-thần có thể chia ra thành những khái-niệm đơn-giản hơn nữa như hình-thể, diện-tích, chuyển-động... Khái-niệm ấy, ta biết nhờ trực-giác, nghĩa là không nhờ giác-quan là điều có thể thay đổi, cũng không nhờ sự phán-xét phỉnh phờ của trí tưởng-tượng, mà nhờ quan-niệm của một trí óc chăm chỉ, rành mạch và trong sáng, nhờ ánh-sáng của lý-trí mà thôi. Như thế, mỗi người có thể thấy một tam-giác có ba đường bao bọc không hơn không kém, hoặc một cầu chỉ có một mặt, v.v. Tiêu-chuẩn tổng-quát cho chân-lý là những yếu-tố đơn-giản được biết đến không chất chứa điều gì sai lạc. Khoa-học, hay sự hiểu biết nói chung, được hợp nhất vì nơi mọi điều có những nguyên-lý đơn-giản và cơ bản, nhờ trực-giác được biết đến, ngoài ra, không nên đòi hỏi gì nữa. Điểm khởi đầu và điểm cuối của sự tìm kiếm khoa-học được định như thế. Khoa-học đi từ những nguyên-lý hiển-nhiên và có mục-đích cho thấy những điều hiển-nhiên đó sinh ra điều phức tạp. Phương-pháp tổng-quát của phát-minh là diễn-dịch, phương-pháp dùng trong toán, nhờ một chuỗi trực-giác liên-tiếp nối liền với nguyên-lý, những đề có vẻ xa chúng.

Quy-tắc thứ hai của Descartes là : « Chia mỗi sự khó khăn mà tôi phải xem xét thành những phần nhỏ nếu được và nếu cần để giải-quyết. » Đó là căn-bản của phương-pháp phân-tích và đại-số có một ứng-dụng cả phổ-quát và đặc-thù.

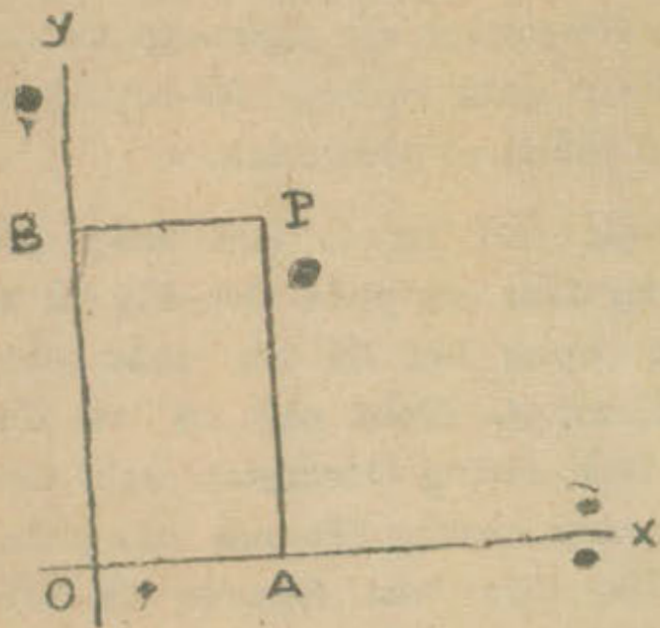
Quy-tắc thứ ba là : « Dẫn những tư-tưởng tôi cho có thứ-tự, bắt đầu với những đối-tượng đơn-giản nhất, dễ hiểu nhất, đề lần lần đi lên, như thể

trèo từng bậc cho đến sự hiểu biết những đối-tượng rất phức-tạp và vẫn cho thứ-tự giữa những đối-tượng mà tự-nhiên chẳng có trước sau. »

Quy-tắc thứ tư là làm khắp nơi những sự đếm số, phân tích đầy đủ và xem xét chung hết đề tin chắc rằng chẳng đề sót gì. Điều này có vẻ tối-nghĩa. Phải chăng Descartes nghĩ đến sự kiểm-soát những kết-quả của phân-tích ? Cần dựa vào *Regulae* để hiểu rõ điều khuyên thứ tư ấy. Trong sách này có đoạn nói : « Đề bổ túc sự hiểu biết, tư-duy phải đi với một vận-chuyển không ngừng, liên-tục, tất cả đối-tượng thuộc mục-đích mình theo đuổi và sau đó tóm tắt trong một liệt-kê có phương-pháp và đầy đủ. Liệt-kê hay quy-nạp là sự tìm kiếm chăm chỉ và đúng đắn về vấn-đề và dù không làm sáng tỏ vấn-đề cũng biết được là không thể giải-quyết ngoài những phương-thức ta đã biết. »

Phương-pháp Descartes, tìm ra trong một đêm đông khi người mới 23 tuổi, sẽ được áp dụng trong mọi công việc của Descartes, trong toán-học, vật-lý-học, siêu-hình. Riêng về toán-học, nhờ đó, Descartes đã thay đổi bộ mặt của môn học về lượng. Hình-học mới từ Descartes được gọi là hình-học giải-tích. Hình học trước kia xem xét về hình, còn đại-số nói đến ký-hiệu. Descartes lập giữa hình-học và đại-số một sự tương-ứng thường xuyên, nhờ vậy có thể thay thế những hình bằng những phương-trình, và ngược lại những phương-trình được diễn ra bằng đồ-thị.

Phân-tích hình thì thấy hình là do đường của một điểm chuyển động mà ra. Do đó, định những vị-trí liên tiếp của một điểm chuyển-động là định thể-hình



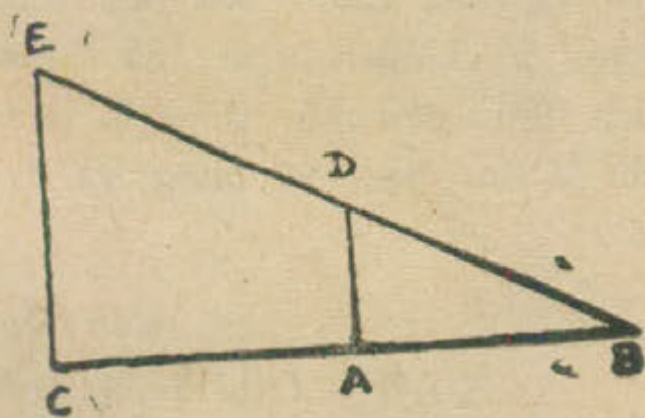
điểm ấy biểu diễn. Ví dụ hai đường thẳng Ox và Oy cắt tại điểm O . Vị-trí một điểm P nơi mặt phẳng sẽ được định rõ nếu ta biết khoảng-cách PA và PB đối với đường thẳng Ox và Oy , hay nói cách khác nếu biết bề dài của OA và OB , bằng BP và AP .— Bây giờ, nếu điểm P dời đi trên mặt phẳng, những sự biến-đổi liên-tiếp về vị-trí khiến có biến-đổi nơi tọa-độ OA và OB của điểm ấy, và nghịch lại, khi tọa-độ biến-đổi, có sự biến-đổi tương-xứng về vị-trí của điểm P . Những vị-trí của điểm là sự biến-đổi về lượng, lượng và hệ-thức được diễn ra đại-số, phương-trình lập ra giữa những tọa-độ của một điểm diễn luật chuyển-động của điểm ấy, phương-trình là biểu-tượng của hình do chuyển-động làm ra.

Đem hình biến thành phương-trình không những nói rộng tầm của hình-học mà còn đặt hình-học trong trạng-thái triết-lý. Trong hình-học cũ, trí-tuệ chỉ nghĩ đến vấn đề tùy nơi hình-thức đã có định-nghĩa đúng đắn sẵn. Quan-niệm của Descartes với một công-thức dựng lên những đặc-tính từng loại đường cong, để tìm đặc-tính của một đường thì biết đặc-tính tương-đồng nơi vô số đường khác. Trong sự hòa-hợp đại-số với hình-học, Descartes đã áp-dụng đại-

số cho hình-học hay ngược lại? Theo Phương pháp là bắt đầu từ điều đơn-giản và tổng-quát nhất. Có gì đơn giản và tổng-quát bằng nghiên-cứu những lượng hình-học trong không-gian nghĩa là nghiên cứu những hệ-thức toán mà không kể đến những nơi nó xuất hiện. Phương-pháp chắc hẳn đã khiến Descartes bắt đầu với đại-số. Theo nhà chép tiểu-sử, (Baillet, *La vie de M. Descartes*, 1691) thì năm 1623, Descartes bỏ việc học số-học và hình-học để chuyên tìm một môn học chính xác, không thể sai được, mà người Hy-lạp gọi là *mathesis universalis*, một thứ toán phổ-quát, dùng cho tất cả các môn. Descartes cho biết trong *Regulae*: « Tôi đã tìm ra rằng tất cả môn học có mục-dịch tìm kiếm trật-tự và đo lường đều liên-hệ với toán-học; dù tìm đo lường trong số, hình thể, hành-tinh, âm-thanh hay vật gì khác, và như thế phải có một môn học phổ quát giải thích điều có thể tìm về trật-tự và đo lường, môn học được xét riêng ra không chỉ nghĩ đến áp dụng cho một môn đặc biệt nào. »

Descartes đã muốn có một khoa đại-số như thế. Để đạt được phải nhờ đến sự hiển-nhiên của trực-giác hình-học. Hình-học giúp gì cho đại-số được khi những nhà chuyên về đại-số trước Descartes đã vấp phải những khó khăn không khắc phục nổi. Đại-số, với ký-hiệu chữ, làm tất cả bài tính có thể làm với số. Nhưng nếu không có biểu-kiến trực-giác, thì đại-số sẽ là môn rất tối tăm. Những nhà đại-số cũng đã dùng lối biểu diễn hình học như tính cộng và tính trừ được biểu diễn với đường thẳng, tính nhân với diện-tích, nhân với lũy-thừa 3 bằng cổ-thể. Đến đó là hết. Vũ-trụ chỉ có ba chiều. Nếu theo lối trên

thì lũy-thừa hay phương-số trên 3, muốn biểu-diễn phải hình dung (trước hẳn phải quan-niệm) vũ-trụ không-gian có 4, 5, 6 hay n chiều. Descartes đưa đại-số ra khỏi ngõ bí bằng cách phát-minh một lối biểu-diễn mới những tính đại-số. Trước kia, nhân một đường thẳng với một đường thẳng, ấy là dựng hình vuông mà hai đường thẳng là cạnh. Descartes thu lại thành đường thẳng. Về số-học, nhân một số với một số là tìm ra một số khác, và số này đối với một số đã ra như số kia đối với đơn-vị. Ví dụ cần biểu diễn tích-số của đường thẳng BC với đường BD. Cho BA là



đơn-vị đường thẳng. Tích-số sẽ đối với BC như BD đối với đơn-vị BA. Như vậy sẽ là đường thẳng BE, vì theo những định-lý về tam-giác đồng dạng: BE đối với BC như BD đối với BA.

Đại-số với phương-thức ấy không còn gặp trở ngại khó khăn nữa. Với quan-niệm tọa-độ, Descartes hiến cho toán-gia một lối nhìn mới. Những phương-trình bậc hai trở thành những đường, vòng tròn, vòng bầu dục, parabol, hyperbole, cả tiết-diện hình nón mà 1.900 năm trước đó Apollonius đã cho thấy. Phương-trình $x^2 - y^2 = 0$ trở thành hai đường thẳng cắt nhau, $x^2 + y^2 = 4$ trở thành vòng tròn, $x^2 - y^2 = 4$ thành một hyperbole, v.v. Bậc một phương

trình định số giao-điểm tối-đa giữa đường cong của phương-trình với đường thẳng. Descartes lại khai triển lượng-giác mà thời Babylone đã biết dùng trong thiên-văn và hàng-hải và tiếp theo công trình của toán-gia Viète cũng làm được giản-đồ những hệ-thức lô-ga-rít (bản logarit đã do Napier bày ra dùng lối thập phân) như $y = \log x$ một cách dễ dàng như đã biểu diễn những tỉ-số lượng-giác như $y = \sin x$. Do đó mới xuất hiện một quan-niệm căn-bản cho toán-học cao hơn nữa, quan-niệm về biến-số và hàm-số.

Thật ra, phần toán của *Regulae* chẳng hoàn toàn mới lạ (Fermat đã biết từ 1629 nhưng đến 1660 mới công bố phương-pháp), nhưng điều mới là khía cạnh siêu-hình của luận-lý đại-số và dụng ý làm thành phương pháp phổ-quát. Chính điều này đã làm khó chịu những nhà đại-số (như Beeckmann). Descartes có rất nhiều người chống đối, không những về siêu-hình, không chỉ về vật-lý mà nhiều nhận xét đã thấy sai hẳn, mà ngay trong toán của Descartes vì có khi Descartes do vội vã đã tính sai. Tuy nhiên những phát minh của Descartes đã giúp không ít công-trình sau này của Huyghens, Leibniz, Newton, và nếu chỉ có chừng này, toán-học Descartes cũng đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát-triển khoa-học hiện-đại.

Năm 1650, khi Descartes 54 tuổi, cảm lạnh mà chết gần nữ-hoàng Christine ở Thụy-điền, nhiều toán-gia đã khai-thác và bổ-túc cho hình-học Descartes, Newton mới 8 tuổi đang còn thả diều nơi một làng ở Lincolnshire (Anh-quốc). Đứa bé này ít năm sau đã chuyển hình-học giải-tích thành một phép tính vi-tích, toán

của chuyển-động, và mở một kỷ-nguyên mới về khoa-học.

Đồng thời với Descartes, nhiều danh nhân đã làm rục rờ thời - kỳ gọi là Phục-Hưng ở Âu - Châu. Một số lớn đều giỏi về toán-số nhưng chú-trọng và lập-nghiệp về những môn khác, Galilée đặt cơ-bản toán và thực-nghiệm cho cơ-học, Pascal về vật-lý và triết - học, Copernic, Képler về thiên-văn, Boyle về vật-lý và hóa - học. Một nhân - vật tiêu-biểu cho cả thời-đại là thiên-tài Leonard de Vinci. Vốn hào hoa phong nhã, bất thiệp, học rộng, hiểu nhiều, Leonard tuy không thực hiện tất cả dự-định mà mình thừa khả - năng để làm, một số công-trình để lại cho đời cũng phản ánh một phần nào trình-độ văn-hóa phi-thường của con người ấy. Vừa là họa sĩ, điêu-khắc, kỹ-sư, kiến-trúc-sư, nhà vật-lý, nhà sinh-vật, triết nhân, Leonard tài giỏi về nhiều môn, mấy ai trong lịch-sử loài người bì kịp.

Người đời nay thường biết đến bức tranh *La Joconde* của Leonard hơn nhiều bức tranh khác, biết nhà họa-sĩ hơn người đã có công-trình về quang-học, người đã vạch ra những nguyên-tắc cơ-học hay về những kỹ-thuật dẫn-thủy nhập-điền hay để khắc phục một chiến-lũy. Leonard dùng quan - sát và thí-nghiệm làm phương - pháp thật sự của khoa-học và chủ-trương rằng khoa-học cho người sự quả quyết và uy-quyền. Không phát-minh gì nhiều về toán-học, Leonard nhận - định vai trò quan-trọng của toán. « Khoa - học thật sự bắt đầu với quan-sát, nếu lý luận toán-học có thể áp dụng, sẽ đạt đến sự tin-tưởng chắc chắn, còn loại môn học không do kinh-nghiệm mà ra và không kết thúc với một thí-nghiệm rõ ràng, chỉ là thứ học vô dụng và đầy sai lầm. »

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.B

Một cái nhìn Đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH DỤC

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

Ngày xưa, do một quan-niệm sai lầm về luân-lý, người ta thường gạt vấn đề tính-dục sang bên lề cuộc sống, coi nó không hơn một xa xỉ phẩm, một phương tiện bất đắc dĩ cho phép để bảo tồn dòng giống. Con người được tìm hiểu ở khía cạnh nguyên nó là người thô, và con người ấy trở thành một con người không phải, một con người trung-hòa.

Nhưng, từ một vài thế kỷ nay, khoa tính-dục-học (sexologie) dần dần thành hình, đã đặt tính dục như một **nhu cầu** và trọng tâm của đời sống. Đến bây giờ người ta lại chuyển vấn đề sang địa hạt **giá trị**, và vấn đề trở nên sôi nổi ngay trong những giới xưa nay vẫn được coi như gắn liền với lối sống độc thân : tôi muốn nói đến các linh-mục và tu-sỹ trong Công giáo cũng như Phật giáo.

Hôn nhân đối với họ không còn đặt ra hoàn toàn là vấn đề đạo đức hay hạ thấp lý tưởng nữa. Vấn đề trước hết phải đặt là vai trò và giá trị của tính dục trong đời sống con người nói chung.

Dựa vào những quan niệm nền tảng của Đông phương, tôi sẽ cùng độc giả tìm hiểu bản tính của tính dục. Thế rồi từ đó, chúng ta cố gắng xác định vai trò và vị trí của tính dục trong đời sống con người nói chung và trong đời sống tu hành nói riêng. Chúng ta cũng cố gắng tìm hiểu xem hôn nhân có thích hợp với lý tưởng và lối tu Công giáo, Ấn giáo và Phật giáo hay không.

I — BẢN TÍNH VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÍNH-DỤC

Huyền thoại con người lưỡng phái

Con người cổ sơ vốn sống gần bản nhiên hơn, vì thành thật với mình hơn và nhất là vì giáo dục chưa có cơ hội bóp méo đi nhiều con người thực của nó, do đó cản trở những bột phát tự nhiên của các khuynh hướng tiềm ẩn sâu xa trong nó. Con người cổ sơ sống gần bản năng của mình ấy cũng là con người ưa trình bày quan niệm của mình về vũ trụ và cuộc đời bằng

những huyền-thoại. Cho nên, tìm đến được những huyền-thoại nguyên-thủy mà lại có tính cách sâu xa và phổ biến, đó chính là tìm được chìa khóa mở vào vô-thức của con người nói chung. Các nhà phân-tâm-học không những tìm hiểu vô-thức qua tâm bệnh, mà còn bằng huyền thoại nữa. Vậy, muốn đào sâu vào ý nghĩa cuối cùng của những thúc bách thuộc tính dục, ta cũng nên dựa rất nhiều vào huyền thoại.

Người xưa thường giải thích tính

dục bằng huyền-thoại *Con người lưỡng phái* (androgynie). Chúng ta tạm lấy con người lưỡng phái của Platon làm thí dụ. Huyền thoại này, Platon nhắc đến trong cuốn « Bữa tiệc », và dùng miệng Aristophane mà kể :

Thuở ban đầu loài người không giống như bây giờ. Họ có những ba phái tính : nam, nữ và bán nam bán nữ. Đàn ông thì do mặt trời mà ra, đàn bà do đất và người lưỡng phái do mặt trăng.

Loài người khi ấy khoẻ ghê gớm và họ muốn vượt lên trời tấn công các thần

Thượng đế giận lắm, nhưng giết họ thì lấy ai để phụng sự mình bằng ca tụng và nghi tiết ? Nên ngài tinh kế là n họ yếu đi, không còn dám xác láo nữa. Vậy ngài sai cắt mỗi người thành hai nửa và xoay mặt chúng về phía cắt — đó cũng là phía bụng — để khi nhìn thấy hình phạt cũ, họ trở nên khiêm tốn hơn. Bị chia rẽ, cố nhiên hai nửa tìm kiếm nhau để dính chặt vào nhau.

Khi ấy, ở con người lưỡng phái bị cắt đôi, cơ quan sinh dục vẫn còn ở phía sau lưng, nên khi hai nửa dính bụng lại với nhau và không muốn làm gì khác cả thì giống người ấy chết mòn dần đi Thương hại, Thượng đế bèn cho xoay cơ quan sinh dục về phía bụng. Từ đó, họ để vào trong nhau, ngược lại với xưa kia, họ chỉ để vào trong đất, giống như ve sầu.

Vì bởi một mà thành hai, nên mỗi người tìm kiếm cái nửa của mình ». Kể do con người bán nam bán nữ phân ra, thì đi tìm người khác phái, và đó là loại người hoang dâm. Kể là một

nửa người nữ, thì nữ tìm nữ, làm nên loại người man rợ. Còn kể là một nửa người nam, thì nam tìm nam, làm nên loại người tốt hơn cả, những người đầy nam nhi tính, có khả năng cai trị, và khi dính lại với nhau trong tình yêu, thì sẽ sinh ra sự thông thái và đạo đức trong nhau. (1)

Ta nhận thấy một phần của huyền-thoại như có tính cách giả tạo. Đó là trường hợp của những người làm thành bởi nửa người nam hay bởi nửa người nữ. Platon, vốn chuộng tư tưởng, do đó trọng nam khinh nữ, hẳn đã tự ý thêm bớt vào huyền-thoại nguyên-thủy để biện minh cho quan điểm của mình.

Thực ra, trong các huyền-thoại khác, nguồn gốc loài người chỉ là con người lưỡng phái. Kinh thánh Do-thái giáo cũng mang dấu vết của cùng một huyền-thoại như thế :

« Khi ấy Gia Vê Thiên Chúa lấy bùn đất đắp thành người đàn ông Rồi ngài thổi một làn hơi sống vào mũi, khiến hẳn trở nên một sinh vật...

« Gia Vê Thiên Chúa lại nói : Người đàn ông ở một mình thì không tốt, ta phải làm cho hẳn một kẻ giúp đỡ hợp khít với hẳn... Ngài giáng xuống trên người ấy một giấc ngủ say, rồi ngài lấy từ người hẳn ra một xương sườn, đoan khép thịt lại ở chỗ cắt. Thế rồi, từ chiếc xương sườn này, Gia Vê Thiên Chúa tô đắp nên một người đàn bà và đưa mụ đến với người đàn ông. Thoạt nhìn thấy mụ, hẳn vội la lên :

— « Đây quả là xương của xương tôi và thịt của tôi !... »

(1) *Bữa tiệc*, ch. 14 và 15 (tóm tắt).

« Do đó, người đàn ông bỏ cha mẹ mình mà gắn bó với vợ, để cả hai trở nên một thịt. » (1)

Như thế, người mà tôi yêu không phải là cái nửa y hệt như tôi, nhưng là cái nửa khác tôi; và ở chính chỗ nó khác tôi, nó lại là « sự giúp đỡ hợp khít với tôi », khiến tôi bị hấp dẫn đến nỗi trở về một thịt với cái nửa ấy. Cho nên, sự phân chia đây là **phân cực** (polarité), chứ không phải một phân chia thông thường. Và cái nửa ấy là của con người lưỡng phái, chứ không phải của con người đơn phái. Đó cũng là ý-kiến của Eryximaque: « Tình yêu là hợp nhất của những cái tương phản nhau. » (2)

Ở Hy-lạp, con người nguyên sơ thường là con người ở Đất tìm vượt lên để đoạt lấy Trời, còn bên Ấn-độ, hẳn lại là con người từ Trời mà giáng xuống Đất. Hơn nữa, con người ấy không phải chỉ là một thành phần trong vũ trụ như trong các huyền thoại từ Ba-tư trở về phía Tây. (3) Con người ấy còn phải bao hàm vũ trụ nữa, như trong huyền-thoại sau đây, cũng về Con người lưỡng phái, được tả trong một cuốn Upanisad cổ, viết từ nhiều thế kỷ trước Ky-tô kỷ nguyên:

« Hồi đầu, átman hiện hữu dưới hình-thức một người đàn ông (purusa). Nhìn xung quanh, không thấy chi khác mình, hẳn bèn xưng lên: *Tôi có!* Do đó mà có tiếng *Tôi* (aham)...

« Người ấy sợ, cho nên hễ ai cô đơn thì sợ. Nhưng hẳn suy nghĩ: Chẳng có ai ngoài ta cả, thì việc chi mà sợ...

« Nhưng người ấy không sợ

khóai. Cho nên, ai đơn thân lẻ bóng thì không sợ khóai. Người ấy muốn có một người thứ hai. Người ấy vốn đã lớn bằng một đàn ông và một đàn bà ôm nhau. Nên hẳn bèn tự phân mình làm hai: do đó có chồng và vợ. Cho nên, Yajnavalkya nói rằng: Mỗi người trong chúng ta chỉ là một nửa. Và cái chỗ trống nơi mình được lấp đầy bởi người đàn bà. Người đàn ông giao hợp với người đàn bà: nhờ đó giống người phát sinh.

« Người đàn bà suy nghĩ: Tại sao sinh ra ta rồi, chàng lại có thể giao hợp với ta? Vậy ta phải ăn đi. Nói đoạn, nàng biến thành bò cái, nhưng chàng cũng biến theo thành bò đực và giao hợp với nàng. Thế là có giống bò. Nàng lại hóa thành ngựa cái và chàng thành ngựa đực; nàng hóa thành lừa cái, và chàng thành lừa đực, v.v.

« Người đàn ông biết rằng, ta là tất cả tạo vật.. » (4)

Ở đây cũng như ở một huyền-thoại khác về *Con người vũ trụ* của nước Ấn (5), con người nguyên sơ là Thần-nhân, là Tạo-hóa và bản-thể của vũ-trụ. Sáng tạo bắt đầu bằng ý thức của Tạo-hóa về chính mình: *Tôi có!* Ý thức ấy đã phân biệt và đối lập chủ-thể với khách-thể, khởi đầu cho phân cực âm dương: sự phân đôi nam nữ. Và cùng một phân cực âm dương ấy đã từ người thông xuống cho hết mọi sinh vật và

(1) *Sáng thế thư*, II. 7, 18, 21-24.

(2) *Bữa tiệc*.

(3) Xem HOÀNG-SỸ-QUÝ, *Le mythe indien de l'Homme cosmique dans son contexte culturel et dans son évolution. Annales du Musée Guimet*, 1969 (Paris).

(4) Brihad-āranyaka-upanisad I. 4.1-5.

(5) Xem HOÀNG-SỸ-QUÝ, *op.c.*

toàn thể vũ trụ. Như thế, ta có thể nói rằng vũ-trụ-quan của Ấn-độ hoàn toàn xây dựng trên thuyết âm dương, y như vũ-trụ-quan của Trung-hoa.

Thế mà con người thông thường lại là một thành-phần của vũ-trụ ấy.

**Cho nên, chỉ có người
khi đó là
người nam hay người nữ.**

Mỗi người chỉ là một nửa của con người, và do đó một nửa của chính mình. Chính vì thế mà người ta cần đến nhau và tìm kiếm nhau một cách háng say.

Nhưng, như chúng ta đã thấy, người ta không tìm kiếm cái giống mình, nhưng cái tương phản với mình, để nó có thể ăn khớp đúng cho mình.

Từ trước đến nay, các nhà mô phạm thường coi con người chỉ như là người xuông. Họ không biết rằng con người chỉ là người cùng với phái-tính nam hay nữ của nó. Cái phái-tính ấy choán tất cả đời sống nó từ những nền tảng sâu xa cho đến những chức-vụ ngoại diện, từ địa hạt sinh lý cho đến những gì là thiêng liêng nhất nơi tâm tình hay cách thức tư-tưởng.

Chúng ta hãy bắt đầu với sinh-lý. Nếu nhìn vào quá trình phái-tính-hóa của phôi nơi những động vật thượng đẳng, mà điển hình là con người, ta sẽ thấy như có một bước tiến điều hòa từ trong đi ra và từ tế bào cho đến tổ chức phôi. Tất cả xem như cái phôi đã được định liệu để trở nên một người nam hay nữ hoàn toàn, tuy rằng ở phôi khi ấy mới chỉ có một định hướng nào đó về một trong hai phái-tính, chứ chưa nhất định hẳn sẽ là phái nào. Quả thế, trong khi phôi

tăng trưởng, một vài điều kiện bên ngoài có thể xoay ngược định hướng nói trên để cho đáng lẽ là nam thì lại là nữ, hay ngược lại. Như thế, trong phôi quả có một tiềm năng kép cho cả nam và nữ tính. Và chúng ta tìm thấy ở đây một thứ nghiệm-chứng cho huyền-thoại lưỡng phái: Bắt đầu, có con người lưỡng-phái... Con người chỉ là lưỡng phái để trở nên một phái nhất định trong hai. Phải, cái phôi rồi sẽ trở thành một người nam hay nữ, chứ không thể có con người xuông, con người vô phái bao giờ. Đây mới là vấn đề phái tính và phân cực, chứ chưa phải thụ tinh (fécondation). Không phải toàn cơ thể được quy hướng về bảo tồn nòi giống, và càng không phải toàn con người được làm nên vì mục đích ấy.

Tiểu-noãn của những loài tôm, cua và dun, v.v. vốn sinh sản bằng phân đôi mà không có thụ tinh. Và bằng phương pháp nhân tạo, ông J. Loeb đã có thể gây nên cùng hiện tượng ấy ở noãn một con gấu, một động vật thượng đẳng. Nói rõ hơn, trình nữ có thể sinh con và con nàng bao giờ cũng thuộc về một phái.

Theo nhận xét của bác sỹ A. Hesnard, sự biệt phân phái-tính "thấm nhập toàn cơ thể sinh vật, từ tổ hợp hóa học và cơ cấu thâm sâu của mỗi tổ chức (tissu) cho đến những sắc thái tinh vi nhất của các khuynh hướng thuộc bản năng và hoạt động. Chẳng những có một khoa hình thể học về biệt phân phái tính, mà, về biệt phân phái tính, còn có cả một khoa hóa học, một khoa hóa-học tổ chức, một khoa phôi sinh học và một khoa tâm lý học nữa." 1

(1) *La sexologie*, Payot, Paris, 1967, trg 35*

Và theo ông, thì tính dục nói chung, chứ không phải nói riêng ở trường hợp thụ tinh, là « một chức vụ sinh lý cơ bản, chứ không phải một chức vụ xa xỉ » (1) theo như nhiều người lầm tưởng.

Tất cả hình thể và cơ cấu sinh lý đều được xây dựng trên sự biệt phân hay, nói cho đúng hơn, sự phân cực của hai phái tính. Sự hấp dẫn hỗ tương bắt đầu từ những dáng vẻ bên ngoài : cái duyên của phụ nữ và sức mạnh của đàn ông. Sự khác biệt thuộc địa hạt giải phẫu (tức định vị cơ quan) càng có khả năng kích động cảm giác mạnh mẽ hơn nữa.

Cái đàn ông tính và đàn bà tính phân biệt nhau ở chỗ một bên là tiến đề được bại và bên kia là thoái đề hút lấy. Cái nguyên tắc ấy áp dụng cả trong cách sắp đặt các cơ quan, lẫn trong sự giao hợp bên ngoài và sự gặp gỡ bên trong giữa các giao tử.

Ở địa hạt tâm linh, tình yêu cũng được xây dựng trên cùng hai thái độ tương phản nhau ấy. Người con trai yêu một thiếu nữ không phải vì nàng tài giỏi hay có sức mạnh. Tài ba (trừ tài ba ở địa hạt thẩm mỹ) và sức mạnh chỉ càng làm cho các cô phải sống cô độc hoặc không được ai thương tới một cách chân thành. Cái tài và sức mạnh đề tấn công và vượt lên cao là duyên của đàn ông, chứ không phải của phụ nữ. Cố nhiên sức mạnh ấy sẽ trở thành cứng cõi và man rợ nếu đứng nguyên một mình. Phải có nước bóng của văn minh và dầu trơn của hiền từ mới khiến nó lấy được cảm tình của người phụ nữ.

Còn người phụ nữ, ở chính sự mềm mại của mình phải là một sức mạnh tâm hồn mới có thể chinh phục. Là nhu yếu, nhưng yếu phải là nhu... đạo, tuy mềm mà không nhũn, mềm

trong sự dẻo dai để « dĩ nhu trị cương ».

Là một ý kiến sai lầm khi nhiều học giả Tây phương cho rằng con người thuần nam (l'homme absolu) là hoàn toàn chủ động, và con người thuần nữ (la femme absolue) là hoàn toàn thụ động. Evola tuy áp dụng thuyết âm dương mà cũng không hiểu rằng thuần âm là động ở chỗ nó là tĩnh, và thuần dương là tĩnh ở chỗ nó là động. Phải như thế thì âm cũng như dương mới là hai sức mạnh, dù đó là hai sức mạnh ngược chiều của nam châm. Phải như thế, thì âm dương mới tìm đến nhau để lọt khít vào nhau và gắn bó với nhau một cách chặt chẽ, thân mật.

Chính ở đây mà có một bình đẳng rất hoàn hảo giữa đàn ông và đàn bà. Bình đẳng, nhưng đây là một thứ bình đẳng rất đặc biệt, nó không dựa trên sự giống nhau nhưng trên sự khác nhau. Gandhi nói : « Nam và nữ bằng nhau nhưng không y như nhau. Họ là một đôi rất tuyệt vì bù trừ lẫn cho nhau ». Và như thế, mỗi người nên ở lại đúng chỗ của mình, đừng hành động hay đòi hỏi gì ngược với bản tính. Sức mạnh của đàn ông là ở ngoài xã hội, còn của đàn bà là ở trong gia đình hơn là trên võ đài chính trị. Người đàn ông làm chủ từ bên ngoài, còn đàn bà chi phối ở bên trong, nghĩa là bằng đường lối âm nhu của tình-cảm. Không phải là hèn kém khi người vợ nhận lấy cho mình cái tên họ và vinh quang của người chồng, vì những thức đó thuộc địa hạt xã hội. Ngay trong chính sự chiều chồng, họ cũng thành một sức mạnh cảm hóa để nâng đỡ và biến cải người chồng, để mang chồng trở về với nếp sống gia đình và tình cảm, ở đó người vợ là bà hoàng mà chồng cũng như con đều sung sướng nhìn nhận.

(còn tiếp)

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

(1) op. c. trg 21.

BNP

A votre service

tous les services de la

banque

nationale

de Paris

Đào tạo ký-giả

tại các quốc gia kém mở mang

PHƯƠNG-THỨC ĐÀO TẠO

Tuy đã có một tiêu chuẩn về ký giả tại quốc gia chậm tiến, đi tìm một phương thức đào tạo không phải là không gặp những khó khăn. Đề có thể nhận định về phương thức đào tạo tại các quốc gia này, trước hết phải xét qua một vài phương thức đào tạo tại các quốc gia tiền tiến cũng như chậm tiến. Rồi sau đó, sẽ đưa ra những nhận định và đề nghị.

I— Phương thức tổ-chức tại một vài quốc gia.

A) Quốc gia tiền tiến :

Như đã khảo sát ở trên, người ký giả là người phải có một học vấn vững chắc và phải có khả năng về nghề nghiệp, vì vậy bất cứ một hệ-thống đào tạo ký giả nào, cũng nhằm vào hai mục tiêu trên. Người viết sẽ chỉ nói tới ba hệ-thống đào tạo chính : Hệ-thống đào tạo tại Đại-học Mỹ, hệ thống đào tạo tại Tòa-soạn của Anh quốc và hệ thống đào tạo tại Trường chuyên nghiệp của Pháp. Cách phân chia làm ba hệ-thống trên là do thói quen, thực ra các quốc-gia tiền-tiến đều có đủ ba hình thức đào tạo. Sự phân biệt trên đặt vào tính

cách quan trọng về số lượng đào tạo nhiều hay ít của phương-thức.

Hệ-thống đào-tạo tại Đại-học Mỹ.

Công việc đào tạo ký giả tại Mỹ được tổ chức đa số là ở Đại học. Sự kiện này do truyền thống từ đời Đại tướng Lec mở lớp báo chí đầu tiên tại Đại-học Virginié năm 1869, sau đó là Joseph Pulitzer đã biếu hai triệu dollar để thành lập phân khoa báo chí tại Đại học Columbia. Hiện nay có tới 542 viện báo chí tại các Đại-học.

Đặc tính của các lớp báo chí này, có thể nhận xét như David Manning White, giáo sư tại Đại-học Boston. Giáo sư White cho rằng tính cách giảng dạy các môn học báo chí, giống như tiến trình của một « tờ báo của những người làm báo », rất nổi tiếng tại Mỹ, tờ « Journalism quarterly » Tờ báo này càng ngày càng khảo sát về các vấn đề lý thuyết tổng quát hơn là về nghề nghiệp báo chí. Cũng vậy, tại các phân khoa báo chí, 75% môn học là kiến thức tổng quát, chỉ có 25% là kiến thức riêng biệt.

Về môn học ngoài các môn văn-chương và xã-hội còn có lịch sử báo chí, luật báo chí, phóng sự và tin tức, quảng cáo và ấn hành, tranh ảnh báo chí, bình luận, phát thanh báo chí, quản-đốc báo v.v.

Các khoa học về kinh tế và chính trị rất ít giảng dạy. Học trình kéo dài 4 năm, hai năm kiến-thức tổng quát, hai năm học về lý-thuyết và thực-hành báo chí.

Tuy nhiên cũng có những học-trình một hay hai năm ở một vài trường Đại-học.

Hệ-thống đào-tạo tại Tòa-soạn của Anh-quốc

Dân tộc Anh là một dân tộc có một tinh thần thực tiễn, tinh thần đó còn được phản ảnh qua việc huấn luyện báo chí. Ký giả Anh được đào tạo tại ngay tòa soạn.

« Hội đồng cổ vấn quốc-gia » (tổ chức hiệp hội các cơ-sở báo chí Anh đảm trách việc đào tạo). Muốn trở thành một người ký giả, phải qua những giai đoạn sau :

1) Được tuyển chọn :

Người thanh niên muốn vào nghề, phải xin với một vị chủ-nhiệm vào tập sự. Sau khi xem xét khả năng (bằng nhận xét riêng của chủ nhiệm hoặc bằng thi tuyển), vị chủ nhiệm đó chấp nhận cho người học nghề tập sự trong vòng sáu tháng.

2) Giai đoạn 2

Sau sáu tháng, nếu được giữ lại, người học nghề sẽ được chuyển sang giai đoạn 2. Ở giai đoạn này, mỗi tuần, kẻ học nghề bỏ một ngày tới trường chuyên nghiệp để học về các môn tổc

ký, đánh máy, chính quyền địa phương và trung ương...

Ngoài ra phải đọc một số sách lựa chọn bởi « Hội đồng cổ vấn quốc gia » và phải học về luật-lệ quản-trị báo chí.

3) Làm báo với ký giả lão luyện :

Sau đó được chuyển sang làm báo với những ký giả lão luyện. Người này sẽ học hỏi với ký giả đó tất cả những gì cần thiết của nghề báo.

4) Qua kỳ thi tuyển lấy chứng chỉ chuyên nghiệp :

Sau thời kỳ học tập, người ký giả trẻ phải đậu được chứng chỉ tại trường chuyên nghiệp. Sau đó phải qua một kỳ thi tuyển gồm có : thi viết hỏi về tất cả những kinh nghiệm về làm báo, như viết tin, ký sự, sửa bài v.v., thi viết về luật báo chí và một kỳ thi thực hành bằng cách tiếp xúc với một nhân vật đã được lựa chọn để viết một bài về một vấn đề bó buộc.

— Sau bốn thời kỳ này rồi, muốn lấy bằng cấp quốc gia về báo chí, ký giả trẻ này phải : phúc trình một số mẫu các công việc làm trong ba tháng, phúc trình trong sáu lần, viết một luận văn dài 10.000 chữ, qua một kỳ thi về luật báo chí, sản xuất báo v.v.

Cho tới bây giờ hầu như các ký giả nổi tiếng qua cả 4 giai đoạn học tập nhưng không cần lấy bằng cấp trên.

Hệ thống trường chuyên nghiệp tại Pháp :

Khác với hai hệ thống trên, hệ thống đào tạo tại các trường chuyên nghiệp tại Pháp rất đặc biệt. Điển hình là Centre de Formation Professionnelle.

Trung tâm này được tổ chức không

những như một tờ báo, còn như một tuần báo, báo định-kỳ. Các sinh viên làm phóng sự, giữ nhiệm vụ liên lạc với các cơ quan ngoài, được gửi đi phỏng vấn. Họ còn được sử dụng kỹ thuật, đầy đủ như ở trong một tòa báo.

Các môn học được giảng dạy đều hướng về sự hiểu biết những biến cố hiện tại: lịch sử báo chí, việc điều hành của các học-viện-Pháp, của học viện ngoại quốc, các căn bản về sử ký, chính trị, kinh tế, xã hội v.v. Ngoài ra Trung tâm còn bó buộc sinh viên phải thông thạo một sinh ngữ.

Về cách tuyển chọn, ông André Viot, chủ tịch Hội các nhà báo viết bằng tiếng Pháp, tại Pháp cho biết: có thể tuyển chọn bất cứ người nào thấy tỏ ra có năng khiếu về nghề báo. Thí dụ: người thợ sửa ống kẽm, và sinh viên đại học, đều được chọn một lúc. Người sinh viên vì có văn hóa, sẽ có thể tiến nhiều ngành viết, còn người thợ được hướng dẫn để có thể trở thành những kỹ-thuật-gia của báo chí. Ông Viot có dẫn chứng có người thợ đào tạo bởi Trung tâm hiện làm Giám đốc kỹ thuật một tờ báo rất lớn tại Paris.

Học trình của khóa học là hai năm.

B — Quốc gia chấp nhận :

Có thể ba trường hợp điển hình: phương thức đào tạo tại Ấn-độ, Thôn-Nhi-Kỳ, và Ai-cập.

Tại Ấn-độ : Có sáu Đại học giúp dạy về môn báo chí. Cách tổ chức tương tự như Đại học Mỹ.

Các Đại học: Punjab, Madras, Osmania ở Hyderabad và Hislop tại Bombay, học trình là một năm. Đại học Calaitte, học trình là hai năm. Đại học

Mysore ba năm. Tất cả đều ở trình độ cử nhân

Chương trình giảng dạy tương tự như tại Hoa-kỳ.

Tại Thôn-n'ĩ-kỳ :

Việc giảng dạy do sự hợp tác giữa giáo sư Đại học và các nhà báo chuyên nghiệp. Các môn học về lý thuyết do các Giáo sư Đại học đảm nhiệm, các môn thực hành do các nhà báo.

Học-trình gồm các môn về kiến thức tổng-quát: chính-trị, kinh-tế, xã hội v.v. và các môn chuyên biệt về báo chí. Sinh viên phải có Tú Tài II và phải qua hai năm học.

Tại Ai - cập :

Đại-học Le Caire có phân-khoa báo-chí, tổ chức gần như Đại-học Hoa-kỳ. Các môn-học tương-tự. Học - trình là bốn năm đầu dạy về kiến thức tổng quát, hai năm sau về báo chí.

Điểm đặc biệt là hai năm sau sinh viên phải đi thực tập tại các tòa soạn trong dịp hè. Thời gian thực tập mỗi năm là 100 giờ.

II— Nhận định về Phương - thức đào-tạo :

Qua các phương thức đào tạo trên, có thể rút ra những nhận-định sau :

1) Hệ-thống Đại-học quá thiên về lý thuyết, hệ thống Anh-quốc quá chuyên về vấn đề chức-nghiệp (trop journalistique) (1). Hệ thống chuyên nghiệp là hệ thống tốt đẹp nhất, vừa đầy đủ về lý thuyết và về thực hành.

Nhưng cũng là hệ thống tổn kém nhất, vì phải trang bị những cơ sở tương tự hơn cả một tòa soạn (vừa

(1) Robert Plant « Recueil des conférences » op. cit 35.

nhật-báo, tuần báo, báo định kỳ, truyền thanh, truyền hình).

2) Đa số các quốc gia chậm tiến, đều theo hệ-thống Đại-học. Việc đó có thể cắt nghĩa bằng ba nguyên nhân :

— Tại các quốc gia chậm tiến, chỉ có những cơ sở có tính cách vững chắc như Đại học mới có thể đảm nhiệm được công việc đào tạo. Đại học công tại các quốc gia chậm tiến phụ thuộc không ít thì nhiều vào chính quyền. Đại học tư thường do các tổ chức tôn giáo. Đó là những tổ chức có đủ phương tiện và uy tín để làm việc.

— Liên hệ giữa các cơ sở báo chí tại các quốc gia chậm tiến còn lỏng lẻo. Không có một "hiệp hội báo chí quốc gia" nào đứng ra đề tổ chức các lớp đào tạo. Nếu có, cũng chỉ mới ở trong vòng hội-thảo về vấn đề giảng dạy như ở Ai-Cập.

— Tại các quốc gia chậm tiến, trình độ kiến-thức của các ký giả đi trước hã còn thấp kém. Số ký giả tài giỏi có thể giảng dạy được còn ít ỏi. Hơn thế nữa, vấn đề giảng dạy cần phải phụ thuộc vào yếu tố sư phạm của các giảng viên. Có khi có ký giả đủ khả năng, nhưng vấn đề giảng dạy lại rất yếu kém.

Kết Luận :

Các nhận định trên và từ tiêu-chuẩn đào-tạo đã xét ở kỳ trước, có thể đưa tới những kết luận về phương thức giảng dạy tại các quốc gia chậm tiến.

1) Dựa vào tiêu chuẩn nào tạo một ký giả tại một quốc gia chậm tiến, việc đào tạo phải :

a/ Được dạy ngay tại quốc gia chậm tiến, để các ký giả tương lai dễ quen

với khung cảnh làm việc và chỉ nên dạy cách thức quản-trị các cơ-sở báo-chí tối tân, bằng cách gửi đi tu nghiệp ở ngoại quốc (1)

b/ Các môn học phải đề cập một phần lớn tới các kiến thức về quốc gia. Ký giả Smail Boulahia đã nêu ra trường hợp tại Tunisie. Học-viện báo-chí quốc-gia tại Tunisie chỉ sống được trong hai năm (1956-1958), bởi vì đã được điều khiển bởi hai giáo-sư ngoại-quốc : ông Pierre Albert Martin và ông Jean Le Roland, hai ông này đã «nhắm vào những mục tiêu quá nhiều tham vọng đối với một quốc gia trẻ» (2)

2) Dựa vào cách tổ chức, phương thức đào tạo phải :

— a/ Có sự hợp tác giữa các Đại-học và các nhà báo chuyên nghiệp.

Sự hợp tác này giúp cho có được uy tín và phương tiện của đại học, nhất là phương tiện nhân sự, nhưng đồng thời cũng giúp cho các ký giả có những khả năng chuyên nghiệp, ngoài ra còn có chỗ cho các sinh viên thực tập hữu hiệu tại các tòa báo. (trường hợp Thổ-Nhĩ-Kỳ).

b) Ký giả phải được đào tạo ở hai cấp phóng viên và biên tập viên vì nhu cầu của đất nước.

— Cấp phóng viên chỉ cần có tú tài toàn phần (như đa số các quốc gia chậm tiến), qua thời hạn đào tạo từ ba tháng tới một năm, rồi được làm việc tại các tòa báo. Các phóng viên này có thể thăng tiến lên làm biên-tập-viên, hoặc các chức vụ khác.

() Diop Obey- op.cit 90.

(2) Smail Boulahia « Recueil des conférences » op. cit

— Cấp biên-tập-viên : đào tạo song song với cấp bậc cử-nhân khoa-học nhân-văn. Trong khi theo học tại đại-học, các sinh viên vừa được học cả môn báo chí và thực tập về môn này. Chương trình thực tập phải có ở trong bốn năm, để khi ra nhận chức vụ, người biên-tập-viên cũng đã thạo việc của phóng viên. Một sinh viên có cấp bậc cử nhân, vừa có năng khiếu về báo chí ra trường phải dòng dĩa hai ba năm, mới có thể thăng tiến, sẽ là điều :

* Làm phí phạm nhân lực vì nhu cầu tại các quốc gia chậm tiến (với một ký giả ở thủ đô, chỉ săn sóc nguồn tin từ chính quyền, các tin vật) chưa cần tới cấp bậc cử nhân.

* Làm cho các sinh viên dễ nản lòng và sẽ chuyển sang ngành khác. Đó là trường hợp tại Tunisie.

— Nếu Viện Đại học ở nơi có cơ sở báo chí các sinh viên hàng ngày phải tới tòa-soạn.

— Nếu Viện Đại học ở xa, các sinh viên sẽ được gửi đi thực tập trong những tháng hè.

c) Ngoài ra còn một vấn đề nữa không kém phần quan trọng : đó là đào tạo các giáo sư cho ban Báo-chí học. Các ký giả xuất sắc và có năng khiếu về giáo dục, cần phải được gửi đi ngoại quốc để trong tương lai có thể đảm-trách-được-nhiệm-vụ trên.

Tất cả những kết luận trên đều nhằm vào mục đích đào tạo một ký giả hữu hiệu nhất tại một quốc gia chậm tiến với một phương thức và phù hợp với các phương tiện yếu kém của những quốc gia này.

oOo

Qua các phần khảo sát trên, chúng ta thấy rằng :

1. Đào tạo ký giả cũng là một trong những nhu cầu cần thiết như việc đào tạo các chuyên viên khác trong công cuộc phát triển quốc gia.

2. Người ký giả phải là người có đầy đủ trách nhiệm kiến thức, năng khiếu để thi hành tốt đẹp hai nhiệm vụ đôi khi đối kháng nhau :

a) nhiệm vụ của một chuyên viên trong việc phát triển quốc gia.

b) Nhiệm vụ đối với luân lý chức nghiệp của nghề báo.

3. Phương thức huấn luyện tùy theo giai đoạn, hoàn cảnh của mỗi quốc gia chậm tiến, nhưng phương thức đào tạo tại Đại-học với sự cộng tác của các nghiệp đoàn báo chí vẫn là một phương thức thích hợp nhất. Một sự cộng tác như vậy sẽ có lợi cho sự giảng dạy vừa lý thuyết vừa thực hành, vừa kiến thức tổng quát vừa kiến thức chuyên biệt của nghề báo.

Tới đây thiết tưởng cũng nên nhắc

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

KH. 753/BVT/GCĐP/16.6.43

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

về vấn đề đào tạo ký giả tại Việt-nam Cộng hòa.

Với đà phát triển của báo chí hiện tại vì tình trạng chiến tranh đã phát sinh những nhu cầu ký giả khẩn thiết. Có hai lớp đào tạo ký giả đã tổ chức tại Việt-nam. Lớp phóng viên Việt-Tấn-Xã năm 1965. Trình độ tuyển lựa chỉ cần tú tài, học trong ba tháng về các môn báo chí. Các phóng viên đã tỏ ra làm việc rất đắc lực khi hành nghề. (1)

Về lớp báo chí của Viện Đại-học Dalat hợp tác với Việt-Tấn-Xã mới mở trong năm nay, bàn luận về kết quả hãy còn sớm. Nhưng người viết cũng xin góp một vài ý kiến :

Việc tổ chức trong đại cương đã chứng tỏ, phù hợp với tình trạng quốc gia chậm tiến, nhờ sự cộng tác giữa Đại học và các nhà báo chuyên nghiệp.

Tuy nhiên vẫn còn những điểm chưa hoàn hảo như sau :

— Mời quá nhiều người giảng dạy.

Nhiều người không đủ khả năng và tư cách. Thực ra chỉ cần mời một số nhà báo có uy tín.

— Nếu muốn đào tạo ký giả ở cấp bậc phóng viên về cấp bậc cử nhân sẽ phí phạm nhân lực, trong khi nhu cầu tại Việt-nam chưa cần tới những phóng viên ở trình độ như vậy.

— Nếu muốn đào tạo ký giả ở cấp bậc cao hơn quá thiên về lý thuyết, thực hành rất ít, các sinh viên khi ra trường không thể đảm nhận được các chức vụ mong muốn. Sự kiện này khiến cho những sinh viên ra trường sẽ nản lòng chuyển sang các ngành khác.

Nêu lên những ý kiến trên đây, người viết không có ý phê bình chỉ trích, mà chỉ đứng ở cương vị của một người nhiệt tâm, muốn đóng góp vào công tác đào tạo ký giả tại quốc gia mình.

TRẦN-ĐẠI

(1) Riêng các sinh viên lớp học của Viện Đại học Vạn hạnh hiện chưa ra trường.

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔPHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

TIỆP - KHẮC

sau một năm bị chiếm

TRẦN THẾ SỰ

Đồng chí đừng vất vả

Trong một xưởng máy ở Slovaquie, chi bộ Cộng đảng tập trung thợ thuyền lại giữa sân, một cán bộ cầm loa đứng lên giải thích về đường lối mới của chính phủ : « Ngày 21 tháng 8 năm 1968, thực ra các nước bạn không hề xâm chiếm Tiệp Khắc. Các nước bạn chỉ giúp đỡ chúng ta đuổi dẹp bọn phản cách mạng. »

Trong đám đông có tiếng xì xào, tiếng cười cợt, tiếng phản đối. Rồi một người cất cao giọng, phát biểu : « Thôi, đồng chí đừng vất vả nữa. Đồng chí cứ việc bảo chúng tôi rằng các nước bạn không hề tới đây, thế là xong chuyện... »

Câu chuyện trên đây, do một kỹ sư Tiệp kể lại với một ký giả tây-phương, phản ánh tình hình của Tiệp Khắc sau các quyết nghị của trung ương Đảng sau cuộc họp ngày 25-27 tháng 9 vừa qua : tình hình về phía chính quyền cũng như về phía quần chúng. Về phía chính quyền thì phe thân Nga thắng thế đang loại trừ các đối thủ, về phía dân chúng thì là một thái độ tuyệt vọng, trời kệ, buông xuôi.

Khi cái sọt thắng cuộc.

Cái « đường lối mới » mà các cán bộ nhà nước và đảng ở Tiệp đang vất vả giải thích gồm có mấy điểm chính yếu sau đây, được trung ương đảng quyết định trong cuộc hội nghị nổi tiếng hồi cuối tháng 9-1969 :

— Xác nhận việc Nga xô chiếm đóng Tiệp Khắc là một cử chỉ thân hữu, chứ không phải một hành động xâm lăng ;

— Loại ra ngoài quyền hành nhóm Dubcek, Smorkovsky, và một số nhân vật có khuynh hướng tự do ;

— Đưa trở lại các vai trò quan trọng những phần tử bảo thủ đã bị thất thế từ tháng 1 năm 1968.

Trước hết, về « cử chỉ thân hữu » của Nga-xô, thì sự xác nhận của chính phủ Husak chứng tỏ rằng chính phủ này đã hoàn toàn thất bại trong các cuộc thương lượng về việc rút lui quân Nga. Tình trạng sẽ kéo dài không biết tới bao giờ, trái với lời Nga đã hứa với Husak trước đây.

Quân Nga bây giờ họ không churôn nặt ra ở những thị trấn đông đúc nữa : tại Prague ít thấy bóng dáng quân lính Nga. Nhưng cách Prague chừng 40 cây số chẳng hạn, thì lại đầy cử chỉ thân hữu. Milovice là một địa phương có chừng 3 000 dân cư, tại đây có hơn 13 000 lính Nga trấn đóng. Mới bước tới đầu cái thị trấn lều tều này đã thấy rất không khí Nga : tên thị trấn được viết bằng tiếng Nga, khẩu hiệu tiếng Nga giăng ngang giăng dọc, hình lãnh tụ Nga treo khắp nơi ; nhà của dân địa phương thì thưa thớt, thấp hẹp, mà vươn lên đầy trời lại là cao ốc đồ sộ

cho sĩ quan Nga và gia đình của họ, là ăng-ten, là cao xạ, thiết giáp Nga; dân địa phương đi lại lơ thơ, mắt hút giữa đám xe nhà binh Nga và đám lính Nga lan tràn khắp các ngã đường: quần xanh mũ đỏ sắc sỡ. Mỗi ngày có một chuyến hỏa xa chạy từ Mạc-tư-khoa đến thẳng ga Milovice tiếp tế các thứ quân trang quân dụng. Trong khi ấy, một sân bay đã được kiến thiết để có thể đón nhận vận tải cơ và oanh tạc cơ phản lực hạng nặng.

Sở dĩ Milovice được chọn lựa là vì ở gần Mlada-Boleslav, thành phố của kỹ nghệ xe hơi. Các trung tâm kỹ nghệ quan trọng khác của Tiệp-khắc đều có những địa điểm trú quân lớn lao của Nga xô bao vây xung quanh như thế: Brno, Bratislava v.v... Cứ xem cách bố trí, xem những công trình xây cất qui mô ở các căn cứ đóng quân, thì ai nấy đều nghĩ rằng Nga xô quyết tiếp tục cử chỉ thân hữu, và nhà cầm quyền Tiệp Khắc có thừa thì giờ để tha hồ giải thích.

Mặt khác, cuộc thanh trừng đã bắt đầu tức khắc sau cuộc họp ngày 25 - 27 tháng 9. Alexandre Dubcek đã bị cất chức chủ tịch Quốc hội Liên bang, Joseph Smrkovsky cùng 20 nhân vật khác bị rớt ra ngoài ban Chấp hành trung ương Đảng, ba nhân vật bị khai trừ khỏi Đảng (trong số đó có Ludek Pachman), tám Tổng trưởng của chính phủ cũ bị mất chức.

Nhưng người ta cho rằng đó chỉ là những bước đầu. Theo lời yêu cầu của Nga, thì ít ra sẽ có một phần ba đảng viên bị đuổi ra khỏi Đảng, nghĩa là ước chừng 500.000 người. Một Ủy ban thanh sát của Đảng do Milos Jakes cầm đầu ráo riết hoạt động ngày đêm để xét hồ

sơ của các phần tử có óc bài Nga. Ai nấy chờ đợi nhiều chuyện xảy ra trong những ngày sắp tới.

“Đường lối mới” của chính phủ Gustave Husak được báo chí ở Mạc-tư-khoa chào mừng bằng cách quảng bá rộng rãi các diễn văn của Husak. Nhưng đây đó cũng có dư luận lo ngại cho số phận của Husak. Tờ *Times* ở Anh cho rằng rồi chẳng bao lâu sẽ đến lượt Alois Indra thế chân Husak: Nga đã chọn lựa Indra xong rồi, chỉ còn việc chọn lựa thời gian thích hợp để thay thế. Nhóm Alois Indra, Drahomir Kolder, Antonin Kapek v.v... còn cực đoan hơn, thân Nga hết mình hơn Husak. Họ chủ trương đàn áp triệt để các phần tử chủ xướng phong trào tự do hồi 1968. Bởi vậy, nếu quả thực trong tương lai họ cầm quyền, thì bấy giờ ắt hẳn sẽ có “đường lối cực mới”.

Còn hiện nay, một nhà trí thức ở Prague nhận xét về tình hình: “Kể thẳng cuộc không phải là Gustave Husak, mà là cái sợ.”

Chết không tiếng vang

Khi người dân Tiệp khắc đã thấy rõ ràng là tình thế vô phương giải cứu thì họ xuôi tay.

Thời kỳ của Jean Palach đã qua. Người ta không tự thiêu giữa đám đông, giữa công trường nữa. Người ta không tổ chức những hình thức chống đối ngoạn mục, vĩ đại nữa. Bây giờ, tuyệt vọng thắm thía, ai nấy rũ rượi. Không phải dân Tiệp sợ chết. Cái sợ nói trên kia là chỉ về phía một số chính khách đảng viên cao cấp; còn dân chung thì trái lại, gần như họ tìm kiếm cái chết,

dâm sẫm tới cái chết. Một cách lặng lẽ, không phô trương.

Một sinh viên, hồi mùa xuân 1968 tham gia lãnh đạo phong trào tự do. Sau khi Nga xô xâm lăng, anh ta rút lui khỏi các hoạt động, trở về học tập. Rồi mặc dù chưa đến tuổi bị gọi nhập ngũ, anh đã tình nguyện. Vào lính, lãnh được cây súng, anh ta liền quay súng bắn vào đầu tự sát. Không để lại một lời một chữ nào.

Cái chết của sinh viên nói trên, tuy vậy còn gây một tiếng vang : một tiếng nổ. Đa số những người khác chọn cái chết âm thầm hơn : họ tự tử bằng cách đóng cửa phòng, mở hơi ngạt. Họ chết như những kẻ mệt mỏi, không kham nổi cuộc sống thì ra đi vậy thôi, như thể vì chuyện riêng tư, chẳng cần ai biết đến.

Phần đông họ thuộc giới trẻ. Một nhân vật trước kia là ký giả ở Prague, bây giờ bị treo bút, nhận xét rằng hạng đứng tuổi vẫn quen chịu đựng, còn hạng thanh niên mới lớn, họ đang tràn trẻ hi vọng, đặt hết tin tưởng vào « chủ nghĩa xã hội mặt người » bỗng đứng thời cuộc trở chiều, họ tuyệt vọng quá sâu xa nên không thể chịu nổi.

Trước phong trào tự tử mỗi lúc mỗi lan tràn ấy, báo chí Tiệp khắc không được phép nói đến. Báo chí chỉ được nói liên miên về số phận bi đát của những phần tử di cư tị nạn ở nước ngoài : phụ nữ Tiệp phải bán thân nuôi miệng ở Vienne ở Paris v.v...

Nhưng hiện tượng đáng kinh hãi nhất không phải là phong trào tự tử của từng cá nhân ấy, mà là cái cảnh

cả một dân tộc cùng đồng tình buông mình vào chỗ chết.

Thật vậy, người Tiệp không ai bảo ai mà hình như đều cùng ì ra, khoanh tay không chịu làm gì nữa. Tiệp Khắc trước kia ai cũng biết là một trong số các quốc gia tiến bộ vào hàng đầu về mặt kỹ nghệ của Âu châu; ngày nay Tiệp khắc suy sụp thảm hại. Mùa đông năm nay chỉ dự trữ cung cấp nổi một phần ba số than cần thiết để sưởi. Thịt biến mất khỏi các cửa hàng, nhất là thịt heo thì gần như mất tích hẳn, không tìm ra. Thấy dân chúng tranh nhau mua sắm, mà vật dụng thì không sản xuất đủ để cung ứng, nhà cầm quyền quyết định tăng giá hàng từ 15 đến 25% để mong kim hãm bớt mức tiêu thụ. Nhưng dân chúng thấy vậy, nghi rằng càng ngày tình trạng sẽ càng trầm trọng thêm : lo mua trước vẫn hơn. Bởi vậy, người ta gặp trường hợp một gia đình mua sắm quần áo cưới cho đứa con gái mới .. 13 tuổi !

Cả một dân tộc mất hết nhiệt tình, trở nên dửng dưng, tự hủy một cách thản nhiên. Người Tiệp biết rằng khối cộng không đến nỗi để họ chết đói : rồi đây các nước anh em Hung, Lỗ, Ba-lan, Đông Đức . sẽ được động viên để viện trợ kinh tế cho Tiệp. Biết thế Tiệp khắc tự biến mình thành một khối bất động tai hại, thành một gánh nặng cho khối cộng. Từ một quốc gia tân tiến, họ ao ước đóng vai trò của xứ Ai Cập lạc hậu !

Trong cuộc cải tổ chính phủ vừa rồi, bị thay đổi nhiều nhất là các nhân vật chịu trách nhiệm về kinh tế. Nhưng thật oan cho họ : vấn đề đâu phải chỉ là một chính sách kinh tế !

Vấn đề là ngọn lửa thiêu hi vọng đã tắt trong lòng một dân tộc. Giáo sư

Ota Sik trên bước đường lưu vong vừa lên tiếng nói : « Một cuộc cách mạng đã thất bại, và chúng tôi chỉ còn mong cho nó được thực hiện ở nơi khác ». Còn trên quê hương ông thì thôi, chẳng còn gì để mong nữa.

Đó là bài diếu văn gửi về « mùa xuân ở Prague ».

Từ hai nghìn chữ...

Hồi tưởng lại, mới hơn một năm trước đây, toàn quốc tung bừng, lòng người nao nức.

Ngày 27 tháng 6 năm 1968, 70 nhân vật tên tuổi của Tiệp-khắc công bố một bản tuyên ngôn, mệnh danh là bản *Tuyên ngôn hai nghìn chữ*.

Sau khi trình bày các lỗi lầm của Cộng đảng Tiệp trong hai mươi năm cầm quyền đã qua, bản Tuyên ngôn đặt hi vọng ở phong trào dân chủ hóa, do Dubcek khởi xướng, kêu gọi lập các ủy ban bảo vệ tự do tư tưởng, kêu gọi một cuộc tranh đấu hợp pháp hợp hiến để loại trừ các lực lượng bảo thủ v.v..
Loại trừ thật mạnh dạn : « Nếu không, sự trả thù của những lực lượng cũ sẽ tàn bạo lắm ! » (1)

Mặt khác, bản Tuyên ngôn cũng đề cập đến trường hợp có sự can thiệp của lực lượng ngoại quốc. Lời lẽ bấy giờ thật khẳng khái : « Chúng ta bảo đảm với chính quyền rằng chúng ta ủng hộ chính quyền, dù cả bằng khí giới » (2)

Không đầy hai tháng sau khi bản tuyên ngôn ra đời, « lực lượng ngoại quốc » đã xông vào Tiệp Khắc, và sự ủng hộ « bằng cả khí giới » nói trên đã không được bao nhiêu hiệu lực.

Còn « sự trả thù của những lực lượng cũ » cũng bắt đầu ngay từ bây giờ. Riêng

giới nghệ sĩ trí thức (trong đó có 70 tác giả bản tuyên ngôn) được « lực lượng cũ » đặt cho cái tên là « những quân sát nhân bằng ngòi bút và bằng máy vi âm ». Bởi vì họ phạm tội đánh lạc hướng dư luận.

Dư luận đúng hướng lẽ ra phải đúng với luận điệu của báo *Rude Pravo*, cơ quan ngôn luận của đảng. Nhưng từ ngày Nga xô chiếm đóng đến nay, tờ *Rude Pravo* sụt mất 70% độc giả : chẳng mấy người chịu nghe lời nói của Đảng nữa. Còn Karel Kryl, nhà nước cấm anh ta hát mà dân chúng vẫn cứ tự động truyền khẩu các bài hát của anh ta. Nhà nước bực mình, đối xử mạnh tay : tổng cổ anh ký giả này đi làm nghề đốn củi ở Moravie, anh tiểu thuyết gia kia đi bơm xăng ở Slovaquie v.v..

Nhà văn Alain Robbe-Grillet qua Tiệp, một hôm vừa ở tiệm ăn bước ra, bị cảnh sát xét hỏi. Robbe-Grillet đại dột tự xưng là « spitovatel fransonski » (văn sĩ Pháp). Ông tưởng thế là ngon lành. Không ngờ cảnh sát nghe nói tới « văn sĩ » liền tóm ngay lấy, lôi về, tấn cho một trận nên thân.

« Sự trả thù của những lực lượng cũ sẽ tàn bạo lắm ». . . Quả tàn bạo thật.

. . . đến hai nghìn chữ

Nhưng sự tàn bạo ấy không khiến nổi giới trí thức Tiệp hết tuyên ngôn.

Cuối tháng 8-1969, tức một năm sau cuộc chiếm đóng của Nga xô, một bản Tuyên ngôn khác — cũng *Hai nghìn chữ* — được bí mật phổ biến tại Tiệp khắc, và từ đó lan ra các nước ngoài.

Bản tuyên ngôn này nêu lên mười điểm :

(1), (2) — Theo bản dịch của tạp chí *Đất Nước*, số 7, tháng 11-1968.

1 — Phản đối cuộc xâm lăng của Nga xô,

2 — Phản đối sự nhượng bộ của nhà cầm quyền Tiệp và các áp lực tai hại của ngoại bang vào việc nội bộ Tiệp,

3 — Phản đối chế độ kiểm duyệt,

4 — Phản đối hành vi bất minh của cơ quan an ninh.

5 — Phản đối ưu quyền của đảng Cộng sản đối với các cơ quan có trách nhiệm trước toàn dân.

6 — Kết án các hậu quả nguy hại về mặt kinh tế do sự can thiệp của lực lượng ngoại bang gây ra,

7 — Phản đối sự trì hoãn và các âm mưu gian lận trong các cuộc bầu cử,

8 — Yêu cầu tiếp tục tiến hành thực hiện chế độ liên bang, không được ngừng lại ở một việc làm có tính cách hình thức và vô bổ,

9 — Xác nhận quyền bất đồng ý kiến với nhà nước phản đối việc giải quyết các sự di đồng chính kiến trong nội bộ bằng bạo lực,

10 — Cuối cùng, bản tuyên ngôn kêu gọi mọi người hãy tiếp tục cuộc sống trong khi chờ đợi ngày tươi sáng. Ai nấy hãy sống đời mình một cách đứng đắn; thanh thiếu niên lo học hành, nhân viên trong các ngành y tế, vận tải, giáo dục v.v... lo chu toàn trách nhiệm vì lợi ích của đồng bào, các nhà học giả trí thức cứ đeo đuổi các tìm tòi khám phá... «*Chúng ta biết rằng chúng ta không thể tự mình tìm ra lối thoát cho hoàn cảnh này, bởi vì chúng ta không phải là cái rốn của thế giới, và nhất là*

không phải lực lượng chính yếu làm chuyển hoán được nó. Có những thời kỳ mà người ta chỉ nên chờ đợi và kiên tâm bảo trì vốn cũ.»

Từ hai nghìn chữ năm ngoái đến hai nghìn chữ năm nay, thái độ của giới thức Tiệp-khắc đã đổi khác đi nhiều.

Vẫn còn những phản đối, kết án v.v., nhưng thái độ «*ứng hộ dù cả bằng khí giới*» đã mất. Chỉ còn lại cuộc đề kháng tiêu cực, đầy nhẫn nhục.

Ota Sik đã đọc diễn văn đúng lúc. Dù xa cách, ông ta cảm thông với tâm trạng của đồng bào ông.

oOo

Nếu quả thực đến đây số phận Tiệp-khắc kể như đã an bài, thì có vài điều có thể coi là được sáng tỏ:

Là chuyện «*chế độ cộng sản mang mặt người*» cho đến ngày nay chỉ là một mơ ước hảo huyền. Trong khi thế giới Cộng sản còn có tôn ti, còn có sự lãnh đạo, thì chưa có hệ thống lãnh đạo nào chấp nhận chế độ Cộng sản mặt người: Nga-xô đã không chịu được, Trung-cộng càng không chịu được hơn nữa. Cộng-sản vẫn chỉ có thể mang mặt Cộng-sản.

Là sự kiện cùng chung một chủ nghĩa không ngăn cản các quốc gia có tham vọng uy bức áp chế nhau. Mặt khác, sự thống trị thân hữu cũng làm kiệt quệ tan nát một dân tộc, không khác mọi thứ xâm lăng thống trị khác.

TRẦN-THẾ-SỰ



THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235. Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây số : 25.861

NHA IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có vớong máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn chổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
 số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

TARZAN

người hùng 20 năm trước

Trong thế hệ của 007 và OSS 117, người hùng của phái trẻ hâm mộ phim ảnh phiêu lưu, phải là những chàng trẻ tuổi đẹp trai, lịch lãm, mặc những bộ âu phục hợp thời trang đắt tiền, lúc nào cũng sát cánh với những người đẹp có thân hình quyến rũ này lửa. Khi lâm trận thì quật những đòn karate như sấm sét và lúc vào cũng trang bị những vũ khí, dụng cụ tinh vi từ cái súng hãm thanh, búa phát bách trúng, cho tới những máy điện-tử tối tân nhỏ hơn cái cúc áo. Ít ai còn nhớ rằng trước đây gần hai chục năm người hùng của giới điện ảnh phiêu lưu chỉ là một chàng người rừng chất phác, quanh năm ngày tháng chỉ đóng mỗi một cái khổ, khi lâm trận chỉ có một con dao găm, bơi lặn như cá, và phương tiện di chuyển độc nhất là đu giầy như vượn, truyền từ cành nọ sang cành kia trong rừng rậm. Tên của anh ta không phải là những bí số khó hiểu như 007, OSS 117 mà chỉ vốn vẹn có một chữ duy nhất : Tarzan. Xuất hiện từ thời phim câm, Tarzan đã ngự trị suốt nửa thế kỷ trên màn ảnh thế giới và đã lôi cuốn hàng triệu khán giả qua những phút hồi hộp, hiểm nghèo trong những cuộc phiêu lưu không tiền khoáng hậu từ rừng già bí hiểm Phi-Châu tới rừng bê-tông ở Nửu-Uớc, đương đầu với bọn mọi dã man hung ác cũng như bọn tài-phiệt nham hiểm vụ lợi của thế-

giới tư-bản Từ đầu đến cuối, đối tượng duy nhất của những cuộc phiêu-lưu chỉ là một mối tình trong trắng gần như lý-tưởng giữa Tarzan và một cô gái da trắng là Jane.

Thế hệ Tarzan tuy đã qua nhưng hiện nay trên thế giới hầu như bất cứ ngày nào cũng có một phim Tarzan vẫn còn được chiếu tại những rạp chiếu bóng ở những đô thị nhỏ, những vùng ngoại-ô, và ở cả những vùng đồng quê hẻo lánh. Tarzan vẫn còn là người hùng lý-tưởng của giới khán-giả tí hon, tâm hồn chưa bị xáo trộn bởi những mưu mô hiểm độc, những màn đấu trí đấu sức quý quyết của thế-giới 007, và OSS 117. Danh từ Tarzan đã trở nên một danh-từ quốc-tế. Ngay tại Việt-nam, câu « Tarzan nổi giận » vẫn còn được dùng một cách hài hước để chỉ những trạng - thái giận dữ bất thường. Nói tới Tarzan thì ai cũng biết. Nhưng nếu nói tới Edgar Rice Burroughs thì sẽ chẳng mấy ai rõ kẻ đó là ai. Nhưng chính Edgar Rice Burroughs đã là cha đẻ của nhân vật Tarzan. Chịu chung số phận của những người cha tinh thần, danh tiếng của Edgar Rice Burroughs đã bị lu mờ trước danh tiếng của Tarzan, cũng như Conan Doyle đã bị lấn át bởi

Sherloch Holmes. Ian Fleming bởi James Bond và Người Thứ Tám bởi Văn Bình.

Tarzan đã may mắn hơn người cha tinh thần của mình ở chỗ vừa xuất hiện đã thành công. Còn Edgar Rice Burroughs thì non nửa đời người chỉ là những thất bại chồng chất lên thất bại. Trước khi viết Tarzan, Burroughs đã làm đủ mọi nghề từ nghề chăn bò cho tới nghề mót vàng vụn ở dưới suối. Mà nghề nào cũng thất bại. Nhiều lúc túng thiếu, Burroughs phải cầm cổ cả tư trang của vợ lẫn đồng hồ của mình để lấy tiền ăn. Năm 1911, lúc đó đã 36 tuổi, Burroughs tuyệt vọng bèn quay sang nghề viết truyện. Truyện đầu tiên là truyện *Under the Moon of Mars* (Trăng trên Hoả-tinh), Burroughs phải viết dẫu vợ vì sợ lại thất bại lần nữa. Nhưng tập truyện đầu tay đó đã được tạp chí *All Story Magazine* đăng với số tiền nhuận bút là 400 đô-la. Phấn khởi vì thành công nho nhỏ đó, Burroughs lại viết một cuốn tiểu thuyết lịch-sử nữa, nhưng lần này lại thất bại. Sau đó Burroughs mới đọc những sách về Phi-châu của Stanley (*In Darkest Africa*) và Kipling (*Jungle Book*) rồi cảm hứng theo chuyện thần thoại La-mã về hai đứa trẻ là Romulus và Remus được chó sói nuôi rồi sau tạo nên đế quốc La-mã, mà viết ra chuyện *Tarzan of the Apes* (Tarzan, người khỉ). Cốt chuyện đầu tiên về Tarzan rất giản dị. Hai vợ chồng một nhà quý tộc người Anh bị thủy thủ, nổi loạn trên một chiếc tàu biển, bỏ lại trên vùng bờ biển hoang vu của Phi-châu. Người vợ chết sau khi sinh được con trai. Sau đó người chồng bị khỉ đột giết. Đứa con trai được bầy khỉ nuôi, lớn lên thành Tarzan. Mấy năm sau, một giáo sư nhân-chủng-học Mỹ và cô

con gái tên là Jane bị bọn cướp bỏ vào rừng. Giữa lúc nguy nan thì được Tarzan cứu. Tarzan có cảm tình với Jane, đã lên đường theo Jane về Nữ-Uớc nhưng phút cuối cùng, vì một sự hiểu lầm, lại đột ngột bỏ về với rừng thẳm.

Chuyện vừa ra đã được *All story Magazine* đăng trọn trong một kỳ vào tháng 10 năm 1912. Hai năm sau, truyện được in thành sách, bán luôn hơn một triệu cuốn ngay trong năm đầu và là cuốn sách bán chạy nhất trong năm.

Và từ đó Burroughs chính thức làm nghề viết lách. Ông viết rất dễ và rất nhanh, mỗi năm viết được trung bình 400.000 chữ. Ông có thể nghĩ ra cốt truyện trong đầu rồi hoàn tất cuốn truyện trong vòng 6 tuần. Đã viết là ông không bao giờ sửa lại và cũng chỉ đọc lại để cho cốt truyện được thống nhất. Tuy truyện của ông đều lấy rừng rú Phi-châu làm bối cảnh, nhưng Burroughs lại chưa bao giờ đặt chân tới Phi-châu. Mọi chi tiết ngoại cảnh về Phi-châu ông đều rút ra từ những tài liệu trong thư viện đặc biệt về Phi-châu của ông.

Đến năm 1918, khi kỹ-nguyên phim âm bắt đầu thì Tarzan cũng bắt đầu xuất hiện trên màn bạc với tài tử Elmo Lincoln thủ vai Tarzan. Cuốn phim đã là một thành công vĩ đại về tài chánh và là một trong vài phim đầu tiên đã thu được hơn một triệu mỹ-kim về tiền vào cửa.

Mười bốn năm sau, phim nói bắt đầu xuất hiện và hãng Metro-Goldwin-Mayer cho ra cuốn phim *Tarzan, người khỉ*, Johnny Weissmuller, một tay bơi lội trong các thể-vận quốc-tế, được chọn làm vai chính. Và từ đó Johnny

Weissmuller trở thành hình ảnh vĩnh viễn của Tarzan trên màn bạc. Với phim nói, tiếng hú của Tarzan cũng đã được phổ biến khắp hang cùng ngõ hẻm Hãng MGM đã bỏ rất nhiều công phu để tạo cho Tarzan một tiếng hú độc đáo. Tất cả những tuyệt năng của kỹ nghệ âm thanh lúc bấy giờ đã được huy động. Tiếng hú của Tarzan là tổng hợp của nhiều âm thanh gồm chính tiếng hú của Johnny Weissmuller hòa với tiếng gầm gừ của một con chó, tiếng ngân nốt *do* của một *soprano* ghi trên băng nhựa, quay ở tốc độ chậm, tiếng the the của một cây vĩ cầm và tiếng rú của con chó rừng ghi trên băng nhựa rồi quay ngược lại. Tiếng hú quái đản đó đã lôi cuốn óc tưởng tượng của hàng triệu khán giả tí hon, khiến cho suốt trong non nửa thế-kỷ, từ khắp hang cùng ngõ hẻm, đâu đâu tiếng hú của Tarzan cũng được đàn trẻ bắt chước trong những cuộc phiêu lưu tưởng tượng.

Tarzan đã đưa quần chúng thoát ly ra khỏi cái thế giới hỗn tạp, lắt léo, quỷ quyệt của một nền văn minh vật chất, trở về với những cảnh hoang vu của thiên nhiên, với tính cách mộc mạc của con người nguyên thủy. Nhưng riêng đối với Burroughs, thì Tarzan đã đưa ông thoát ra khỏi sự nghèo nàn túng bần. Cho đến năm 1950 là năm ông mất, Tarzan đã đem lại cho Burroughs một gia tài khổng lồ là 10 triệu mỹ-kim (một tỷ 100 triệu bạc VN tính theo giá hiện tại).

Tác phẩm của ông gồm 24 cuốn,

được dịch ra 30 thứ tiếng và làm đề tài cho 39 cuốn phim, hiện nay vẫn còn được chiếu. Ngay tại Saigon, tuần vừa qua cũng có một phim Tarzan được chiếu tại một rạp khá lớn. Và ở Ai-Cập có một rạp chiếu bóng đã chiếu độc một phim Tarzan suốt hai mươi năm nay.

Tuy thành công như vậy, nhưng Burroughs vẫn còn một điều bất mãn vì nhân vật Tarzan trên màn ảnh khác xa nhân vật Tarzan trong truyện. Để hợp với thị hiếu của khán giả, các nhà sản xuất phim đã cho Tarzan là một con người chất phác, đần độn, nói năng cộc lốc. Nhưng thực ra, trong truyện của Burroughs, Tarzan là một người thông minh, nói được 27 thứ tiếng và nhiều khi có những tư tưởng rất sâu sắc. Đã có lần Tarzan nói với Jane một câu như sau: " Anh đã trải qua các thế hệ, từ bỏ quá khứ mơ hồ xa xôi của thời đại hoang-sơ của loài người để đến với em." Suốt đời Burroughs vẫn ước vọng sẽ có một phim Tarzan như ông đã mô tả, nhưng ước vọng đó không thành vì giới sản xuất phim cho rằng loại phim như vậy sẽ không ăn khách. Sau khi chết, Burroughs đã để riêng ra một phần gia tài để làm cuốn phim đó. Cho tới nay, mười chín năm đã qua rồi, cuốn phim vẫn chưa thực hiện được. Không những Tarzan đã không ra khỏi được " thời đại hoang sơ của loài người để đến " với Jane như Burroughs muốn, mà cả Jane lẫn Tarzan đều đã mãi mãi đi vào cái quá khứ mơ hồ xa xôi của một thế hệ đã mất.

Mời bạn tìm đọc

3 tác phẩm La Bôi vừa ấn hành :

*** VẤN ĐỀ NHẬN THỨC
TRONG DUY THỨC HỌC
của NHẤT-HẠNH**

triết lý Duy Thức được tác giả trình bày sáng sủa và hấp dẫn dành cho bạn đã có làm quen ít nhiều với những vấn đề triết học.

128 trang giá 70 đ.

*** NHỮNG GIỌT ĐẰNG
tập truyện của VÕ-HỒNG**

truyện được đọc trong thắc mắc tại sao tác giả lại viết những câu tối nghĩa và phải chua bằng (K. D. bỏ mấy... chữ) cạnh bên những duyên dáng, đôn hậu, dí dỏm, trong sáng....

4 phụ bản 152 trang giá 80 đ.

*** MẶT TRẬN MIỀN TÂY
VÂN YÊN TĨNH**

(À l'Ouest, rien de nouveau

E. M. REMARQUE, PHẠM-TRỌNG-KHÔI (dịch)

Tất cả vô lý, tàn ác, dã man, bất công v.v... của chiến tranh đều phủ lên tuổi trẻ. Tác phẩm loại Bestsellers. Tác phẩm bị Hitler cấm và tịch thu đốt hết.

276 trang giá 150 đ.

Nhà xuất bản LÁ-BÔI

120 Nguyễn-Lâm CHỢ-LỚN

Tiếng gọi thầm

Hiệu cho rằng sự chán-nản bắt đầu từ nửa khuya hôm đó. Một sự chán-nản đến rất tình cờ, đường đột, gần như vô lý. Vậy mà nó lại nằm ý, bám sát lấy tâm trí Hiệu, không sao xua-gạt được, khiến cho những ngày kế tiếp của chàng hóa thành vô-vị. Chàng thấy tiêu-tan mọi niềm hứng khởi : những ngày sau đó nơi đất lạ chỉ còn là một chuỗi ngày sống trong nôn-nao, khắc-khoải. Chàng bồn chồn, nôn-nóng như một kẻ ngồi ở chỗ hẹn, quá giờ đã lâu, vẫn không thấy người yêu tới.

Về sau nghĩ lại, Hiệu vẫn không nắm chắc được cái nguyên nhân chính xác nào đã khơi ra trong lòng chàng nỗi chán nản. Nó chấp-chối, mơ-hồ quá sức. Có lúc Hiệu nghi là chính mình đã tự tạo ra niềm ngao-ngán, chứ không phải vì ngoại cảnh. Tính đến nửa đêm hôm đó thì là vừa đúng ba tuần, kể từ ngày chàng đặt chân đến cái thành phố xa lạ ấy. Nghĩa là Hiệu đã trải qua hai mươi một ngày, hai mươi một đêm trên một đất nước không phải mình. Gần ấy ngày đêm tiếp-xúc với một hoàn cảnh hoàn toàn lạ-lẫm, sao trong con người Hiệu lại không nảy ra một phản ứng nào ? Tại sao lại phải đợi đến nửa khuya hôm đó, từ trong lòng chàng mới vụt bùng lên một niềm ngao ngán ? Vậy thì đêm ấy hẳn là phải có cái gì đặc biệt. Đặc biệt hơn những

đêm khác. Có gì đặc biệt ? Hiệu ôn lại từ đầu, từ buổi tối.

Buổi tối, như mọi hôm, cả bọn ăn cơm xong — cơm ở đây là bánh mì, fromage bifteck, paté, soupe .. — thì đã quá chín giờ. Một số anh em tràn sang câu-lạc-bộ, ngồi nhấm-nháp ly café, xem Ti-vi, nghe nhạc, nói chuyện gẫu với mấy người bạn ngoại-quốc. Số khác gọi taxi, bát phố. Hiệu và bốn, năm người còn lại trở về dãy nhà dùng làm phòng ngủ dành riêng cho các khóa sinh du học, ở phía cuối sân, bên sườn đồi, chung quanh cây cối um-tùm. Đến giờ này trời ở đây bắt đầu mát. Trời tiết nhẹ-nhàng, dịu-dịu. Bầu không khí êm-ả, dừng lại lửng-lờ giữa hai trạng thái ấm, lạnh : Ấm thêm một chút, trời trở thành nóng ; Mát thêm chút đỉnh, trời ngã sang lạnh. (Đi ra ngoài có thể mặc độc chiếc áo cụt tay vẫn thấy dễ-chịu. Nhưng, nếu khoác trên mình bộ complet, cũng không cảm thấy nực-nội bứt-rứt như ở bên nhà, ở Sài Gòn).

Như những buổi tối không đi chơi, Hiệu và mấy người bạn họp nhau lại, ngồi thành hàng trên bức tường thấp ngoài hành lang, nói chuyện lảng-nhặng (những câu chuyện vãn-vơ, lộn xộn : chuyện các môn học thuộc ngành chuyên môn; chuyện thời sự; chuyện mua-sắm, buôn-bán; chuyện chơi-bời nhàn-nhi ..)

Thường, Hiệu vẫn không ưa những loại chuyện như vậy. Nhưng không tối nào chàng không có mặt, tham dự vào cuộc tán nhảm của nhóm bạn-bè. Ở bên nhà, quanh năm, suốt tháng, nếu không lặn-lội trong rừng, trên núi cũng lo thiết lập, sửa sang hệ-thống phòng thủ nơi doanh trại, đêm đêm đi kích. . . nhất ra được một khe hở của thời gian để có thể đấu lao với nhau cho thật yên tâm, thoải mái, là một điều quá khó. Sang đến đây, Hiệu đột nhiên có quá nhiều thì giờ nhàn hạ. Mỗi ngày, trừ hai lần đến lớp, từ 4 giờ chiều trở đi, thì giờ là hoàn toàn của chàng, thuộc hẳn về chàng. Hiệu tha-hồ sử-dụng, vung-vit. Hồi mới sang, chàng hoa mắt trước số thì giờ quá ư thừa-thãi của mình. Chàng ngỡ-ngang một cách sung sướng giữa số thì giờ quá sức dư-dả. Chàng đâm ra lúng-túng, không biết nên dung nó vào việc gì cho hết. Những ngày đầu, sau giờ tan học, chàng cùng mấy người bạn kéo nhau ra phố, hoặc đi mua sắm ba món đồ lạ, quý, bên nhà không có (hay có nhưng đắt hơn nhiều) hoặc chỉ để ngắm người, ngắm cảnh, quan sát lẽ-lối sinh-hoạt, phong tục, tập quán của dân xứ người. Nhiều buổi chiều, chàng đi lang thang, phát phơ từ phố nọ qua phố kia, hết đường này sang đường khác mà không có ý định nào rõ rệt. Chàng đi khơi-khơi, vô ích như chỉ cốt tiêu phí đi ít thì giờ thừa - thãi để được thực sự cảm thấy mình đang hoàn toàn thanh-thoải, nhàn - hạ : Chàng tự thưởng-thức nỗi nhàn - hạ của mình. Lâu dần, những cuộc đi chơi như thế trở nên nhàm chán, không còn lý do kích thích. Nếu không thực sự có việc cần thiết phải đi, sau khi tan học,

chàng về thẳng chỗ ở, đọc sách, báo, tắm rửa, chờ giờ ăn cơm... Buổi tối lại ra hành lang... Những giờ phút rảnh rang của Hiệu mấy lúc sau này đổ dồn cả vào những cuộc tán gẫu. Cuộc tán gẫu nhiều lúc đi quá xa, lạc ra ngoài những đề tài thuộc ngành chuyên môn, thời sự bên nhà, hội nghị Ba - Lê. . . lan-man đến những phim ảnh nhảm-nhĩ ai nấy đều đã xem qua, hồi mới tới. Có khi, câu chuyện được các anh em dẫn-dắt vào sâu hơn nữa. Người này vài đôi câu, kẻ kia dăm, ba ý, cùng nhau thêm-thắt, phanh-phui, soi-moi vào cái khía cạnh... rất dễ làm người nghe và cả người nói, phải sượng-sần, đỏ mặt.

Đối với Hiệu, những câu chuyện như vậy mới đầu gây cho chàng nhiều thích thú. Chúng hấp-dẫn, kích thích. Về sau, chàng cảm thấy khó chịu : những lời nói bạo dạn, cách diễn tả kêu gọi của người kể chuyện dần-dà mất hết hiệu lực, không gây nổi nơi trí tưởng-tượng của chàng những hình ảnh quyến rũ, kích động lúc đầu. Những hình-ảnh ấy một khi mất đi, những lời nói bỗng trở ra, hiện nguyên hình là những danh-từ tục-tằn, thô-lỗ. Chúng như những con đom-đóm chập-chờn, đảo qua, lướt lại trên không, giữa vùng bóng tối, trông hay-hay, đẹp mắt. Đến khi tóm được, nắm trong tay, nhìn kỹ, chúng chỉ là những con bọ hôi-hám, bần-thiểu.

Thế nhưng, tối-tối Hiệu vẫn có mặt giữa đám bạn bè, cùng dự với họ những mẩu chuyện vui-vui bậy-bạ. Chưa lần nào chàng dứt khoát bỏ được vào phòng trước khi câu chuyện đến hồi tẻ nhạt, mọi người bắt đầu buồn ngủ. Chàng ở nán lại đến lúc mọi người tản ra, ai nấy trở về phòng mình. Bây giờ Hiệu mới

cảm thấy nhẹ-nhõm, khoan-khoái, tuồng như vừa rời chàng đã phải chịu đựng quá lâu một điều vô lý. Những lần như thế, Hiệu tự biết, mấy lúc sau này chàng ra góp chuyện mỗi buổi tối với anh em thì không còn vì thực chất của câu chuyện, mà chỉ là cái bầu không khí bao bọc chung quanh câu chuyện; vì sự hồn-nhiên cởi-mở của nhóm bạn bè. Nhất nữa, đây cũng là dịp để chàng hoang-phí thì giờ một cách vô-tội. Chàng như một người nhịn thèm nhịn nhạt đã lâu, đến nay đột nhiên được ăn món mình ưa thích, mặc dầu bụng đã no, vẫn còn tiếc rẻ, ngồi nán lại nhấm-nháp lai-rai, vót-vát thêm vài ba miếng.

Buổi tối hôm ấy, Hiệu bỏ về phòng sớm hơn mọi ngày. Lúc đó vào quãng 10 giờ. Chàng tự-dưng cảm thấy hăng-hái, muốn viết lá thư gửi về bên nhà (lá thư từ hôm sang đây, chàng tự khát lần khát lửa mãi, đến nay vẫn chưa viết được). Người bạn ở chung phòng với Hiệu, chưa đi ngủ. Lúc chàng bước vào, anh ta đang ngồi ở mép giường, cầm-cúi ghi chép bên chiếc table-de-nuit kê giữa giường anh ta và giường Hiệu. Ngọn đèn trên mặt bàn ngủ toả ra lớp ánh sáng màu hồng nhạt, vẽ một vòng tròn rộng. Chung quanh chỗ anh ta ngồi, ánh sáng rục lên. Phần còn lại của căn phòng ánh sáng mờ hơn, có thể đọc sách, báo... mà không bị chói mắt. (Hiệu vẫn thích thứ ánh sáng của loại đèn này: nó không lộ-liệu, chói-chang một cách bạc nhược như ánh sáng của đèn néon; trái lại, nó hợp với màu xanh dịu của bốn bức tường, làm cho căn phòng trở nên ấm cúng. Từ ngoài nhìn vào, căn-phòng mang một vẻ rục-rờ, sang trọng mà dịu-dàng, kin đáo).

Hiệu lên tiếng, hỏi cho có chuyện:

— Mua được món quà gì chưa, Đáng?

Cây bút trên tay anh bạn bỗng ngừng lại. Đáng ngược nhìn lên, ngo-ngác: anh ta chưa thoát kịp khỏi những ý nghĩ trong đầu. Vài giây sau, hiểu ra câu hỏi của Hiệu, Đáng nhoẻn cười, chống chề cho sự lơ-đăng của mình. Anh ta đặt bút xuống bàn, thở một hơi dài, nói:

— Chưa, *toa* Móa đang tính xem nên mua món gì vừa nhẹ vừa mất ít vốn, lại tương-đối lời nhiều. Cả đời mới được sang đây một chuyến, phải tính chắc, lỡ một cái, hết có cơ hội gỡ lại. Phải không, *toa*?

Anh ta lại cười. Cặp kính cận lung linh, rung động. Mấy ngày nay, chuyện buôn-bán bắt đầu xôn-xao, sôi nổi. Mọi người vội-vàng, hối-hả. Giá-cả, hàng-hóa tràn vào các bữa ăn, thậm-chí, nhiều khi tràn cả vào lớp học. Trong khi giáo sư giảng bài, các anh em ngồi dưới, thầ-thì trao đổi cho nhau ít kinh nghiệm vừa thu thập được, hoặc lặng lẽ tính toán, ghi-chép, liệt kê các món cần mua, các loại đồ bên nhà khan hiếm...

Hiệu nhòai người, với bao thuốc trên mặt bàn. Chàng vô tình trông thấy tờ giấy Đáng đương viết dở: vẫn lại ngồn ngang, dày đặc những con số.

Mặc dầu không thạo chuyện buôn-bán, chàng cũng nói:

— Kề thì tính kỹ bao giờ cũng hơn. Tuy nó mua được nhiều chưa, *toa*?

— Cũng lai rai. Ít hôm nay, gần ngày về, các cậu bắn lên, ào-ào đi chọn hàng, mặc cả. Mấy thằng Chà và, Ba-tàu biết

ý, dẫu nhem những món các cậu cần. Giá hàng bỗng dưng tăng vọt. Mẹ kiếp ! Tụi Tầu, Chà Và ở bất cứ chỗ nào cũng khôn như chó Tây. Điều này có lẽ mình dám phải đợi tụi nó mua hết, sát ngày về mới mua, may ra rẻ được chút đỉnh.

Đáng nói một hơi, ngừng lại đợi một lát, không thấy Hiệu nói gì, anh lại quay đi, lầm nhảm tính toán một mình. Nét mặt anh ta đã lại nghiêm trọng. Hiệu ngả lưng xuống giường, châm thuốc hút. Chàng cảm thấy khoan khoái. Gân cốt răn ra làm chàng dễ-chịu. Tấm nệm mousse bọc drap trắng, trũng hẳn xuống dưới sức nặng của thân hình Hiệu. Mỗi cử động nhỏ của chàng, chiếc giường đều mỗi rung-rinh nhún-nhảy. Ý định viết thư, một lần nữa lại như một làn khói mỏng, loãng ra, bay dần ra cửa. Dẫu là Quỳnh cũng không lấy lại được niềm háng-hái vừa rồi. Một cái giường êm-ái quá đôi khi làm hỏng nhiều ý định. Hiệu nhắm-mắt lim-dim, tự bảo : «Đề dành, lần sau viết bù. Viết một hơi chục cái.» Và chàng mỉm cười, tự chế giễu mình. Chàng nhận thấy, mình không có đủ cương quyết để thực hiện ngay bất cứ việc gì. Một ý kiến hay hay; bất ngờ nảy ra trong óc, chàng háng hái muốn bắt tay vào việc. Nhưng, chỉ một khó khăn nhỏ chặn chàng đứng lại lúc khởi đầu, thế là chàng đâm nản chí Chút háng hái nhạt dần. Chàng chần-chừ, nần ná rồi cuối cùng, tự cho phép mình bỏ cuộc ; tự hẹn với mình một dịp «hứng» khác. Cứ thế, Hiệu bỏ dở nhiều ý định. Chàng vừa bắn khoán, khó chịu về tính háng-hái, nhu - nhược của mình, vì chiều theo nó. Nhiều khi, quãng thì giờ chàng phải chịu đựng nỗi khó chịu lâu hơn cả khoảng thời gian chàng có

thể hoàn tất công việc một cách gọn-gàng, chu đáo. Tuy vậy, Hiệu vẫn bằng lòng, chịu để cho nỗi băn-khoăn, thắc-thởm dày-vò, âm-ỉ trong lòng. Bắt tay vào việc ? Ngại vô kè. Hiệu chỉ có đủ can-đảm « bắt tay » vào những việc gì có tính cách bắt buộc, hoặc nếu không « bắt tay » ngay, khó có cơ hội gặp lại. Chàng buồn vì nhận thấy từ hôm sang đây tinh-thần mình mỗi ngày mỗi suy-nhược, trong khi thể xác mỗi lúc mỗi bị những tiện nghi vật chất làm cho trì-trệ, biếng nhác.

Như thế, một lá thư, dù đề gửi cho Quỳnh cũng vẫn không có gì bắt buộc : được chàng phải viết vào giữa cái lúc đang nằm thoải-mái trên một tấm nệm quá êm, trong bầu không-khí dịu-dàng, êm-ả. Hoàn cảnh rõ-ràng chỉ thích hợp cho mỗi một việc thưởng - thức sự thanh-thơi, yên nghỉ của thể xác mình. Viết thư ? Còn khối dịp. Viết lúc nào chả được. Bây giờ... hãy tạm tha thứ cho cái giường êm-ái.

Từ phía bên kia, có tiếng anh bạn :

— Ê toa. Hồi chiều, anh Thiếu-tá Sứu nhà mình đưa ra sự so-sánh giữa hai phương-pháp làm việc của người Anh và người Mỹ, toa có thấy là thất sách không ?

Hiệu quay sang anh bạn. Câu hỏi bất ngờ làm chàng ngỡ ngác. Đáng luôn-luôn có lối nói chuyện kỳ quặc : từ chuyện nọ anh bắt qua chuyện kia không hề có sự báo trước.

Nhớ đến quang cảnh buổi học hồi chiều, Hiệu trả lời lấp-lửng :

— Kè thì không nên...

— « Không nên » thì đã hẳn. Nhưng toa thấy thế nào ?

Hiệu lại quay nhìn anh bạn. Vẻ mặt sốt sắng của anh khiến chàng khó giữ thái độ lửng lơ. Chàng quay đi, suy nghĩ một lát, trả lời :

— Mỗi dân-tộc sống trong một hoàn cảnh lịch-sử khác nhau, trình độ văn hóa khác nhau, nhất-nhất mỗi nét, xét cho cùng, đều mỗi khác nhau. Do đó, lẽ lối suy luận, cách nhìn vấn đề hẳn nhiên là phải có nhiều dị biệt. Một mực bênh vực cho cách nhìn nào là một việc làm nông - nổi, thiếu chín - chắn. Ấy là còn chưa kể đến vấn đề lịch-sử. Bọn mình ở vào thế kẹt : chịu nhận học bổng của người Mỹ để đến một nơi do người Anh huấn - luyện... Chúng ta mang ơn cả hai phía. Chúng ta không nên vượt quá vai trò những kẻ chịu ơn, nếu xét ra chưa cần thiết. Trường hợp ông Sứu chiều nay... kể thì hơi quá. Chắc *toa* cũng đề ý phản ứng của mẹ-sứ Collier chứ ?

— Cái đó dĩ nhiên. Sao không ? Trong khi lão Sứu gân cổ lên cãi, ông ta chỉ cúi đầu, cười tùm - tùm, thỉnh thoảng ngửng lên, đưa mắt nhìn lão Sứu... đều không tả. Thái độ bình tĩnh, tự-tin mà mỉa-mai, ngạo mạn... Thú thực, nếu là lão Sứu, *moa* không chịu nổi một cái cười như thế. Nó giống như nụ cười của người lớn đứng trước một đứa trẻ con quá sức ngây ngô, ngờ-nghệch : Sẵn sàng tha thứ đấy, nhưng trong thâm - tâm, không khỏi có sự khinh thường, rẻ rúng...
Đều chứ, *toa* ?

Hiệu cười :

— *Toa* diễn tả cũng hơi quá. Làm gì đến nỗi vậy. *Moa* thấy mẹ sứ Collier hòa nhã đấy chứ.

— Hòa-nhã chứ sao. Chết ở cái chỗ

hòa nhã ấy đấy. *Moa* nhớ như in câu trả lời của hẳn ? Chúng tôi rất tiếc không thể trình bày trước quý vị về phương-pháp làm việc của bất luận quốc gia nào, vì, ngoài cái lẽ chúng tôi tin tưởng và tôn trọng tâm hiểu biết sâu rộng của quý vị, chúng tôi còn thiết nghĩ, trước khi đặt chân đến đây, chắc quý vị đã rõ, quý vị sẽ cùng làm việc với người bạn nào của quý vị... Rõ ràng là một lời nói khôn-ngoan, lịch sự mà tự-cao, thâm trầm, kín đáo...

Ghê chứ, *toa* ?

Hiệu nhìn anh bạn. Cổ anh vươn dài ra, chồm về phía Hiệu. Mặt anh vênh lên trong một dáng điệu cật vấn, đòi hỏi một câu trả lời thích đáng, một phản ứng tương xứng với ý kiến anh vừa diễn tả. Đôi mắt Đáng mở to sau cặp kính trắng lung linh, đầy cộm, chiếu thẳng vào mắt Hiệu. Căn phòng bỗng dưng, nhuộm một vẻ nghiêm trọng. Chàng bật diêm, châm thuốc để tránh trả lời. Thực ra, chàng không thấy có gì đáng « ghê » trong thái độ của vị Trung tá già người ngoại quốc. Điều đáng « ghê » có lẽ lại ở nơi anh bạn. Hiệu nhận thấy, sự bộc lộ nào của anh cũng đều tỏ ra thái quá, vượt lên trên sự thật. Hiệu không lấy làm lạ khi thấy Đáng tham dự một cách đầy nhiệt tình hăng hái trong bất cứ vấn đề gì, quan trọng hay không quan trọng. Anh hăng say trong chuyện buôn chuyện bán, chuyện chính trị, văn-chương và ngay cả trong những chuyện chơi bời nhăng nhit. Anh muốn lặn xả vào mọi vấn đề. Qua cách diễn tả của anh, mọi chuyện đều hóa thành quan trọng, đều rất nên lưu ý. Những lời nói huênh hoang, cử chỉ hùa theo quá mức của anh, vẽ vờ, tô-diêm chung quanh câu chuyện, khoác

cho nó một tầm quan trọng thực ra nó không có. Tuy vậy, người nghe thích thú theo dõi anh, bị anh thu hút, lôi kéo. Đến khi anh ngừng lại, đưa mắt nhìn mọi người, bấy giờ mọi người mới chột ngờ ngàng, chưng hửng, có cảm tưởng mình bị mắc lừa một thú vị. Như khi ta xem một người làm trò ảo thuật : một cái khăn tay biến hóa khôn lường, thành ra muôn hình vạn trạng. Khi thì là một cái dù ; khi là cả một tấm vải được nuốt vào bụng, lúc lôi trở ra, kéo dài vô tận, khi khác có thể lại chỉ là một bông hoa xinh-xinh nhỏ xíu. Kịp đến khi màn trình diễn chấm dứt, người diễn trò nhoẻn cười cúi chào khán giả, tay giơ lên, phát-phát cái khăn tay không to hơn mặt cái ghế đầu, mọi người mới chột nhìn ra : nó vẫn chỉ là một cái khăn tay bằng vải, màu trắng, tầm thường, không có gì đặc biệt.

Hiệu tự biết, mình không có được cái hăng say ấy. Chàng như lượn lờ, lảng vảng chung quanh mọi chuyện ở đời. Chàng không dứt khoát thiết tha với một chuyện gì nhất định. Do vậy, giữa lúc mọi người nôn-nao, xông-xáo vào mọi vấn đề, có ngay được một phản ứng cấp thời trước mỗi sự việc, thì Hiệu lại chỉ âm thầm, dọ-dẫm một mình. Chàng nhần nha, chậm chạp, thụt lại phía sau, lẻ-loi, đơn độc. Và chàng mần-mò, hí hoáy trong nỗi đơn độc của mình. Như một đứa trẻ, không biết làm bạn cùng ai, thui-thủi đùa rờn với chính cái bằng của mình, ở một góc nhà hiu quạnh.

Đợi một lúc, không thấy bạn trả lời, Đấng lên tiếng, nhắc :

— Sao, toa ? Toa nghĩ thế nào về thái độ đó ?

Hiệu quay lại :

— Thái độ nào ?

— Của me-siur Collier.

Hiệu « à » một tiếng nhỏ. Chàng lại nằm im. Lát sau, chàng chậm rãi trả lời anh bạn :

— Như thế, rõ ràng là ông ta nhắm vào ông Sứ, vào chung cả bọn mình, không phải vào nơi phương-pháp làm việc của người Mỹ. Bởi vì, theo *moa*, lỗi là ở cả nơi ông Sứ. Khi đã không hiểu một vấn đề gì cho thật-đến-nơi-đến chốn, thật thấu đáo, tường-tận, thì không nên trình bày vấn đề đó ra, nhất lại là đề so-sánh. Làm như vậy vô-tình mình khiến cho vấn đề trở thành nông cạn, nghèo nàn. Người nghe nếu chỉ nhìn và hiểu sự việc theo lời người đó trình bày, chắc chắn không tránh được sự hiểu lầm. Chẳng khác nào, khi muốn triển lãm một con voi, ta lại chỉ trưng ra độc có cái vòi : con voi của ta bị giản-lược-hóa đến độ trở thành lỗ lảng, vô nghĩa. Trường hợp ông Sứ chiều nay chẳng hạn. *Moa* thấy sự hiểu lầm có phần tai hại. *Toa* đồng ý không ?

Hiệu hơi nghiêng đầu trên mặt gối, chăm chú nhìn anh bạn. Sợi khói từ đầu điếu thuốc trên tay chàng, vươn lên, vòng-vèo, mềm-mại, rồi mảnh dần, tự tan mất dạng. Đáng chớp mắt mấy cái, về nghĩ ngợi. Anh ta quay đi, với hộp thuốc ba số năm (555) rút một điếu, thong thả gắn lên môi. Nấp cái bật lửa zippo mở ra, nghe « canh » một tiếng trong, cao và thật nhẹ, như một ngón tay gõ khẽ lên sợi dây đàn.

Sau khi rít một hơi thuốc dài, nhả khói mù mịt, Đấng nói, không nhằm thẳng ý Hiệu :

— Mẹ ! *Moa* thấy cái Lão Sứ .. thối

không tả Đứng là *một con chim đại làm hại đàn chim khôn*. Đã vậy, mặt lúc nào cũng lăm lăm lì lì, khinh khỉnh, ra cái điệu ta đây « thượng cấp ». Mẹ kiếp ! Ở bên nhà thì còn tạm được. Ở đây, giữa một hoàn cảnh không dính líu gì đến nhà binh, cấp-bậc, hẳn cũng chỉ là khóa sinh, mà lại là khóa sinh tồi, cái thái độ đó có vẻ lạc lõng, lỗ bịch, dị hợm... Thú thực, *toa* nghĩ không được. *Toa* biết cái thái độ ấy đưa đến hậu quả nào không ?

Hiệu chưa kịp nói gì, anh bạn lại cười, tư trả lời :

— Cóc thằng nào thèm chơi với hẳn. Một hôm cu-cậu nổi hứng, muốn đi chơi bời, cu-cậu cóc biết chỗ lại sợ tốn tiền taxi, tiền uống... mon men đến làm quen thằng Hải, rủ nó đi cùng. Nó gạt phắt rồi đem chuyện phở biển tùm lum. Cu-cậu mất mặt, căm thằng Hải lắm. Căm thì căm, làm chó gì được, phải không *toa* ? Về bên nhà, mỗi đũa đông một phượng, sức mấy thằng n'ò trừ được thằng nào. Phải không *toa* ?

Hiệu giữ im lặng. Như thế là chàng đã vô-tình hắt sang anh bạn một nỗi hằn-học ; đánh thức nỗi khó-chịu của anh ta về ông Sửu. Chàng thăm hiểu, câu chuyện sắp chuyển sang hướng khác, hoàn toàn nhắm vào ông Sửu. Mỗi khi có dịp nhắc đến ông ta, Đấng không kìm được vẻ tức-bực, dằn-hắt. Hiệu nghe phong-thanh, hồi mới sang, hai

người có chuyện xích mích với nhau về vấn đề buôn bán. Chàng cũng đồng ý với những nhận xét của Đấng, nơi ông Sửu. Chàng đồng ý, ở ông, từ dáng người loắt-choắt, bé nhỏ, từ nét mặt lì-lì, cái đầu to quá mức, so với thân mình, đôi má hóp, cặp mắt sâu..., tất cả thấy như tỏa ra một vẻ nhỏ-nhen, ti-tiền. Mỗi tiếng ông nói ra là mỗi cau-có, gắt gỏng, mất cảm tình... Như thế, hẳn nhiên là không có gì bắt-buộc, chàng phải yêu ông Sửu. Tuy vậy, lúc này, Hiệu không thích nghe chuyện đôi co. Chàng không thích phải bận tâm vì những loại chuyện đầu-đầu như vậy. Ở bên nhà, những chuyện như thế đâu có hiểm gì. Chàng chứng kiến quá nhiều, nghe phát ngán. Sang đến đây, Hiệu muốn quên hết. Quên hết những lo-lắng, kèn cựa để được sống trong thanh-thản hoàn toàn, như một người vừa mới tắm xong, thích ở một nơi thoáng khí, không vương bụi-bặm. Hiệu đã tự hứa, những ngày lưu lại nơi đây, chàng sẽ tự cho phép mình sống một cuộc sống hết-sức khơi-khơi, nhàn-nhã ; sống như một người thất nghiệp nhưng vẫn còn tiền, có thể bình tâm ăn chơi ít bữa, chưa cần lo tới việc làm.

Hiệu nhòm người, giúi màu thuốc vào chiếc đĩa gạt tàn trên mặt bàn ngủ. Câu nói không được hưởng ứng làm nét mặt Đấng dịu lại, bớt vẻ tức tối. Nhưng, Hiệu vừa rằm xuống trở lại, bỗng lại có tiếng anh ta :

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Ê toa. Toa còn nhớ, ngay hôm đặt chân đến đây, anh Sửu dặn đi dặn lại về số va-ly mỗi người được quyền mang về nước không?

Hiệu miễn cưỡng :

— Nhớ.

— Bao nhiêu?

— Hình như tối đa là hai cái

Đáng bỗng chỉ thẳng ngón tay về phía Hiệu, kêu lên như chợt bắt gặp điều gì ghê-gớm :

Đó ! Vấn đề là ở chỗ đó : tại sao lại chỉ hai cái ? Tại sao ?

Hiệu im lặng. Anh ta nhắc lại :

— Toa biết tại sao không ?

— Có lẽ vì vấn đề vận-chuyển. Quá mức đó, có thể gây ngại : máy bay mang không nổi. Và lại, cũng phải kể đến vấn đề quan thuế khi tới bên nhà...

Đáng lắc đầu, chậm rãi lắc đầu suốt lúc nghe Hiệu nói. Mối anh ta hơi bĩu ra chút xiu, vẻ coi thường, giễu cợt. Khi Hiệu nói xong, anh ta "xùy" một tiếng ngắn, giọng thương-hại :

— Nhảm. Toa nhảm. Toa ngây-thơ lắm. Đấy rồi toa xem. Hôm này về, lão Sửu không có cả chục cái va-ly to tổ mẹ, toa cứ chặt đầu moa đi. Chặt cả "đầu lớn" lẫn... "đầu bé". Chửi cha thằng moa không chịu.

Hiệu cười :

— Cám ơn hai cái đầu toa... Moa nghi, làm gì có chuyện đó. Từ hôm sang đây, chưa thấy hấn mua cái nào.

Đáng bỗng dựng nổi quạu :

— Toa cóc biết cái con chó gì thật ! Dễ thường hấn mua, hấn phải trình lên toa chắc ! Thừa với ông, người ta gửi luôn va ly cùng hàng-hóa ở tiệm đấy ạ. Hôm về, chỉ việc thuê người chở thẳng ra phi trường thôi ạ. Hấn sợ, nếu không ấn định trước số va-ly anh em mỗi thằng đều khuân cả chục cái, như hấn, pi-lót nó quẳng cha nó hết xuống biển... ông hiểu chưa ? Ông đã "thông cảm" tâm địa chó má của "vị" Trưởng-phái-đoàn-khóa-sinh-du-học chưa ? Còn vấn đề quan thuế.. Hôm chủ nhật vừa rồi, mỗi thằng đóng bốn-chục-đơn (40 dollars) cho thằng Toàn để làm gì, toa biết không ? Khao tiếc các giáo-sư hôm mãn khóa à ? Tiệc nấu bằng gan trời à ? Mẹ kiếp. Tại nó chửi biết mấy. Có thằng còn đe, về bên nhà, trước khi trở lại đơn vị, nó sẽ tặng hấn dăm ba cái theo và nhờ hấn trao lại một ít cho những "vị" trưởng phái đoàn các khóa sắp tới... Moa thấy rất ư là hợp lý. Phải như thế mới được. Toa đồng ý không ?

Một lần nữa, Hiệu lại không trả lời anh bạn Căn phòng bỗng dựng chìm trong một sự im - lặng ngỡ - ngàng. Những phát giác của Đáng, mặc dầu

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

không ảnh-hưởng may-may đến Hiệu, vẫn bắt chàng suy - nghĩ. Chúng tự dưng gieo vào lòng chàng một nỗi ngao-ngán, không sao tránh được. Hiệu như một người tình cờ đi ngang căn nhà đang có đám ma: Tiếng kêu than, gào khóc hòa với tiếng trống, tiếng kèn, từ trong nhà đó văng ra, thê lương, ai oán, khơi dậy trong lòng một nỗi bùi ngùi, xúc động. Nỗi buồn thật vu-vơ mà sâu đậm.

Thì ra, từ ít lâu nay, chung quanh chàng vẫn âm - thầm xảy ra những chuyện đôi-co, kèn-cựa. Những chuyện tranh-chấp, chen lấn nhau, chàng tưởng chỉ ở bên nhà mới có, vẫn cứ lao-xao không ngớt. Tệ hơn nữa, những hần-học, xích-mích ở đây lại chỉ là vì một mối lợi nhỏ, một chuyện buôn - bán không lấy gì làm đàng - hoàng, chính-trực. Những vụ tranh chấp như vậy liệu có đóng góp phần nào vào nét tự-ti mặc-cảm của một giống nòi? Hiệu không tin, những loại chuyện đó lại có thể lọt qua được cặp mắt của các người anh-em-nước-bạn. Chàng không tưởng-tượng nổi họ sẽ nghĩ gì một khi họ hay biết.

Từ hơn tuần nay, chiều-chiều, sau khi tan học, về nhà, Hiệu hay thả bộ phất phơ trên những con đường chung quanh doanh-trại. (Những con đường tráng nhựa đen bóng, thoải-thoải bên sườn đồi, hai bên trái dài thăm cỏ xanh mượt cắt xén công phu, mỹ-thuật. Đây đó bên vệ đường, thỉnh-thoảng bày ra một cái sân đánh quần vợt, một bãi đánh golf). Vào những lúc đó, lâu-lâu Hiệu lại thấy một chiếc taxi từ dưới chân đồi chạy lên, cuối cùng ngừng lại trong khu vực dành cho bọn chàng. Từ trên xe, khi thì hai, khi thì ba,

bốn anh em bước xuống, kéo theo từng cái valy, thùng giấy to quá mức, xúm nhau, hì hục khiêng cất vào phòng. Lúc các anh bạn trở ra, mặt người nào trông cũng phờ - phạc, mệt nhọc. Mồ-hôi thấm ướt mảng áo sau lưng, rỏ xuống từng giọt từ trên trán, trên mặt. Hình ảnh có phần thảm-thương, tội nghiệp...

Bây giờ nhớ lại, Hiệu bỗng thấy những giọt mồ hôi trên mình các anh bạn lại cũng biểu lộ một tấm quan-trọng. Chúng trưng ra trước mắt người ngoại-quốc một khía cạnh tâm-lý, không phải của riêng một nhóm người, nhưng là của chung tất cả: những người vắng mặt cũng phải chịu chung số phận. Những giọt mồ hôi chảy ra trong trường hợp đó liệu có liên quan, ảnh hưởng chút nào đến nỗi dụt-dè, e ngại của các anh em, mỗi khi có dịp tiếp xúc, chuyện trò với người nước bạn? Liệu chúng có làm xa cách nhau hơn, vị trí, tâm-tình giữa hai dân-tộc? Liệu chúng có đã làm nên nụ cười của vị Trung-tá già dành cho ông Sửu?

Về phần Hiệu, suy đi nghĩ lại, chàng nhận thấy, quả thực, mình chưa bao-giờ có được một sự ngang nhiên, tự tin, mỗi khi chuyện trò với người ngoại quốc. Chưa bao giờ. Bởi vậy, chàng lảng xa, tránh né mọi dịp tiếp xúc. Hiệu tiết kiệm đến mức tối đa những cuộc gặp-gỡ, đi lại. Ở lớp học, chàng chọn một chỗ ngồi thật kín đáo, khuất lấp, tận góc phòng, dãy bàn cuối. Về đến nhà, cơm nước xong, từ phòng ăn, chàng đi thẳng về chỗ ở. Trưa cũng như chiều, chưa một lần nào chàng thử ghé qua Câu-Lạc-Bộ-Sĩ-Quan hoặc tạt vào phòng giải trí. Đó là những nơi dường như không thích hợp không thuận lợi

cho những dáng người bé nhỏ. Một đôi lần, Hiệu có dịp đi ngang qua ngoài cửa, mặc dầu không có gì cấp bách, chàng cũng bước thật mau. Mau đến nỗi khi chợt nhận ra, chàng thấy mình vô lý: chàng đi chậm lại, cố giữ dáng điệu bình thản, bước đi một cách bình thường, và chàng thấy nhột-nhột ở phía sau lưng.

Những lần ngang qua như thế, đôi khi Hiệu cũng liếc mắt nhìn thử vào trong. Qua những lá màn thật mỏng màu xanh nhạt, treo ở lưng-chùng các khung cửa sổ, đong đưa qua lại hết sức nhẹ nhàng, Hiệu thấy, cảnh trí ở đây quá xa lạ với mình: Căn phòng lớn, bốn bức tường vươn lên cao vút; dưới nền, đá hoa sạch bóng tường chùng không hề vương một hạt bụi; trên trần nhà, trên tường gắn rải rác đây đó những ngọn đèn chõ cao, chiếu hắp. Ánh sáng đủ màu tỏa ra, quện lấu vào nhau làm thành một màn không gian mờ-mờ ảo-ảo. Mọi vật như hư như thực, như được nhìn qua một giấc mơ nào. Những chiếc ghế bành sâu, rộng bọc nhung, cái xanh, cái đỏ... gọi ra cảm giác thanh thoi, thoải mái... Có lần, trong khi bước chân Hiệu vang lên rõ-ràng, rành-rọt bên ngoài, dưới dãy hành lang, bên trong hầu như hoàn-toàn im-lặng. Chỉ có tiếng nhạc trầm-trầm, dlu dặt không biết phát ra từ một góc nào khuất lấp trong phòng. Mọi người nói chuyện thì thăm, nho-nhỏ, lác-đác, rời rạc. Lúc đó, chàng thấy bước chân mình sao mà vô duyên, lạc-lõng. Chúng càng kêu to, càng lạc-lõng. Chúng như kêu gọi sự chú ý của mọi người, như cố tình khuấy rộn, quấy-phá giờ phút im-lặng, nghỉ-ngơi của mọi người. Chàng vừa bước đi, vừa hoang-mang, nhột nhột, trong lòng nom-nớp lo ngại, chỉ e có người nào đó nhìn ra, thấy mình, sẽ lắc-đầu,

hữu mồi khó chiu. Cũng có lần, khi Hiệu ngang qua, bên trong ồn-ào một cách êm-ả. Những tiếng nói chuyện xôn-xao, rì-rầm, tự kết vào nhau thành một cái bè âm-thanh trôi lướt lững-lờ giữa khoảng không gian phẳng, mịn. Thỉnh-thoảng, một tiếng cười thật trong, cao của một cô gái người Anh, bỗng tách rời ra, nổi bật lên trên đám xôn-xao ấy. Tiếng cười phơi bày hết nỗi hân hoan, thoải mái. Tiếng cười quá sức ngang-nhiên, tự tin không hề trộn lẫn chút nào mặc cảm...

Một khung cảnh như thế, trước sau, Hiệu vẫn không thấy có gì gằn-gũi, thân thuộc với mình. Một tiếng cười như thế, đã ba tuần rồi, chàng vẫn chưa làm quen được.

Hồi mới sang, một hôm nhà trường tổ chức một bữa tiệc chào mừng các sĩ quan du học. Hôm đó, Hiệu bị sắp xếp cạnh một vị Đại-úy người Anh. Suốt hai giờ liền, chàng phải chịu đựng một cảm giác bực-dọc ngấm-ngấm ở chính ngay trong lòng mình. Trong khi anh bạn thân nhiên cười, nói, kể cho chàng nghe những mẩu chuyện xảy ra ở bên nước anh; phát biểu những cảm tưởng của anh về cuộc chiến tranh trên đất nước Hiệu... trong khi đó thì chàng loay-hoay, khờ-sở vô cùng. Những lời nói của anh chỉ lướt qua, trơn trượt hết bên ngoài người Hiệu. Chúng không để lại nơi tâm trí Hiệu một ý nghĩ nào. Chàng làm bộ chăm chú nghe, vừa lên nhìn anh bạn. Từ dáng người cao lớn, từ cách nói năng tự-nhiên, cởi mở, cả từ một cái nhún vai, lắc đầu... của anh, đều như bày ra trước Hiệu một vẻ xa cách, lạ-lẫm vô cùng. Chúng như toát ra cái

gì khiến chàng ngưng-ngừng, lúng-túng. Anh càng tự-nhiên, Hiệu càng lúng-túng. Chàng như thấy mình mỗi lúc mỗi co rút lại một cách thảm hại. Hiệu ngồi vừa uống lai - rai vài hớp rượu, nhìn lơ đãng ra mặt con sông phía sau anh bạn, theo dõi những con thuyền lướt êm trên mặt nước, những ngọn đèn nhấp nháy trên boong tàu... vừa tự kiểm chế, trấn áp nỗi khổ-sở trong lòng. Giữa những tiếng nói chuyện rào rào nơi các bàn ăn bốn chung quanh; tiếng nhạc khi kích-động, lúc dặt-dịu, Hiệu âm-thầm làm một cuộc so - sánh giữa mình với anh bạn. Những ý nghĩ vẩn vơ, kỳ quặc khiến chàng không bắt kịp câu chuyện anh đang nói. Hiệu hoàn-toàn thụ-động. Từ đầu tới cuối, chàng chỉ đuổi theo anh bạn. Do vậy, câu chuyện quá thành vô duyên, tẻ nhạt. Chàng hết hứng. Về phía anh bạn Anh ta dường như không quan-tâm đến vẻ hững hờ của Hiệu. Anh vẫn tỏ ra ôn - tồn, lịch thiệp. Có lẽ quá lịch thiệp: anh ta không hề nản chí. Đến một lúc, Hiệu bỗng ý thức rõ-ràng, cái vẻ lịch - thiệp, lễ độ của anh thực ra không giúp cho chàng gần lại anh ta. Nó đẩy chàng ra xa hơn. Nó như là một khoảng cách an - toàn, cầm giữ, không cho chàng nhích lại gần. Nó cấm đoán mọi hình thức có thể dẫn tới thân mật, sàm-sỡ. Chưa bao giờ bằng lúc này, Hiệu thấy một cái mũi lõ, một cặp mắt xanh, lại mang cái tầm quan trọng, lớn lao đến thế.

Hôm đó, về phòng, chàng kiểm điểm, ôn lại tất cả những lời nói, cử chỉ của mình, của anh bạn, từ đầu tới cuối bữa tiệc. Chàng âm-thầm soát lại từng chi-tiết nhỏ-nhặt trên nét mặt, trong đôi mắt anh bạn nhìn mình. Đến

chỗ nào đáng ngờ, chàng dừng hẳn lại, suy ngẫm. Cuối cùng, Hiệu bỗng nảy ra trong lòng nỗi lo ngại: anh ta đã dám thấy được thái độ e-dè, lúng túng của chàng. Anh ta còn dám thấy cả những nỗi khổ sở ngấm-ngấm trong lòng chàng nữa. Thế này thì quá tệ! Ngu đần quá mức! Hiệu tự giận, tự trách mình. Chàng không thể nào tha thứ cho cái tự-ti-mặc-cảm vô lý, bệnh-hoạn của mình. Nó có thể gây hiểu lầm nơi anh bạn. Nó còn có thể khiến anh có những nhận xét sai lạc về một giống nòi. Nguy quá!... Cứ thế, Hiệu suy diễn lung-tung. Chàng mẩn-mò trong nỗi ân-hận của mình. Mỗi bước suy diễn chàng mỗi tiến sâu vào nỗi băn-khoăn, thắc thỏm. Chàng thấy mình đáng ghét.

Những cảm nghĩ đó ám ảnh chàng hoài. Chúng theo đuổi chàng gần như suốt đêm hôm ấy. Mãi đến bốn, năm giờ sáng chàng mới chợp mắt ngủ quên đi được. Và trong giấc ngủ chập-chờn, Hiệu mơ một giấc mơ kỳ cục: chàng thấy mình có hai con mắt màu xanh và một cái mũi vừa cao vừa nhọn, ở đầu lại hơi hếch lên chút xíu. Đến khi giật mình tỉnh dậy, trong phút bàng-hoàng, Hiệu hốt hoảng đưa tay lên mặt. Và chỉ sau khi rờ-rẫm một hồi, chàng mới thực sự yên tâm.

Bữa nay Hiệu lại cũng tìm ra được một điều để được cảm thấy yên tâm, vững bụng. Chàng tự bằng lòng: Từ hôm đến đây, chàng đã không hề dấn dăng mảy gì đến chuyện buồn, chuyện bán. Hiệu bỗng tìm ra cái có để tự tha-thứ cho tính lười-biếng của mình. Ít ra lâu-lâu nó cũng làm được một điều hữu ích.

oOo

Cánh cửa sổ đập vào khung liên-tiếp

ba, bốn cái liền Hiệu hết còn ngờ vực: vừa rồi, gió đã làm chàng tỉnh dậy (Mọi buổi tối, sau khi cuộc chuyện-trò chấm dứt, trước khi vào phòng, bao giờ Hiệu cũng nhớ đóng cửa sổ Tối nay chàng bỏ cuộc nửa chừng, quên lửng một thói quen). Chàng đổi thế nằm, xoay nghiêng người, quay mặt vào trong, cố ngủ lại. Chàng nhắm mắt mà trong lòng mơ-hồ hồi-hộp, đón đợi những tiếng cửa đập tiếp theo. Chàng chuẩn bị trước một cái giật mình. Bên ngoài, gió chạy ào ào từng đợt trên mái nhà, trong dãy hành lang. Hiệu tự khó-chịu về nỗi hồi-hộp của mình, nó làm tinh-thần chàng căng ra khó ngủ. Thế nhưng chàng vẫn nằm yên, không muốn dậy. Chàng khó chịu hơn: chỉ cần bước mấy bước, ra khép cửa, là chàng có thể tha-hồ yên tâm ngủ tiếp, hết phải lo bị khua rộn thành linh; vậy mà chàng không làm được. Nghĩ đến sự phải chui ra khỏi mền, giẫm chân trên lớp đá hoa lạnh ngắt vào giữa lúc này, chàng thấy ngại vô kể. Giấc ngủ nửa chừng luẩn-quẩn trong hai con mắt, như một sức nặng, đè chàng dính xuống mặt giường. Giấc ngủ nửa chừng dường như có gì liên quan, thân thuộc với sự lười biếng. Hiệu đoán, có lẽ mình mới ngủ được nhiều lắm là chừng hai tiếng đồng hồ. Hai mắt chàng cay-sè, đầy cộm. Song, tinh thần thì lại tỉnh táo, mỗi lúc mỗi thêm tỉnh táo Chàng tự biết: như thế là giấc ngủ đã lảng xa rồi, kẻo kêu nó trở lại Chàng tuyệt vọng, đành mở mắt. Trời về khuya gầy-gầy lạnh. Không khí giống như trên tỉnh Đà-Lạt bên nhà. Hiệu thấy thêm một hơi thuốc lá một ly café phin nóng (lại những thứ dễ làm cho chàng lười biếng). Chàng ngoài ngời, với tay lấy bao thuốc trên mặt bàn, rút một điếu, đánh diêm châm, hút.

Làn khói ấm đầu tiên, búi-búi trong cổ họng. Chàng nhìn sang giường bên kia: anh bạn vẫn ngủ ngon lành. Hai giường quá gần nhau, Hiệu nghe rõ tiếng anh ta thở đều-đều, bình thản. Ngọn đèn nhỏ xiu gắn trên tường, tỏa ra một vòng ánh sáng tròn, mỏng. Càng xa, ánh sáng càng nhạt dần. Đáng nằm hơi nghiêng, mặt hướng về phía Hiệu, đầu trật khỏi gối, nghẹo qua một bên, tóc tai lòa-xòa, lờm-chờm. Một bàn tay anh ta lớt hững-hờ dưới má. Cái lưng trần, phơi ra ngoài tấm chăn xô lệch, gằn tuột khỏi người. Không có cặp kính trắng, trông anh lạ hẳn, có vẻ ngây thơ, hơi khờ-dại. Mọi nét hăng say; mọi tức-tối, dằn-hắt; mọi biểu-lộ quá mức trên mặt anh ta, hoàn toàn biến mất: Đáng lại trở thành dễ thương hiền lành, chân thật. Hiệu chăm-chú ngắm anh ta, bất giác, chàng mỉm-cười, rửa thăm, không ác ý: « Mẹ! Cái thằng vô-tâm thật! »

Gió bên ngoài thành-linh nổi mạnh hơn. Cánh cửa sổ lại đập liên tiếp vào tường. Lần này cả hai cánh thay nhau đập, tiếng kêu chát-chúa. Thế này thì hết còn li được nữa. Hiệu đành tung chăn ngồi dậy, đi ra đóng cửa. Luôn tiện, chàng băng qua khoảng sân hẹp, Sang dãy nhà thấp dùng làm toilet. Lúc trở về, chàng hoàn toàn tỉnh hẳn. Đã quen với cái lạnh, chàng hết ngại, đứng lại đứng vờ vẫn ngoài hành lang, bên bức tường thấp, ngay cửa phòng mình. Gió đã dịu bớt, nhưng trời vẫn lạnh. Cây gạo cao lớn, đứng sừng-sững phía cuối sân, xòe những cành lá xum-xuê, che lấp ánh đèn từ khu nhà ăn, hắt lại. Bóng tàn cây đ ng đưa qua lại, lặng-lẽ, nhẹ nhàng trên mặt khoảng sân rộng, như một tầng mây đen lớn. Những dãy

nhà gạch chìm trong một lớp sáng mờ-mờ, hơi đục. Không phòng nào còn đèn; cửa ra vào khép kín. Lòng hành lang sâu thẳm, im-lìm, gọi cho Hiệu cảm giác bơ-vơ, hiu-hắt. Trong đêm vắng, cái sân như rộng thêm ra; dãy hành lang cũng như được nối dài thêm. Cảnh vật mang một bộ mặt nghiêm-trang, bí-mật. Đây đó, nơi góc tường, dưới chân cột, cạnh gốc cây... thấy như cùng toát ra một nỗi buồn vu-vơ, lạnh lẽo. Cách chỗ Hiệu đứng chừng mười thước về phía tay mặt, là nơi hồi tối bọn chàng tụ họp. Bây giờ chỗ đó trống trơn. Hiệu nhìn cây cột xi-măng màu trắng mà chàng thường đứng dựa lưng trong khi trò-chuyện, chàng thầm hiểu, rồi đây, khi đã trở lại quê nhà, khó lòng chàng quên nó được: cây cột vô-tri bỗng dựng hắt vào lòng Hiệu một nỗi bùi-ngùi, một sợi buồn thoáng nhẹ. Từ mạn đường cái, tít dưới chân đồi, bỗng vẳng lên tiếng xe hơi lướt nhanh, mất hút. Tiếng động cơ thành-linh hiện ra, biến mất lại như muốn làm cho sự tĩnh-mịch trong đêm càng thêm tĩnh-mịch. Nó gọi nhắc đến chiều rộng mênh-mông của niềm hoang vắng. Hiệu như "nghe" được rõ ràng cái sự im-lặng bao la dàn trải quanh mình. Chàng bỗng nhận ra, đã từ lâu lắm, từ hồi còn nhỏ cũng nên, chàng không bắt gặp một đêm bình yên, phẳng lặng thế này. Đêm bình yên quá lại cũng là một sự kiện bất thường; một điều hiếm thấy. Chàng đâm ra ngờ-ngác, bàng hoàng. Như người tỉnh cờ, chợt khám phá ra một sắc thái mới của cuộc đời mình, khác hẳn với cái sắc thái mà mình vẫn sống. Thế này cũng là một sắc thái mới chứ sao: Một đêm thanh vắng, không có chuyện gì, tự đứng tĩnh dậy, liền phải đối diện với cái lặng thình

bát ngát quanh mình. Một đêm như thế đâu đã xảy ra trong cuộc đời chàng? Nó hẳn phải là một điều mới chứ! Từ trước đến nay, mặc dầu đã sống gần nửa đời mình, chàng vẫn chưa từng được gặp đêm nào quá ư an-lành, êm - ả thế này, một sự êm - ả tưởng chừng có thể giờ tay nắm được. Chưa. Chưa bao giờ. Đêm tối của chàng thì không an lành, êm ả. Trong cái chuỗi đêm lê - thê, dài đặc đã từng lữ - lượt diễn qua trong cuộc đời chàng, quả thật, Hiệu không thể nào tìm ra một đêm an-lành êm - ả. Đêm của chàng đầy đặc những nỗi lo-âu, bồn - chồn, khắc - khoải...

Đêm của chàng luôn luôn có những bất trắc, hiểm nghèo thường xuyên rình chờ, quanh quẩn, kề cận bên mình. Nỗi bất trắc núp dưới lùm cây, sau mô đất nhỏ, trên một lối đi bé xíu ngòng ngoèo, lượn khuất quanh co giữa những khóm tre, bụi chuối, gần lẫn vào đám cỏ dại xanh tốt hai bên... Trong đêm tối, bất cứ cái gì, ở bất cứ đâu cũng đều hàm chứa những nỗi hiểm nghèo, những điều trọng đại. Ngay đến cả sự lặng thình lại cũng mang cái ý nghĩa bất an, trọng đại: Lặng thình chỉ là giai đoạn ngừng nghỉ tạm thời, chuẩn bị cho một chuyện gì ghê gớm sắp sửa xảy ra. Như thế, đêm tối của chàng tự nó đã là nguy hiểm; tự nó đã đủ nói lên nỗi trọng đại rồi.

Hồi ở bên nhà, những đêm không đi hành quân, đi kích, được nghỉ tại trại, Hiệu thường nằm ngủ trên chiếc ghế bố kê sát chân tường, ngay dưới một khuôn cửa sổ. Giấc ngủ của chàng rất hiếm khi nào nguyên lành trọn vẹn. Nó bị xé, tơi ra thành nhiều mảnh cách quãng không đều. Hầu như đêm nào

cũng vậy. Và mỗi đêm chàng mỗi giạt mình choàng tỉnh vì mỗi nguyên cớ khác nhau. Giác quan của chàng cũng phải trực tiếp đối đầu với những diễn biến khác nhau bày ra quanh chỗ chàng nằm : Có đêm, lúc chàng choàng tỉnh, bên tai, những tiếng pháo binh lớn, nhỏ bùng lên tới tấp, vang-rền. Tiếng những viên đạn rít trong không khí, Hiệu nghe rõ-rệt tưởng chừng chúng xẹt ngang lỗ tai mình. Lúc đó, nhìn qua cửa sổ, chàng thấy những đóa hỏa châu lóa lên, sáng rực lạng-lẽ rớt xuống từ-từ. Trái này sắp tắt tức thì lại có trái khác tiếp theo. Cứ thế liên-tiếp không ngừng. Cả một nền trời vàng hoe, sáng rực, soi rõ những mái nhà tôn im-lìm trong trại, soi rõ từng chiếc hố cá nhân ngay sát hàng rào, và soi rõ cả đến những hòn-đá-con, ngổn-ngang, lởm-chớm trên mặt khoảng sân đất đỏ. Một mảng ánh sáng lọt qua cửa sổ, ngả xuống đỉnh màn, vàng tươi như tấm lụa mỏng. Tấm lụa mỗi lúc mỗi nhạt dần ; đến khi gần mất, lại chợt vàng tươi trở lại. Thế này là ắt có cuộc đụng độ đâu đây. Chắc là đụng lớn : gà-cồ đã gáy, không phải chuyện thường. Nằm trên ghế bố, Hiệu vừa theo dõi những trá hoả châu, đồng thời đề ý, lắng tai, nghe ngóng, hồi-hộp chờ một tiếng kèn báo động, tiếng keng của toán lính canh... Trong khi đó, gió vẫn thổi trên mái nhà làm một tấm tôn đã cũ, nhấp-nhồm từng hồi, phát ra tiếng kêu đều-đều, bình thản ; Từ phía làng xa, vẳng lên những tiếng chó sủa vu-vơ, náo nức .. Có đêm, một chiếc phản lực bất ngờ xẹt lướt ngang đầu làm chàng bừng tỉnh. Khi chàng định thần lại được thì chiếc phản-lực đã vút xa rồi. Tiếng máy rền-rền, nhỏ dần, yếu ớt, cuối cùng mất hút ở tận cuối trời. Không gian lạng-im trở

lại. Hiệu nhìn vu-vẩn ra ngoài : qua lá màn, bên kia cửa sổ, tít đằng xa, một chấm đèn đỏ của chiếc trực thăng chớp sáng, chớp sáng liên hồi, di chuyển lạng-câm, buồn bã giữa cái bát-ngát bao la của nền trời đêm đen thẫm. Phải cố lắng tai, lâu-lâu Hiệu mới nghe được tiếng máy trực thăng mơ-hồ vẳng lại, chấp-chỏi, chập chờn .

Như vậy, từ trước đến nay, kiếm tìm lại, Hiệu thấy, quả thật mình chưa có được một đêm, an-lành, êm ả. Đêm đêm, lượn lờ, lạng vảng chung quanh giấc ngủ của chàng là những tiếng súng, những trái hỏa châu, những ánh đèn chớp, sáng. .

Thế nhưng, suy đi nghĩ lại, những đêm như thế, chàng thấy cũng cứ nên cho nó là êm ả : chưa phải trực tiếp đón những làn đạn không rõ từ đâu, lao tới phía mình ; chưa phải hướng súng ra phía hàng rào, bóp cò lia-lịa để chống một cuộc tấn công ; chưa phải bỏ nhà xuống hố tránh đợt pháo kích bất ngờ... Còn được nằm yên trên tấm ghế bố của mình, nghe tiếng đại-bác bắn đi đâu đó, theo dõi chiến cuộc diễn tiến quanh mình... như thế, cũng cứ nên coi là đêm-êm-ả. Được chứ ? Sao không ?

Hiệu nhìn lơ đãng những chiếc lá gạo rớt nằm đây đó dưới mặt sân, trên thảm cỏ, tần mần hỏi lại lòng mình. Chàng lấy làm lạ : ở bên nhà, sống trong những đêm như thế, kề sát với những đe-dọa quanh mình thì chàng cho là êm-ả. Giờ đây, đứng giữa một nơi thực sự bình an, im ắng thế này, sao chàng lại vẫn không sao có được một sự yên ổn trong lòng ? Tuồng như trong khoảng không gian êm-tĩnh ở đây thiếu u

mất cái gì không thể nào tìm ra được. Hiệu đâm phân vân, ngần-ngại, không biết nên gọi cái sự im lặng trong những đêm ở bên nhà, hay sự im-lặng giờ đây, là một sự kiện bất thường.

Trong đêm vắng, chỉ có mình-mình đối diện với nỗi lặng-thinh, thanh-thản trên đất nước người, chàng bỗng cảm nghe lòng mình buồn-bã; nghe như từ một chỗ nào sâu kín tận đáy hồn mình, vẳng lên một tiếng gọi thầm, tiếng gọi mơ hồ, vu-vơ, chấp chới mà thật thiết tha, khoắc-khoải vô cùng. Lần đầu tiên từ mấy tuần nay, Hiệu chợt ý thức rõ-ràng: mọi thứ ở đây đúng là hoàn-toàn xa-lạ; đúng là không có lấy một mảy-mảy thân-thuộc với mình. Những con đường, những khu phố, những người, những cảnh... xa lạ đã đành. Đàng này, xa lạ cả đến một niềm êm - ả; xa lạ cả đến một cái lý do làm mình thức tỉnh trong đêm. Ở bên nhà mỗi lần bừng tỉnh là mỗi có một lý do đường hoàng, chính đáng (tiếng súng nổ rít bên ngoài; tiếng phản lực rít trên đầu; bị địch bắn công, pháo kích...). Trong khi đó ở đây, lý do sao mà ngهن nản v - vị; giât mình choàng tỉnh lại chỉ là vì một làm gì ó lướt quanh nhĩ; vì một cánh cửa quên không khép lại! Thành ra « choàng tỉnh » ở đây mất đi rất nhiều ý nghĩa; trở nên không được nghiêm trang, quan-hệ: « choàng tỉnh » hóa ra như một hành động rờn chơi, đùa cợt vậy thôi, không có gì bắt buộc. Lâu lâu buồn tỉnh rất nên « choàng tỉnh ».

Vậy thì, quả thực, ở đây, mỗi nét Hiệu thấy đều mỗi xa lạ với chàng;

mỗi nhắc-nhở chàng cảm giác bơ vơ, đơn độc Chàng bỗng giận mình: tại sao mãi đến bây giờ chàng mới nhận ra điều đó? Tại sao phải đợi đến lúc đứng trong đêm vắng một mình, chàng mới thấy mình bơ vơ, đơn độc? Ban ngày, giữa một nhịp sống xô bồ, rối-tinh, nôm nã, chàng bị cuộc sống quahh mình lôi đi, cuốn mất, khiến chàng xa lạc khỏi chàng; Tâm hồn chàng không có được một sự rảnh rang, thư thả để ngó lại mình. Đến khi có dịp, nó liền nhận ra: còn có vô số những điều cần phải lưu tâm, chăm-sóc. Chàng như một người đêm ngày say sưa mê mãi trong cuộc đở đen, không màng gì đến chuyện ăn, chuyện ngủ.

Đến khi đám bạc tan rồi, phải tay đứng dậy, mới sực nhận ra bụng đói cồn-cào, toàn thân mệt-mỏi. Lúc đó mới cảm thấy cần một bát cơm nguội một chỗ ngả lưng: Thề xác nó tự vùng lên, đòi hỏi đến những nhu cầu của nó.

Tâm hồn của Hiệu bữa nay cũng lại vùng lên, đòi những nhu-cầu? Nó mà cũ g có nhu-cầu? Nhu cầu của nó là những cái gì? Không lẽ lại là một trái hỏa châu, một chấm đèn đỏ, một tiếng đại-bác xé rách bầu trời? Không lẽ nhu cầu của nó lại là những cái nhảm-nhĩ, tầm thường đáng khinh như vậy? Nhu cầu của nó sao lại không là giọng nói, tiếng cười, làn môi, khóe mắt của Quỳnh? Sao lại không là những sợi tóc trắng điểm trên mái tóc mẹ chàng? Sao lại không là những vết nhăn nheo khắc-khổ, cặp kính... ở trên nét mặt cha chàng? Sao lại không là những

tiếng cãi vã om - sòm của người lân-
bang, lối xóm...

Đứng trong đêm vắng, một mình,
loay-hoay mò-mẫm giữa những đòi hỏi,
ngấm-ngâm dằng-dai, âm-ỉ, Hiệu nghe
hoang-mang, ngờ vực : một trái hỏa
châu, một tiếng súng nổ, tẻ hơn nữa,
một tiếng chửi thề của bà hàng-xóm...
không ngờ lại cũng có lúc tâm hồn

của mình coi là lớn lao, quan trọng...
Chúng mà quan trọng ? Láo - lếu, hồ-
đồ, khả nghi hết sức...

Và trong đêm vắng, một mình, chàng
nghe tiếng mình rủa thăm trong trí :
" Cái tâm-hồn này, hảo-huyền, vớ-vẩn !
Mẹ ! Đáng đánh đòn ! »

9 - 9 - 69.

DOÃN - DÂN

CAN THÀNH

261 Tôn Thọ Tường Cholon

Chuyên sản xuất các loại :

Quần, Áo thun.

RẺ, ĐẸP, BỀN

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin buồn cho tất cả thân bằng quyến thuộc.
Vợ, Mẹ, Chị và Bác chúng tôi là :

Bà NGUYỄN-THỊ-GIA

Đã từ trần tại nhà riêng số 63 A đường Độc-lập Nhatrang lúc 21 g 30
ngày mồng 1 tháng 9 năm Kỷ-Dậu (11-10-1969).

Lễ an táng đã cử hành tại Nhatrang.

Chồng : Thiếu tá TÔN-THẮT-THUYỀN và các con

Em : TÔN-THẮT-NGHỊ Vợ và các con

— TÔN-THẮT-HÀM «

— TÔN-THẮT-PHỒ «

— TÔN-NỮ ĐÔNG-SƯƠNG Chồng và các con

— TÔN-THẮT-NHÂN

— TÔN-NỮ LỆ-CHI

— TÔN-THẮT-DU

Cáo phó này thay thế thiệp tang.

VỪA PHÁT HÀNH

NGUYỄN TỬ QUANG

THẾ GIỚI TRONG MÀU LỬA

Quyển sách giá trị về hai trận Đại chiến Thế giới lần thứ nhất và thứ hai.

Bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Đầu tháng 12-69 đón đọc

HIỆN-DIỆN

TẠP-CHÍ VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT

Chủ-trương : TRẦN HUIỀN-ÂN — PHAN VIỆT-THỦY

Với sự góp mặt của nhiều cây bút quen trong nước

*Đã phát-hành 2 bộ sách mà
giới yêu sách hằng mong đợi,*

HÔNG LÂU MỘNG

Đại danh-tác Trung-hoa của Tào-Tuyệt-Căn

Dày trên 3.000 trang

KIM BÌNH MAI

Danh-tác Trung-hoa của Vương Nguyên-Mỹ

Đệ nhất « *dâm-thư* » trong kho tàng văn-chương Trung-quốc

Dày trên 2.000 trang.

*Hai bộ sách thuộc loại « Quốc cấm » đã bị cấm từ trước tới nay.
Lần đầu tiên xuất-bản tại Việt-Nam.*

Dịch giả : G.s. NGUYỄN - QUỐC - HÙNG (Cử-nhân Giáo-khoa Văn-chương)

NHÀ XUẤT-BẢN CHIÊU-DƯƠNG

Đã có bán khắp nơi trên toàn quốc.

đã phát hành

TƯ TƯỞNG số 5

Số đặc biệt về :

MARTIN HEIDEGGER

VÀ SỰ THẤT BẠI CỦA TƯ TƯỞNG
TÂY PHƯƠNG HIỆN NAY

với những bài của : **Phạm Công Thiện, Ngô Trọng Anh, Lê Tôn Nghiêm và Trần Công Tiến**

Bốn tác phẩm đặc sắc :

BỘI LAN HÀNH

Thi phẩm thứ tư của ĐÔNG-HỒ. Gồm ba mươi bài thơ dài tâm sự nhất, điêu luyện nhất mà cũng đặc ý nhất « *chẳng những là một tác phẩm, một kiệt tác văn chương, mà còn là một nỗi lòng của TRÁC CHI...* »

4 phụ bản, bút tích và họa phẩm thủy mặc của tác giả.

QUINH-ÂM xuất bản.

ÚC VIÊN THI THOẠI

Những chuyện thơ kỳ thú, một bút tích, một di ảnh và tiểu sử của Thi-Sĩ ĐÔNG-HỒ với lời giới thiệu đưa duyên chân thành của NGUYỄN-HIẾN-LÊ, một người bạn viết cho một người bạn vừa năm xuống.

Hà-Tiên xuân sắc

Hà-Tiên danh bút

Hà-Tiên thu hứng

Hà-Tiên danh hoa

Tất cả những thi vị ấy của Hà-Tiên đã được ghi lại rất đậm đà trong cuốn Tuy Bút. **DƯỚI MÁI TRĂNG NON**

với một bài hành văn Rã của Thi-Sĩ NGUYỄN-BÍNH

Lại xin đón đọc :

ĐĂNG ĐÀN

10 bài thuyết trình về văn học — nghệ thuật văn chương — trong 10 lần lên diễn đàn của ĐÔNG-HỒ.

Đều do MẠC-LÂM xuất bản YIẾM YIẾM phát hành

72-D Trần-văn-Thạch — Tân-Định — Saigon.

lời nguyện giờ trưa

Thơ Ý-YÊN

- hy-vọng này chờ mong
tâm thường như nước
chỉ cần mức lên
từ hồ không tên từ hầm địa đạo
khử trùng rồi lọc cho trong
và ta có một « bidông »
nhưng
làm sao có được
trên sa mạc hạn thù ?
- mười hai giờ trưa mặt trời đứng bóng
ngả mũ sắt ngồi lên
làm tên hành khát
đề mà cầu xin
không phải cho lính thù chết hết
nhưng cho con người niềm tin
- niềm tin ngày nào
các tu sĩ cũng hát ca dao cần lao sản xuất
nhà hiền triết trồng bông dệt sợi vá may
đàn trẻ đùa vui trong ngõ
nơi cổng nhà giàu không đề « chó dữ »
cho tên chính ủy mỗi tay cạy lời
- mức nước lên từ lòng hầm hồ
khi ta chết khát tới nơi
mức lên từng ca rất nhỏ
khử trùng lọc trong
hạnh phúc tràn qua nhịp thở
tình yêu giữa chúng ta
gcm lại từng tia nhỏ
lọc dần như thể đó

LÀNG TÔI

Thơ LE-VĂN-TRUNG

Làng tôi đó, bến chiều sông khói muộn,
Vương chân buồm thuyền đậu cuối sông xa.
Đỉnh Cà Tang đã mấy mùa dâu biển,
Cho gió sương phai mái tóc mẹ già.

Hà Lam xưa vắng người qua Mỹ Lược.
Chắc bây giờ em đã bỏ nương dâu,
Dắt dìu nhau đi dù đường xuôi ngược,
Dù những sông xưa gãy mấy nhịp cầu.

Em bỏ Duy Xuyên, em rời Đại Lộc,
Tay bế con thơ, nước mắt lưng tròng.
Bom rớt sau lưng, đạn vèo trước mặt,
Cố chạy cho qua những ngày long đong.

Làng tôi đó, lạnh tấm đình ngói đỏ,
Không người mô về cho lúa trở bông.
Hay cánh đồng hoang đã còi nắng lửa ?
Và máu xương phơi trắng lợp cánh đồng !

Lòng mẹ Thu Bồn nói rìng tiếp bến,
Giờ cách ngăn thêm trăm ngã hận thù.
Tôi đứng bên này hàng rào giới tuyến,
Nhìn xóm thôn xa khói đạn mịt mù.

. . .

Ôi biết bao giờ tôi còn trở lại,
Lên đỉnh Cà Tang nhìn xuống Đại Bình.
Lòng nhủ lòng mừng quê hương còn đó,
Và đã qua rồi những ngày đao binh.

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Nước mới !

Thứ nước mới mẻ này có liên-hệ mật thiết với thứ nước chúng ta vẫn uống, vẫn dùng tắm rửa hàng ngày. Người Nga đã tìm ra thứ nước này đầu tiên khi họ tuyên bố cách đây vài năm rằng có một hình-thức mới của thứ nước thông thường đã có trên trái đất. Các nhà bác-học Mỹ vội vã nghiên-cứu về thứ nước lạ lùng ấy và xác định quả có thật.

Trong một thí-nghiệm chứng-minh nước thường được làm cho bay hơi dưới áp-suất cao trong một hệ-thống chân-không. Hơi nước đọng lại trong những ống nhỏ li-ti như tóc treo lơ lửng ở bên trên. Sau hơn 18 tiếng đồng hồ, thứ nước đọng lại ở bên trong các ống nhỏ ấy không còn ở hình thức thông thường nữa : nó đã biến thể thành một thứ nước mới với những đặc tính lý-hóa khác hẳn. Nó có niêm-độ của một thứ dầu, gần với thể đặc hơn là thể lỏng, độ đông-đặc thấp hơn và độ sôi cao hơn rất nhiều so với nước thường. Nó có thể chịu đựng một nhiệt-độ hàng trăm độ mà không bốc hơi. Những nhận xét đầu tiên cho biết thành phần cấu-tạo của nó vẫn là những phân-tử H_2O , nhưng được nối với nhau thành từng đám rất chắc chẽ — như những chuỗi dài polymer tạo nên sự bền bỉ cho chất plastics — do đó nó có tên là *polywater*.

Polywater là một hợp chất bền, người ta lấy làm ngạc nhiên là nó không

có ở thiên-nhiên. Một số các nhà nghiên cứu hy vọng tìm thấy nó ở tế-bào sống. Và lúc đó thì biết bao công-trình sẽ phải đặt ra để giải-thích vai trò của thứ nước kia đối với đời sống của chúng ta.

Một chi tiết của Apollo 11

Phi-hành-gia Neil Armstrong, lúc còn rảo bước ngoạn cảnh trên mặt nguyệt-cầu, đã chú-ý đến những đồng đá sáng lóng lánh như thủy-tinh, nằm rất ngay ngắn ở giữa mỗi lỗ trũng vốn rất nhiều trong vùng biển Trầm-lặng, nơi đổ bộ của phi-thuyền Phụng-hoàng. Điều đặc-biệt là bao giờ nó cũng nằm ngay chính giữa lỗ, như một giọt nước nằm ở đáy ve Thấy ngộ, Armstrong bèn chụp hình đem về trái đất để khoe chơi.

Tắm hình lọt vào tay một nhà thiên-văn-học, ông Thomas Gold, và ông này đã nhìn thấy ở đó một sự - kiện có thể giải-thích được.

Đồng đá sáng lóng lánh như gương đó là do những chất nóng chảy từ bờ thành hố chảy xuống kết đọng lại. Muốn có được hiện-tượng đó, phải có một sức nóng ít ra phải mạnh gấp 100 lần ánh sáng mặt trời. Những cái hố hình phễu đó sẽ thu hút sức nóng nhiều hơn nơi khác và đủ sức làm cho các lớp đất đá chảy ra. Như thế nguyệt-cầu trong quá-khứ hẳn đã có lần bị thiêu đốt do một nguồn sức nóng nào đó trong thái-dương-hệ. Thomas Gold cho là nguồn nhiệt đó phát xuất từ

mặt trời do một vụ va chạm giữa nó với một ngôi sao chổi nào đó. Biển-cổ chỉ cần kéo dài trong 10 đến 100 giây đồng hồ. Va bởi vì những đồng đá thủy-tinh vẫn còn hiện diện rõ ràng trong lòng hồ mặc cho bề mặt nguyệt-cầu luôn luôn bị các vẩn-thạch và các phần-tử từ mặt trời bắn tới, nó chứng tỏ biển cổ mới xảy ra gần đây. Thomas Gold đưa ra một con số là 30.000 năm.

Một vụ nổ như thế chắc sẽ gây ra ảnh-hưởng trên tất cả hành-tinh trong thái-dương-hệ. Người ta ghi nhận hậu-quả của nó có thể làm cho bầu khí quyển của trái đất bị mất đi một ít khí Hélium, làm cho khí Nitrogen ở hành-tinh Mars hiếm hơn, và nhất là Mercury, hành-tinh gần mặt trời nhất, chắc chắn đã gánh chịu những ảnh-hưởng rõ rệt hơn hết.

Các hậu quả đó còn lâu mới kiểm-chứng được. Thomas Gold hy vọng là chuyến bay Apollo 12 sắp tới sẽ giúp ông ta một điều: nếu như những đồng đá đó ở những nơi khác nhau trên mặt nguyệt cầu có cùng tuổi tác như nhau thì giả-thuyết của ông có thể là sự thật.

Một cơn sốt và một toa thuốc ở Hà nội

Đừng vội lầm tưởng đến một cơn sốt chính-trị: đó chỉ là một trận dịch sốt xuất huyết đã làm cho hơn 1000 người dân miền Bắc bị thiệt mạng.

Bệnh dịch này có nguồn gốc ở Manila và Vọng - Các, sau đó lan tới Tân - gia - ba vào khoảng năm 1960 và xuất hiện lại tại Vọng-các vào mùa hè rồi. Những cơn bão lụt ở miền Bắc làm cho nền vệ-sinh công cộng ở nơi này bị bỏ bê, tạo điều kiện thuận

tiện cho sự nảy nở của các bệnh truyền nhiễm. Bệnh truyền đi do loại muỗi *Aedes Aegypti*; nó sống gần gũi với dân chúng, thích hợp được với đời sống đô-thị.

Bệnh khởi đầu bằng một cơn sốt kéo dài chừng 3 ngày. Sau đó là đau đầu, ói mửa, rồi xuất huyết dưới da, chảy máu cam, mửa ra máu.. Bệnh nhân có thể bị những cơn đau bụng và hơn một nửa lâm vào những cơn mê sảng đưa dần tới cái chết.

Hiện nay chưa có thuốc chủng hoặc thuốc trị chứng bệnh sốt xuất huyết này. Một toa thuốc mới mẻ nhất gồm: đậu xanh, củ cải và giun đất trộn lẫn với nhau, rồi để cho lên men được nhà cầm quyền miền Bắc chính thức khuyến cáo dân chúng sử dụng. Không biết thứ thuốc lạ lùng này có hiệu quả gì chăng?

Giải Nobel về Y-Khoa năm 1969

Một lần nữa, Hoa-Kỳ lại một mình chiếm hết trọn giải Nobel của Hàn-lâm viện Thụy-điền Cả 3 nhà bác học này, thuộc 3 tổ chức khác nhau, đã cùng chia xẻ mỗi danh dự đó nhờ những công lao của họ trong lãnh vực cực-vi-trùng học.

Người đầu tiên là bác sĩ Max Delbrück, 63 tuổi, thuộc viện kỹ thuật California. Từ năm 1940, ông đã tìm ra sự tiến triển của cực-vi-trùng khi nó xâm nhập vào một tế bào vi trùng. Một cực-vi-trùng có thể phân sinh ra hàng trăm đơn vị khác giống hệt như nó mà số lượng có thể đếm trước được trong một khoảng thời gian nào đó.

Sau này cùng với Salvador E Luria năm nay 57 tuổi, thuộc Viện Kỹ-thuật Massachusetts, hai ông đã ghi nhận

được sự biến chứng của các giống cực vi-trùng. Hiện tượng này giúp giải thích sự tái phát đều đặn từng chu kỳ của những trận dịch cúm trên thế giới.

Một sự hiểu biết đầy đủ về cơ-chế truyền bệnh của cực-vi-trùng mới chỉ đạt được gần đây do sự đóng góp lớn lao của Alfred D. Hershey, năm nay 60 tuổi, thuộc viện Carnegie. Từ năm 1950, Hershey đã cho biết mỗi cực-vi-trùng gồm một vỏ bọc ngoài bằng protein và bên trong là một phân tử DNA, cơ-cấu của tính di truyền. Khi cực-vi-trùng tiếp xúc với một tế bào vi trùng nào đó, chất DNA sẽ được bơm vào trong tế-bào trong lúc phần vỏ protein bị bỏ lại ở bên ngoài. Phần DNA đó sẽ lấn át phần DNA có sẵn trong tế bào và điều khiển sự tổng hợp protein trong tế bào, lợi dụng ngay chính những nguyên liệu có sẵn để tạo nên những đơn vị cực-vi-trùng mới. Như thế, phần vỏ protein chỉ có tính chất sinh-kháng-thể (antigenic) và phần DNA chịu trách nhiệm về tính sinh-bệnh (pathogenic) của cực-vi-trùng.

Áp dụng thực tiễn nhất của những công trình nghiên cứu này là các loại thuốc chủng ngừa bệnh tê-liệt trẻ em (polio), bệnh sởi (measles), hồng chần (rubella) và bệnh quai-bị (mumps).

Sự thất bại của Soyuz 6, 7 và 8.

Các chuyên viên của Mỹ coi 3 chuyến bay liên tiếp đó của Nga sô là một sự thất bại. Vì rằng mục đích chính của chuyến bay rầm rộ này là nhằm thiết lập một trạm không-gian đầu tiên của loài người trong quỹ đạo, mà rồi sau đó Soyuz 6, 7 và 8 lần lượt trở về đất Nga chẳng còn để lại vết tích gì.

Soyuz 6 được phóng đi ngày 11 tháng 10 chớ theo Georgi Shonin, phi-đoàn-trưởng và Valeri Kubasov hoa tiêu của chuyến bay. Phi thuyền chớ theo nhiều dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ để hàn gắn, nhưng không mang theo bộ phận để ráp nối.

24 giờ sau, Soyuz 7 khai hỏa, chớ theo 3 phi hành gia Anatoli V. Filipchenko, phi-đoàn-trưởng, Vladislav N. Volkov, hoa tiêu và Viktor V. Gorbatko trung tá không quân, giữ nhiệm vụ nghiên cứu. Và một lần nữa, sau 24 giờ, phi thuyền thứ 3, Soyuz 8 chớ theo Vladimir A. Shatalov và Aleksei Yeliseyev được đưa lên quỹ đạo. Chưa bao giờ cảnh không gian nhộn nhịp và vui vẻ đến thế: 3 phi thuyền và 7 phi hành gia cùng bay lượn trên đó.

Soyuz 8 với Shatalov làm phi-đoàn-trưởng lãnh nhiệm vụ chỉ-huy tối cao, quan sát và ra lệnh cho hai phi-thuyền kia. Soyuz 6 nghiên cứu về sự chói sáng của các vật chất trong không gian, Soyuz 7 đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu kỹ thuật ráp nối và phương pháp xác định đường chân trời.

Ngày 15-10, Soyuz 7 và 8 bắt đầu xích lại gần nhau để thực hiện cuộc ráp nối. Ngày 16-10, Soyuz 6 (ngày hôm trước vẫn bay sát theo hai phi thuyền kia để quan sát cuộc ráp nối) bảy giờ bắt đầu cuộc thí nghiệm hàn gắn chính yếu của nó. Soyuz 6 đáp xuống mặt đất ngay ngày hôm đó sau khi công tác hoàn tất. Hai ngày kế tiếp, Soyuz 7 rời Soyuz 8 lần lượt rời bỏ quỹ đạo.

Đây có thể chỉ là một giai đoạn thí nghiệm đầu tiên trong chương trình của Nga hơn là một dự tính thiết lập

một trạm không gian thật sự. Mặc dầu rất nhiều chi tiết của chuyến bay không được chính quyền Nga công bố, quỹ đạo của cả 3 phi thuyền đều nằm ở cao độ 124 — 140 dặm, là một quỹ đạo quá thấp. Với quỹ đạo này, một trạm không gian nếu được thành lập, cũng không thể tồn tại quá 1 hay 2 tuần mà không bị hút trở lại trái đất.

Một dự tính như thế, không chỉ riêng người Nga mới có. Cơ quan N.A.S.A của Mỹ đã hoạch định, cùng

một lúc với 9 cuộc đổ bộ khác lên mặt nguyệt cầu vào năm 1972, việc thành lập một trạm không gian đầu tiên của Mỹ trong quỹ đạo. Trạm này sẽ là một tầng thứ 3 của hỏa tiễn Saturn 5 được biến chế đi. Một khi được đặt vào quỹ đạo, nó có thể cung cấp nơi trú thân an toàn cho một phi hành đoàn 3 người ăn, ở trong vòng 1 tháng.

TỬ DIỆP

10 / 69

THỜI-SỰ' VĂN-NGHỆ

Trò chuyện

La vie de famille của Henriette Jelinek giống tiểu thuyết đăng báo ở ta gần đây vì nhân vật nói với nhau luôn miệng. Người ta có một lối gọi thứ truyện ấy : hiện thực bằng máy ghi âm (*réalisme au magnétophone*).

Tuy nhiên bề ngoài thì giống, mà bên trong lại khác. Henriette Jelinek có dụng ý dùng những câu nói trong gia đình Fenouillard làm mòn mỗi con người, phơi bày cái tầm thường trơ trẽn của đời sống thường nhật. Chuyện trò thì nhạt nhẽo, ngày tháng trôi qua đều đều, cuộc đời quanh đi quẩn lại trong sự đụng chạm của những tâm hồn quen thuộc không còn gì để tìm hiểu nhau nữa..., Chán nản hết sức.

Đọc giả đọc sách một hồi có thể chán? Càng tốt. Cứ việc tha hồ chán : như thế tác phẩm đã gây được đúng cái cảm tưởng mà người viết muốn nó gây nên.

Treo trên đầu chúng ta

« Thực ra, chính là những bộ phận sinh dục của chúng ta, chúng ta đã cắt

và trao cho Chính phủ, những cái ấy đã trở thành những quả bom nguyên tử treo lơ lửng trên đầu chúng ta và đe dọa huỷ diệt chúng ta. »

Cái " sự thực " ngộ nghĩnh ấy, một người Ý đã nói ra cách đây năm năm, tức 1964, trong một tác phẩm mới vừa được phát hành ấn bản Pháp văn và được nhiều giới khen ngợi. Cuốn *Psychanalyse de la situation atomique* của Franco Fornari.

Tác giả chủ trương cắt nghĩa hiện trạng thế giới, đặc biệt là ở các quốc gia kỹ nghệ, theo quan điểm phân tâm học.

Ở mỗi người đều có bản năng huỷ hoại. Nhưng các cá nhân sống trong quốc gia đã trao phó cái việc huỷ hoại ấy cho một vài người cầm đầu : những người ấy quyết định phát động những cuộc giết chóc, tàn sát, chiến tranh. Cũng như sống trong gia đình, người cha là tượng trưng cho uy quyền, là sự định đoạt.

Nhưng khi đứa trẻ lớn lên, đến một

giai đoạn nào đó nó đoạt lại cái uy quyền đã ủy cho Người Cha : nó giành quyền quyết định đời mình. Như thế nó mới thành người hẳn.

Quả bom nguyên tử, khả năng chiến tranh, là cái mà cá nhân đã ủy thác cho Quốc-gia trước kia. Quốc gia là Người Cha.

Nhưng những hiện tượng liên tiếp xảy ra ở Âu Mỹ trong vòng mấy năm gần đây chứng tỏ con đã đến giai đoạn trưởng thành muốn truất phế Cha, cá nhân đã muốn thu hồi quyền hạn của Quốc gia. Bắt đầu từ những xã hội kỹ nghệ, liên tiếp phát sinh những phong trào nổi loạn. Nổi loạn chống chiến tranh Việt-Nam ở Mỹ, chống bộ máy thư lại ở Nga xô, chống tổ chức đại-học ở khắp nơi... Cá nhân đòi tham dự, đòi quyền quyết định. Cá nhân không tin cậy ở bộ máy Quốc gia : phi nhân, vô tình.

Người ta hi vọng nhờ đó quả bom nguyên-tử sẽ thành vô hại

Dẫu sao, nó còn cứ treo lơ lửng như thế như những bộ phận... thì vẫn không được nhả. Vấn đề lịch sử.

Ngày xưa ấy

« Ngày xưa bột gạo ăn nó thơm hơn bây giờ, lòng người không tráo trở như bây giờ, cái khí trời thổi vào phổi nó cũng trong lành hơn bây giờ v.v... »

Đại khái, bây giờ là hỏng cả. Đó là luận điệu thường nghe ở những người tuổi tác bi quan.

Kỳ thực, nếu những vị ấy quả sống vào ngày xưa (đừng quá xưa, vào thời con cạp biết nói chuyện với con chồn..., hãy sống cách đây 200 năm thôi thì sự thể xảy ra thực bất ngờ. Điều bất ngờ

nhất là đa số trong các vị ấy không được phát biểu ý kiến : bởi vì quá nửa đều chết non, không làm gì sống đến lúc tuổi tác để mà so sánh.

Bên Âu-châu, vào khoảng năm 1750, có 30% trẻ sơ sinh chết trước khi ăn thôi nôi, có 15% chết trước bốn tuổi, có 10% nữa chết trước tuổi đôi mươi. Còn lại không đầy một nửa. Trong số ấy sẽ có 4 phần 5 vĩnh biệt cuộc đời trước tuổi 60 ! Như vậy 10 vị còn lại 1, lấy ai mà đàm đạo so sánh ?

Cuốn *Un monde que nous avons perdu* của Peter Laslett mới đây nói về cuộc sống của xã hội Anh trước Thế-kỷ 18 khiến ta mơ ước được biết về cuộc sống hàng ngày của người Việt cách đây năm bảy thế hệ Người thường dân trong xóm làng dưới thời vua Quang-Trung người ta sinh sống ra sao, lợi tức hàng năm bao nhiêu, mua sắm được những gì, đau ốm thì chữa chạy cách nào, ăn uống có những món gì, nhậu nhẹt lai rai mỗi năm được mấy lần ? v.v ..

Ở các nước, loại ấy đã có nhiều : *Paysans L'guetoc* của Emmanuel Le Roy Lacherie, *Cent mille Provinciaux au 17e siècle* của Pierre Goubert v.v.,

Loại khế-ước mới

Phái tả ở Pháp cứ thua hoài. Nhưng không việc gì bi quan. Đã có cách gỡ. Đề đấy, thông thả rồi Robert Fossaert mách cho.

Vấn đề là phải tổ chức các lực lượng lại, phối hợp mọi tổ chức chính trị, nghiệp đoàn v.v.. lại. Liên kết bằng thứ khế ước .. xã nghĩa. Cứ thế là thắng hữu phái cái chắc.

Le contrat socialiste là tên sách của Robert Fossaert đề đối chiếu với thứ sách quá thời của J.J. Rousseau : *Le contrat social*.

TRANG THIÊN

10-1969

Nobel Văn chương năm 1969

STOCKHOLM 24-10 (UPI-AP AFP-REUTER.) Kịch-tác-gia Pháp kiêm nhà thơ Samuel Beckett (gốc Ai-nhĩ-Lan) hôm thứ Năm 23-10 đã đoạt giải thưởng văn chương Nobel năm 1969.

Hàn Lâm viện Thụy-điền cho hay kịch-tác-gia Samuel Beckett (63 t) có tác phẩm "En Attendant Godot «Waiting For Godot»" đã đoạt giải thưởng này trị giá 72.800 Mỹ kim (gần 9 triệu bạc VN theo hối xuất chính thức).

Giải thưởng văn chương Nobel năm nay đã dành cho Pháp lần thứ nhất kể từ khi kịch tác gia kiêm triết gia khuynh tả Pháp Jean Paul Sartre đã từ chối giải thưởng văn chương Nobel năm 1964.

Hàn lâm viện Thụy-điền cho hay giải thưởng văn chương Nobel 1969 dành cho Samuel Beckett vì "tác phẩm của ông đã biết cách áp dụng thích nghi các hình thức, tiểu thuyết và kịch bản « rút tĩa và phơi bày sự cùng cực của con người hiện đại ».

Nhà văn Samuel Beckett tuy gốc Ai-nhĩ lan, đã cư ngụ tại Pháp suốt từ năm 1938 đến nay. Cuốn tiểu thuyết "Molloy" (1951) ngày nay vẫn được coi như một khám phá mới lạ trong văn học nghệ thuật.

Hai kịch bản "En Attendant Godot" và "Oh les Beaux Jours" cũng được coi là hai tác phẩm trứ danh trong bộ môn kịch bản hiện đại trên thế-giới.

Kịch-tác-gia Beckett sinh trưởng gần Dublin (Ái nhĩ Lan) năm 1906. Ông xuất thân từ một gia đình trung lưu theo đạo Tin-lành. Beckett đã theo học

tại Dublin. Môn học của ông là ngôn-ngữ-học.

Ông được mô tả như một sinh viên xuất sắc. Ông sang Balê năm 1928 để trở thành một giảng-sư về Anh-ngữ tại trường Cao đẳng Sur-phạm ở Balê.

Tại Balê, Samuel Beckett đã gặp người bạn đồng hương là văn sĩ James Joyce. Sau đó Beckett trở lại trường Trinity và rồi sang Âu-châu trong nhiều năm vào năm 1937. Cuối cùng ông sinh sống tại Balê nơi ông cư ngụ cho đến ngày nay.

Samuel Beckett là tác giả nhiều cuốn tiểu thuyết, kịch bản, thơ, tiểu luận. Các tác phẩm của ông đều được phiên dịch sang nhiều thứ tiếng.

Nhân viên Jerome Lindon thuộc nhà xuất bản "Beckett" tại Balê cho hay là không biết làm cách nào để thông báo cho Samuel Beckett rằng ông đã đoạt giải thưởng văn chương Nobel 1969 vì Beckett hiện du lịch tại ngoại quốc.

Lindon cho hay thêm có thể Beckett đi Địa-Trung-Hải, hay có thể sang Mỹ. (trích Nhật báo Hòa bình 25-10-69)

Những ưu tư của người cầm bút?

Đó là đề-tài mà nhà văn Hoàng-Xuân - Việt đã thuyết trình trước khoảng 100 khán giả, đa số là các bạn trẻ, tại quán Phấn Thông Vàng vào hồi 21 giờ ngày Chúa nhật 19-10-69

Mở đầu ông Hoàng Xuân Việt ví các quán cà phê văn nghệ như những ốc đảo cần thiết. Những người "làm văn nghệ hôm nay" gặp một quán cà phê văn nghệ không khác gì một người đi trong sa mạc mà gặp một vũng nước với cây dừa. Theo ông, các quán này

không những cần thiết cho giới trẻ mà cũng còn rất cần thiết cho giới văn nghệ sĩ. vì đã tạo cho họ cơ hội gặp gỡ nhau để « tâm đàm », rồi ông mới bắt đầu « tâm đàm » về « những ưu tư ». Ông Hoàng Xuân Việt phát biểu là bất cứ văn nghệ sĩ nào cũng có những đêm thức trắng để ưu tư và nỗi ưu tư này đều hướng về sự rời rạc của sinh-hoạt văn-hóa. Cũng theo ông Hoàng-Xuân-Việt thì nguyên nhân của sự rời rạc này là do thiếu sự kết hợp chặt chẽ giữa văn-nghệ-sĩ và chính quyền. Nhân đó, ông đề nghị là văn-nghệ sĩ và chính quyền nên có một cuộc hôn nhân. Ông quả quyết là cuộc hôn nhân này sẽ không biến văn nghệ sĩ thành những « văn công » và thật sự văn nghệ sĩ cũng không khó tính, đến nỗi chối từ sự hợp tác đó. Ông lên tiếng báo động là vì thiếu sự kết hợp, nên văn nghệ sĩ không được chính quyền nâng đỡ, không có một đời sống phong phú để đầy mạnh sáng tác và nhiều văn nghệ sĩ hiện đang sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, « sinh vô gia cư, tử vô địa táng », đang chua xót trước thân phận cầm bút của mình. Tóm lại ông Hoàng-Xuân-Việt, với nỗi ưu tư là mong sao sinh hoạt văn hóa đương rời rạc sẽ được khởi sắc và phong phú hơn; ông đề nghị một cuộc « tình-duyên » để văn nghệ sĩ lúc sống đỡ khổ hơn và có đất chôn khi chết.

Sau phần thuyết trình của ông Hoàng-Xuân-Việt, ông Nguyễn Thụy, người điều khiển chương trình sinh hoạt văn nghệ của quán Phấn Thông Vàng lên máy vi âm tóm tắt lại những ý kiến của diễn-giả) sợ thính giả nghe không rõ chăng?) và tiếp theo đó ông giới thiệu chương-trình nhạc phụ-diễn. Nhưng trong hàng ghế khách hàng, người ta

thấy nhà văn Nhật-Tiến dơ tay xin phát biểu ý-kiến. Có thể đây là một sự bất ngờ ngoài dự-liệu của những người có mặt, vì buổi nói chuyện không đề cập đến vấn-đề thảo-luận. Nhưng người điều khiển cũng trao máy vi-âm cho Nhật-Tiến. Nhà văn này viện lý do « cũng là người cầm bút đã in được đôi ba tác phẩm » nên xin được góp ý về vấn đề những ưu tư của người cầm bút do nhà văn Hoàng-Xuân-Việt đã nêu ra.

Mở đầu Nhật-Tiến ghi nhận thiện-chí của ông Hoàng-Xuân-Việt khi đề cập đến sự hợp tác giữa văn nghệ sĩ và chính quyền để hy vọng đầy mạnh sinh hoạt văn-hóa thoát khỏi sự bế tắc hiện nay. Nhưng ông lại đưa ra hai ý kiến :

— Thứ nhất là nói đến hôn nhân thì phải đặt vấn đề tương xứng, vì cuộc hôn nhân đứng đắn nào lại không cần phải tương xứng. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, anh em văn-nghệ-sĩ không thấy cần phải hợp tác với chính-quyền, không thấy đó là một nhu cầu cần thiết bởi vì chính quyền chưa ý-thức được tầm quan trọng của văn-hóa, chưa trao cho văn-hóa một vai trò đúng với tầm thiết-yếu của nó, vì vậy anh em văn-nghệ-sĩ dù không được sự trợ giúp của chính quyền vẫn âm thầm sáng tạo, âm thầm theo đuổi con đường mà họ đã tự vạch ra cho mình.

— Thứ hai, là sự lo lắng đến vấn đề chết không có đất chôn quả là một sự lo xa quá đáng mà hầu như không một văn-nghệ-sĩ nào nghĩ tới. Anh em văn-nghệ-sĩ khi hoạt động cho văn-hóa đã chấp nhận sự thiếu thốn chật vật mà nhiều khi chính họ lại hãnh diện về sự thiếu thốn chật vật ấy. Hơn nữa trong hoàn cảnh đau thương của đất nước hiện

nay, anh em văn-nghệ-sĩ còn nhiều vấn đề to tát hơn, đáng ưu-tư hơn là nghi tới phương-tiện sống thoải mái, hơn là là một chỗ chôn khi họ nhắm mắt. Nhà văn Nhật Tiến e rằng những ưu tư của người cầm bút mà ông Hoàng-Xuân-Việt đã đề cập chưa phải là những ưu tư chung và cũng chưa có tính cách phổ quát.

Những khách của quán Phấn-Thông-Vàng được nghe một cuộc đối thoại bất ngờ, đã vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt và người ta tự hỏi : « Nếu «kết hôn» với chính quyền để cho sống đỡ khổ và chết có đất chôn chẳng phải là những ước vọng chung của mọi người cầm bút thì đó là những ưu tư riêng của người điều khiển chương trình «Những vấn đề của chúng ta» trên truyền thanh và truyền hình chăng ? »

BUI KIM DINH

Hòa bình với Nguyễn Mạnh Côn

■ Một cuốn sách đã được các báo chí nhắc đến nhiều nhất trong những tuần qua là « Hòa bình... nghĩ gì ? làm gì ? » của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Sách in đẹp, trình bày trang nhã, dày trên 500 trang bán với giá khá cao : 500đ.

7 giờ chiều ngày 14-10-1969 nhà văn Nguyễn Mạnh Côn và nhà xuất bản Chính Văn (Đông-Nai) có mời một số vài chục nhà văn, nhà báo đến dự bữa tiệc ra mắt của tác phẩm. Buổi họp mặt thân mật và vui vẻ. Trong dịp này tác giả « Giấc mơ của đá » cho biết giấc mơ của anh là thành lập được một tổ chức xuất bản thật lớn (vốn chừng vài trăm triệu) dưới hình thức một công-ty để xuất bản dễ dàng và bảo đảm quyền lợi cho những người cầm bút. Anh mang muốn Tổng-thống cũng có một số cổ-phần trong Công-ty xuất-bản này, nếu quả Tổng thống là người thực sự thiết tha với văn hóa.

Nhân dịp này anh có « lời trần tình » mà anh không muốn trình trọng đọc trước anh em, mà chỉ trao lại mỗi người 4 trang in sẵn cùng với sách tặng.

Bản trần tình này minh định thái độ của người viết, lý do của các đề nghị, các giải pháp trong cuốn sách, những giải pháp «có thể áp dụng cho miền Nam chúng ta cho Hoa kỳ và cho cả Cộng sản».

Bạn Lê Phương Chi nhân dịp này đã phỏng vấn tác giả « Hòa bình... nghĩ gì ? Làm gì » và sẽ trình bày cùng bạn đọc Tâm sự của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trong số Bách Khoa tới đây.

Văn chương thời đại : hàn rồi

Đó là đề tài văn chương đã được Hội nghị văn bút Quốc tế lần thứ 26 tại Menton (Pháp) thảo luận. Và sau khi dự hội nghị trên đây (từ 13-9 đến 21-9) trở về, các đại biểu của Văn-bút VN. có tổ chức một buổi nói chuyện tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc Saigon, vào 10 giờ sáng Chủ nhật 26-10, trước ngót 100 thính giả, về những bản tham-luận của mình.

Ô. Nghiêm Xuân Việt đọc lại tham-luận của ông về đề tài « Các phương tiện truyền thông quần chúng có đe dọa văn chương không ? » và theo ông thì nhất định không vì văn chương vẫn có một sứ mạng đặc biệt

Ô. Thanh Vân nói về : « Văn chương truyền thống và văn chương thoát ly ». Theo ông thì có lẽ đó là văn chương đi sát với thực tại, với cuộc sống và văn chương thoát ly cuộc sống, mơ mộng.

Ô. Bằng Eá Lân đọc lại cả bài tham luận bằng tiếng Pháp của ông về đề tài « Văn chương với nhà nước, các tổ quốc tế, các sáng kiến tư nhân và sự tràn ngập văn hóa vào đời sống bình dân».

Ô. Phạm Việt Tuyền tóm tắt ý kiến của ông về « sự phổ biến và sự giao thoa thâu nhập các nền văn-hóa ».

Trong Bách khoa số tới, chúng tôi sẽ đăng lại trọn bài của ông Phạm Việt Tuyền, trưởng phái đoàn, và những nhận xét của ông về Hội nghị Menton.

THU-THỦY

KHÓC EM

Thơ BAO-LƯƠNG

Mộng Trung ! em chết thực rồi ư ?
đau đớn chị nghe ruột ngựa như !
tiếc uổng buồn thương pha máu lệ,
vạn niềm chua xót buốt tâm tư !

khóc con, mẹ tám mươi tư tuổi !
khóc mẹ, đàn con bảy đứa khờ !
khóc vợ, chồng hiền đau cúi mặt !
khóc em, lệ chị chảy thành thơ !

đốt nén hương lòng chị khóc em !
che tay nước nở giọt êm đềm,
nhắc từ tấm bé, khi khôn lớn,
can đảm lý gan nghị đáng khen,

nhớ điệu đàn êm tiếng hát thanh,
nay trong gió thoảng bật hương lành,
căm lờn bác Tạo tay tàn phá,
tài sắc nghìn xưa mãi ghét ganh !

chị mắt em ! ôi mắt quá nhiều !
lặng nhìn di ảnh xiết bao yêu,
khóc duyên má núng đào tươi thắm,
thu thủy xinh như ánh nước nhiều,

tuyết sương vun quén lá từng xanh,
ngày tháng tha phương dật mộng lành
« quê cũ tương phùng ôm lấy mẹ »
cháu mừng tuổi ngoại đứng vây quanh,

mộng đẹp, trời ơi ! mộng rã rời !
còn đâu mộng ước Mộng Trung ơi !
« Thời gian » từng giọt say sưa lệ, (*)
nhỏ xuống mồ em khóa mộng đời !

ước vọng nay đành chờ cháu thơ...
quê hương yêu dấu đã xa mờ...
ngày kia nhớ nước về quê mẹ,
lệ chị chừng nao thôi kết thơ... ?

BAO LƯƠNG N.T.N.

Câu đối của Vũ-Hoàng Chương ai điều

MỘNG-TRUNG NỮ-SĨ

Hành vân lưu thủy hà tâm tai,
thiên nhất phương tôn ca nhất khúc;
Thiện bệnh công sâu ngộ bối hĩ,
loạn trung bút điều mộng trung nhân.

DỊCH NÔM

sang thề Lục Bát

Một phương tàn một khúc ca,
Nào đâu nước chảy đâu là mây trôi !
Mưa sâu chuốc bệnh một nòi
Loạn-trung-bút cảm thương người Mộng-Trung

Saigon, Trung-Thu Kỷ-Dậu
Tây-lịch 1969

(*) Mộng Trung tác giả « Giọt thời gian »

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Những giọt đắng** tập truyện của Võ Hồng, do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 7 truyện đặc sắc và mới nhất của tác giả : Như con chim sơn ca ; Đồi đắng chán ; Hoa khế lưng đồi ; Gà và ba tôi ; Bên đập đồng cháy ; Chồng biểu tình ; Những giọt đắng. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 80đ.

— **Tinh thần trọng nghĩa phương Đông** của Toan Ánh, do Ánh Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 202 trang gồm ngót 40 truyện trọng nghĩa của Nhật bản, Trung-hoa và Việt nam. Bản đặc biệt. Giá : 150đ.

— **Tuyển tập Mùa Thu** tập truyện của : Lưu-Kiến-Xuân, Dương Trữ La, Hồ Trường An, Nguyễn văn Xuân, Biên Hồ, Nguyễn Nguyên, Tân Hoài, Tường Linh, do Trường Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang, gồm 8 truyện của 8 cây viết thời đại trên đây. Giá 100đ.

— **Tình dục III** nguyên tác « La Sexualité » do Thế Uyên dịch, Thái Độ xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 350 trang gồm những bài của 25 tác giả Âu Mỹ về 3 đề-mục : Những lệch lạc về chức phận của tình dục ; Về trưởng thành tình dục ; Tuổi già và tình dục. Giá 240đ.

— **Cahiers de l'Asie du Sud-Est** các số 1 (6/69), 2 (7/69) và 3 (8/69), Cơ quan nghiên cứu, sưu tầm và tuyên truyền đề thiết lập một Liên-bang các nước Đông-Nam-Á. do Bác sĩ Hoàng văn Đức sáng lập kiêm Giám đốc chính trị, Luật sư Ngô văn Hai (Paris) Giám đốc xuất bản. Ban biên tập gồm nhiều nhân vật tên tuổi ở Saigon và Paris. Mỗi số khổ 21 x 27 dày 8 trang gồm nhiều bài tiểu luận, biên khảo, nhận định v.v.. bằng Pháp ngữ.

Descartes, nhìn từ phương Đông của Nguyễn Sa do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách trên 280 trang, viết rất sáng sủa, lời cuốn. Giá 190đ.

Hồi chuông tắt lửa truyện của Thế Nguyên, do Trình Bầy xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 108 trang, in lần thứ 3, ấn loát rất đẹp. Bản đặc biệt. Giá 80đ.

Chúa đã khước từ truyện dài, nguyên tác « The Martyred » của Richard E. Kim bản Việt văn của Lê Khắc Cầm do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 328 trang kể lại cuộc chiến tranh tàn khốc ở Triều-Tiên mà chính tác giả đã sống và chứng kiến. Giá 220đ.

Người Việt gốc Miên của Lê-Hương do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách khảo cứu do tác giả đã sống và sưu tầm tại chỗ, dày 280 trang với rất nhiều hình ảnh trình bày nguồn gốc, dân số, sinh hoạt (xã hội, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, kinh tế...) v.v.. của người Việt gốc Miên. Giá 250đ.

Bán đảo Ả Rập : thảm kịch Hồi giáo vào đầu lửa của Nguyễn Hiến Lê. cuốn này tiếp cuốn Bài học Israël, hợp thành một bộ rất đầy đủ về Trung Đông, miên xảy ra rất nhiều biến cố từ sau thế chiến. Cũng hấp dẫn, nhiều tài liệu như cuốn trên. Khổ 15 x 21, 312 trang, 7 phụ bản. Trình bày nhã nhặn. Giá 250đ.

— **Hòa bình .. nghĩ gì ? làm gì ?** của Nguyễn Mạnh Côn do Chính Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 532 trang gồm 3 phần chính : Nhận định thực tại ; Chúng ta nghĩ gì ? Chúng ta làm gì ? trong đó tác giả luận bàn về rất nhiều vấn đề từ chính trị đến triết học. Giá 500đ.

— **Buồn vui đời lính trường giang** tiểu thuyết của Võ Hữu Hạnh, do Hoa-Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang, in lần thứ 2, mang tên « Người nữ tình báo » là cuốn đầu trong bộ 6 cuốn của tác giả. Giá 170đ.

HƯƠNG THÀNH

103 Ngô Quyền Cholon

*Chuyên sản xuất các loại bánh kẹo
Thơm ngon tinh khiết.*

Bán sỉ và lẻ.

Đã phát hành :

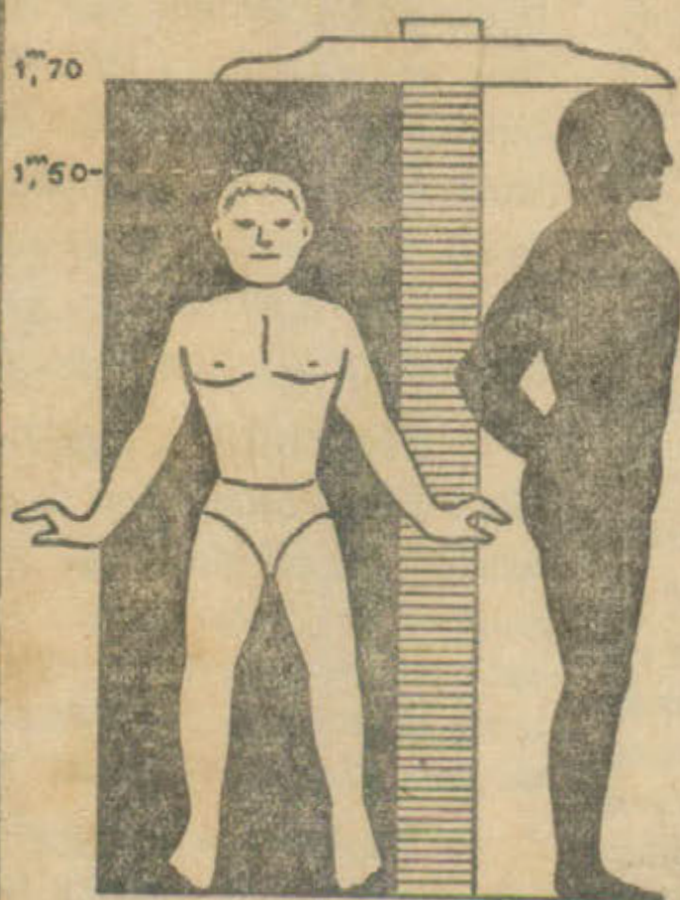
TUYỂN TẬP MÙA THU

tập truyện chọn lọc của những cây viết thời đại :

Lưu Kiền Xuân — Dương Trữ La — Hồ Trường An — Nguyễn Văn Xuân — Biên Hồ — Nguyễn Nguyên — Tấn Hoài — Tường Linh

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Tổng thống Nixon VÀ PHONG TRÀO PHẢN CHIẾN

(Tiếp theo trang 10)

● NGUYỄN

Nhưng còn phản ứng của cả triệu người không tham gia ngày phản chiến? Họ có ủng - hộ cuộc chiến hay không? Một nhân - vật trong tập - đoàn phóng viên báo US News & World Report đặc-trách theo dõi ngày 15-10-1969 trên toàn thế đất Mỹ đã báo về như sau :

« Không có một nơi nào vang lên tiếng đòi hỏi tiếp tục mạnh mẽ cuộc chiến. Người ta chỉ còn có thể kết luận rằng dân chúng đã mệt mỏi vì chiến tranh, ngày càng thêm chán ngấy vì nó. »

Báo này còn đưa ra một nhận định chung về ngày 15-10 như sau :

« Đối với hàng triệu người, biến-cố này đã biểu-lộ một yếu tố chung : vì lý do này hay vì lý do khác, Tổng Thống Nixon hầu như chắc chắn là phải chịu đựng một áp-lực gia tăng đòi rút khỏi cuộc chiến tranh thất nhân-tâm — và theo quan-điểm của đại đa-số, càng sớm càng hay. »

Những đám mây đen ở chân trời

Cái « áp lực gia tăng » đó đã biểu hiện rõ qua kế hoạch vận-động những cuộc biểu-dương lực-lượng tiếp trong các ngày 13, 14 và 15 tháng 11 tới đây.

Tân Ủy-ban Vận-động, Chấm dứt Chiến tranh VN đã kêu gọi các đoàn thể phản chiến toàn quốc tập trung tại Hoa-Thịnh-Đốn và Cựu-Kim-Sơn vào ngày 13-11 để tham dự các cuộc meeting và biểu tình tuần hành.

Ủy ban Vận động Sinh-viên lên

tiếng kêu gọi sinh viên toàn quốc bãi khóa trong ngày 14-11.

Nhóm Vietnam Moratorium Committee đã tổ chức ngày 15-10, trừ liệu sẽ tham gia vào cuộc biểu dương lực lượng của cả hai phong-trào vừa kể trên. Nhóm này còn có kế hoạch đưa các dân biểu về địa phương của họ trong hai ngày 13 và 14-11 để cùng tham dự và sinh hoạt với cử tri. Kế hoạch này nhằm tranh thủ người dân thường, làm họ ý thức sâu sắc về cuộc chiến V.N.

Cuộc biểu tình tuần hành ở Hoa-Thịnh-Đốn trong tháng tới sẽ gồm một cuộc diễu hành của khoảng 45.000 người từ Nghĩa trang Arlington tới điện Capitol—mỗi một người diễu hành sẽ tượng trưng cho một tử-sĩ ở Việt-Nam hoặc một làng ở Việt-Nam bị tàn phá.

Phong trào phản chiến còn dự trù tiếp tục các vụ phản kháng tập thể suốt 3 ngày trong tháng 12 và sẽ tiếp tục gia tăng cường độ cũng như mức độ các cuộc biểu-dương lực - lượng cho tới khi nào chiến tranh chấm dứt mới thôi.

Có một điều đáng lưu ý là trong khi phong trào phản chiến đang ở trên đà bành trướng thì đồng thời các dấu hiệu rạn nứt cũng đã bắt đầu biểu hiện.

Sự bất đồng ý kiến cơ-bản là đa số muốn triệt thoái tức khắc, trái lại một số nhỏ thì cũng muốn vậy nhưng đồng thời lại muốn thêm một điều nữa là chiến thắng Cộng-sản một cách rõ rệt.

Hai nữa là các phần-tử cấp tiến (radicals) mới gia nhập sau này đã lần lần lấn lướt các phần tử ôn hòa nắm giữ vai trò quan trọng hơn trong việc hoạch định kế hoạch biểu tình tháng 11-69.

Hơn nữa, nhóm đàn em của Mc. Carthy và Robert Kennedy muốn chấm dứt chiến tranh mà không phải hủy diệt chế-độ hiện tại của Mỹ thì nhóm cấp-tiến lại muốn lợi-dụng tinh-thần phản-chiến để hủy diệt chế độ. Đặc biệt là thành phần lãnh-đạo Ủy-ban Vận-động Sinh viên đa số có khuynh hướng Trốt-kýt.

Những yếu tố vừa kể làm nhiều người e ngại là sẽ có bạo động trong

các đợt biểu-dương tới, một điều mà Ban Tổ-chức Ngày 15-10 đã tránh được.

Tổng Thống Nixon và các cộng-sự-viên của ông có thể khai thác các rạn nứt vừa kể và có hy vọng chuyển được thế cờ, giành lại được số dân trung-lưu đã mất, nếu chẳng may các cuộc biểu-tình mang tính-chất quá khích hơn. Nhưng đồng thời nếu ông không khéo léo — như ông đã vấp phải trong lúc đối phó với Ủy-ban Vận-động 15-10 — coi thường dư luận quần chúng, thì có thể chính ông sẽ biến các cuộc biểu tình ôn hòa chống chánh sách của chánh quyền thành cuộc biểu tình chống chính cá nhân ông.

NGUYỄN (25-10 69)

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT